



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**

📍 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

☎ (84-8) 3899 2299 - (84-8) 3898 0909

🌐 [www.smc.vn](http://www.smc.vn)

**DẤU ẤN**

Báo cáo  
thường niên **2021**

## CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>SMC</b>	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	<b>PTGD</b>	Phó Tổng Giám Đốc
<b>CTCP</b>	Công ty cổ phần	<b>TMCP</b>	Thương mại cổ phần
<b>TNHH</b>	Trách nhiệm hữu hạn	<b>VPĐD</b>	Văn phòng đại diện
<b>MTV</b>	Một thành viên	<b>BKS</b>	Ban kiểm soát
<b>LNST</b>	Lợi nhuận sau thuế	<b>BRVT</b>	Bà Rịa Vũng Tàu
<b>KCN</b>	Khu công nghiệp	<b>TP.HCM</b>	Thành phố Hồ Chí Minh
<b>ĐHĐCĐ</b>	Đại hội đồng cổ đông	<b>CP</b>	Cổ phiếu
<b>SXKD</b>	Sản xuất kinh doanh	<b>KTT</b>	Kế toán trưởng
<b>HĐQT</b>	Hội đồng quản trị	<b>CTTV</b>	Công ty Thành viên
<b>TGD</b>	Tổng Giám Đốc	<b>TH/KH</b>	Thực hiện/Kế hoạch
<b>CTHĐQT</b>	Chủ tịch hội đồng quản trị	<b>CBCNV</b>	Cán bộ công nhân viên
<b>QTKD</b>	Quản trị kinh doanh	<b>KQKD</b>	Kết quả kinh doanh
<b>BCTC</b>	Báo cáo tài chính	<b>SGDCK</b>	Sở Giao dịch chứng khoán
<b>VLXD</b>	Vật liệu xây dựng	<b>CBTT</b>	Công bố thông tin
<b>MISTS</b>	Marubeni Itochu Sumisho Techno Steel INC	<b>MISP</b>	Marubeni Itochu Steel PTE. Ltd
<b>ĐDPL</b>	Đại diện pháp luật	<b>NKG</b>	CTCP Thép Nam Kim
<b>CBQL</b>	Cán bộ Quản lý	<b>LĐGT</b>	Lao động Gián tiếp
<b>LĐTT</b>	Lao động Trực tiếp		

## MỤC LỤC

<b>THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>04</b>
<b>TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI</b>	<b>06</b>
<b>THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP</b>	<b>08</b>
1. Thông tin chung	09
2. Sản phẩm và dịch vụ cung cấp	10
3. Lịch sử phát triển và sự kiện nổi bật năm 2021	14
4. Sơ đồ tổ chức kinh doanh năm 2021	16
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>18</b>
1. Giới thiệu Hội Đồng Quản Trị	20
2. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	22
Đánh giá chung về thị trường năm 2021	22
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của ban TGD và kết quả SXKD năm 2021	23
Báo cáo các hoạt động của HĐQT trong năm 2021	24
Báo cáo tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021	25
Kế hoạch và định hướng của HĐQT năm 2022	26
<b>BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>28</b>
1. Giới thiệu Ban Tổng Giám Đốc	30
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	32
Đánh giá các yếu tố tác động và kết quả SXKD năm 2021	32
Đánh giá tình hình tài chính trọng yếu năm 2021	34
Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và mục tiêu phát triển năm 2022	42
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>44</b>
1. Giới thiệu Ban Kiểm Soát	46
2. Báo cáo của Ban Kiểm Soát	47
<b>QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP</b>	<b>52</b>
1. Quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh	53
2. Quản trị rủi ro	54
3. Tổ chức và nhân sự	55
4. Quan hệ cổ đông và nhà đầu tư	64
5. Phát triển bền vững	68
6. Hoạt động cộng đồng	68
<b>CÔNG TY CON - CÔNG TY LIÊN DOANH</b>	<b>72</b>
<b>LIÊN KẾT</b>	
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT</b>	<b>80</b>
<b>KIỂM TOÁN NĂM 2021</b>	



## THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### Kính thưa Quý Cổ đông, Các nhà đầu tư, Đối tác doanh nghiệp và các đồng nghiệp;

Trước hết, tôi muốn gửi đến Quý vị lòng biết ơn sâu sắc, sự hỗ trợ to lớn và quý báu đã dành cho SMC trong cả một năm dài 2021 vừa qua.

Chúng ta đã trải qua một năm 2021 đầy chông gai và thử thách. Mặc dù năm 2021 là một cột mốc rất đặc biệt đánh dấu hành trình hơn 30 năm hình thành và phát triển của SMC với những cơ hội đầy triển vọng phía trước nhưng đây cũng là năm thứ hai liên tiếp đại dịch Covid đã gây ra cho đất nước nói chung và SMC nói riêng rất nhiều thách thức. Bất chấp những khó khăn đó, với sự đồng hành bền bỉ của Quý vị, với năng lực nội tại đã được cải thiện cùng với nhiều bài học rút ra trong 2 năm dịch bệnh, SMC đã có những điều chỉnh về mục tiêu chiến lược cho phù hợp với tình hình mới, đồng thời duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm 2021 với nhiều thành tựu và bứt phá mới.

Rõ ràng trong đại dịch vừa qua, một nguyên nhân chủ yếu giúp chúng ta vượt qua, có dấu ấn mạnh mẽ về kết quả sản xuất kinh doanh chính là niềm tin của toàn hệ thống, niềm tin lẫn nhau của người lao động và nhà quản lý, niềm tin của khách hàng, của nhà cung cấp, của cơ quan hữu quan với chúng ta. Tiếp nhận bài học sâu sắc này sẽ là động lực mới cho quá trình phát triển của SMC.

Trân trọng,  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CTCP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**



NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN

Với các diễn biến hiện nay của dịch bệnh, chúng ta vẫn phải tiếp cận năm 2022 với cả cơ hội phục hồi đi kèm với thách thức lớn và nhiều bất ngờ. Cùng với đó là các vấn đề của thị trường thương mại và tài chính cả trong và ngoài nước, nhất là nguy cơ lạm phát mà khả năng xấu nhất là hiện tượng đình trệ của kinh tế toàn cầu. Các rủi ro tiềm ẩn đó có thể tác động rất nhanh, rất mạnh vào sức cầu tiêu dùng của thị trường thếp.

Một năm mới với nhiều thách thức lại đến, trong niềm tin ở sức mạnh SMC, sức mạnh đã giúp chúng ta có dấu ấn đáng ghi nhận trong 2 năm dịch bệnh khó khăn nhất, hoàn thành vượt ở mức cao mọi chỉ tiêu kế hoạch, nhất là bảo toàn được đội ngũ. Với niềm tin từ văn hoá, sức mạnh nội tại của cả hệ thống, Tôi hoàn toàn tin tưởng rằng SMC chúng ta cùng bước vào năm mới 2022 với quyết tâm cao nhất, quyết tâm phát triển nhanh, bền vững và nhất định thành công.

## TÂM NHÌN SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI



### Triết lý kinh doanh

- Biết người biết ta
- Tiên phong trong mọi hoạt động
- Minh bạch, Uy tín, Chuyên nghiệp
- Hòa hòa lợi ích.

### Sứ mệnh

SMC khát khao được cống hiến năng lực và trí tuệ của mình vì sự tin cậy và lợi ích của các đối tác, vì tương lai ổn định và phát triển bền vững cho ngành thép Việt Nam.

### Giá trị cốt lõi

- Chuyên nghiệp
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp.
- Tối đa hóa lợi ích khách hàng
- Đề cao giá trị chữ Tâm trong mọi hoạt động.
- Uy tín, Minh bạch, Hiệu quả
- Hợp tác, Chia sẻ, Học hỏi
- Đoàn kết, phấn đấu vì mục tiêu chung.

### Tâm Nhìn

Nói đến Thép nghĩ đến SMC - Nói đến SMC nghĩ đến thép  
**SMC - Doanh nghiệp Thép Uy Tín và Chuyên Nghiệp**

SMC cam kết thực hiện tốt vai trò uy tín và chuyên nghiệp trong lĩnh vực phân phối, hoạt động gia công và sản xuất kinh doanh thép; không ngừng hoàn thiện, đổi mới, và phát triển để chất lượng và dịch vụ ngày càng nâng cao, mang lại giá trị gia tăng và đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng và thị trường.



# THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

## 1. THÔNG TIN CHUNG

Tên tiếng Việt	: Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại SMC
Tên tiếng Anh	: SMC Trading Investment Joint Stock Company
Tên giao dịch	: Steel Materials Company
Tên viết tắt	: SMC
Trụ sở chính	: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM
Điện thoại	: (84 - 028) 38 99 22 99 Fax: (84 - 028) 38 98 09 09
Website	: www.smc.vn
Vốn điều lệ	: 609.946.910.000 đồng
Mã chứng khoán	: SMC – niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM (HSX)
Mệnh giá	: 10.000 đồng
Số cổ phiếu niêm yết	: 60.994.691 cổ phiếu
Số cổ phiếu đang lưu hành	: 60.922.941 cổ phiếu



### Lĩnh vực kinh doanh:

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox; xây dựng, lắp đặt các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; sửa chữa nhà ở, trang trí nội ngoại thất; lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn, thiết kế và kinh doanh nhà ở; kinh doanh các mặt hàng điện máy kim khí, bách hóa, hàng tiêu dùng, hàng thực phẩm.
- Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hóa nội địa và hàng xuất nhập khẩu; cho thuê xe có động cơ.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Bán buôn, chuyên doanh khác.



**TÒA NHÀ SMC**

Tại 396 Ung Văn Khiêm, P. 25,  
Quận Bình Thạnh, Tp. HCM

## 2. SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ

- Phân phối thép xây dựng các loại bao gồm thép cuộn kéo dây, thép tròn trơn, thép gân; và các nguyên liệu sản xuất thép bao gồm phôi, than cốc, quặng...
- Phân phối thép tấm lá các loại bao gồm thép cán nóng, thép cán nguội, thép lá mạ kẽm, mạ điện, mạ màu, mạ hợp kim, thép không gỉ.
- Phân phối thép hình (H, I, U), thép la, xà gỗ, thép cường độ cao, thép không theo quy chuẩn.
- Hệ thống Coil Center, có tổng công suất gia công lên đến 500.000 tấn/năm, với các nhà máy đặt tại BRVT, TP.HCM, Đà Nẵng, và Hà Nội được trang bị máy móc thiết bị hiện đại nhập khẩu từ Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc theo công nghệ Châu Âu, phương pháp quản lý khoa học theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, chuyên cung cấp dịch vụ gia công định hình, xả băng, cắt chặt tấm các loại thép tấm cán nóng, thép lá cán nguội, thép lá mạ kẽm, mạ điện, mạ màu, thép không gỉ với độ chính xác và chất lượng cao.
- Hệ thống Cơ Khí Chính Xác, có tổng công suất giai đoạn 1 đạt 2.000.000 sản phẩm/năm, với nhà máy đặt tại KCN Phú Mỹ 2, tỉnh BRVT được trang bị máy móc thiết bị hiện đại nhập khẩu từ Hàn Quốc, chuyên cung cấp dịch vụ gia công chính xác, đột dập định hình, cung cấp sản phẩm chất lượng cao cho các nhà sản xuất điện gia dụng, điện tử, ô tô, xe máy...
- Hệ thống sản xuất thép cán nguội và thép lá mạ kẽm tại SMC Cơ Khí, có công suất thiết kế 350.000 tấn/năm, chuyên cung cấp các sản phẩm cho hệ thống Coil Center và các nhà máy sản xuất ống thép.
- Hệ thống sản xuất thép ống Việt Nhật Sendo có công suất 250.000 tấn ống thép các loại/năm, bao gồm ống tròn, ống vuông, ống hộp, theo hai dòng sản phẩm ống đen và ống mạ kẽm.
- Hệ thống sản xuất lưới thép hàn Việt Nhật SMC Toami chuyên sản xuất lưới thép hàn với công nghệ và chất lượng cao.



Hệ thống coil center



Hệ thống Coil Center



Hệ thống Coil Center



Thép hộp



Thép cuộn cán nóng



Thép cuộn



Thép tấm cán nóng



Xà gỗ



Thép gân



Lưới thép hàn



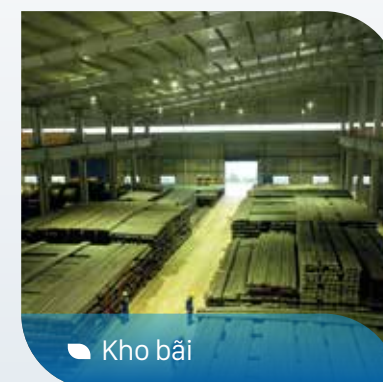
Hệ thống Coil Center



Thép lá mạ kẽm



Ống thép\_Steel pipe



Kho bãi



Thép cán nguội



Thép tròn trơn

## TRỤ SỞ CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**  
 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM  
 Điện thoại: (84-028) 3899 2299 – Fax: (84-028) 3898 0909  
 Website: [http:// www.smc.vn](http://www.smc.vn)

## 4

### CÔNG TY LIÊN DOANH – LIÊN KẾT

**CÔNG TY TNHH SMC – SUMMIT**  
**(Liên doanh SMC – MISTS – MISP)**

Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh BRVT  
 Điện thoại: (064) 3922 955 – Fax: (064) 3922 969  
 VPĐD: 396 Ung Văn Khiêm, P.25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM  
 Điện thoại: (08) 3899 2299 – Fax: (08) 3898 0909  
 Vốn điều lệ: VNĐ 83.286.000.000  
 Tỷ lệ sở hữu: 50%

**CÔNG TY TNHH HANWA SMC STEEL SERVICE HÀ NỘI**  
**(Liên doanh SMC – Tập đoàn Hanwa)**

Lô số 47, KCN Quang Minh, Huyện Mê Linh, Hà Nội  
 Điện thoại: (04) 3525 1522 – Fax: (04) 3525 1526  
 Vốn điều lệ: VNĐ 64.369.800.000  
 Tỷ lệ sở hữu: 35%

**CÔNG TY TNHH SMC – TOAMI**  
**(Liên doanh SMC – Tập đoàn Toami – Tập đoàn Hanwa)**

Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh BRVT  
 Điện thoại: (064) 3924 410 – Fax: (064) 3924 411  
 VPĐD: Lầu 4 - 396 Ung Văn Khiêm, P.25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM  
 Điện thoại: (08) 3899 2299 – Fax: (08) 3898 0909  
 Vốn điều lệ: VNĐ 65.217.375.000  
 Tỷ lệ sở hữu: 25%

**CÔNG TY TNHH VSSC STEEL CENTER**  
**(Liên doanh SMC – Samsung C&T)**

Đường N7 – KCN Phú Mỹ 2, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT  
 Vốn điều lệ: VNĐ 225.750.000.000  
 Tỷ lệ sở hữu: 15%

## 8

### CÔNG TY THÀNH VIÊN

**CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI SMC**

Đường số 5, KCN Đồng An, Phường Bình Hòa, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
 Điện thoại: (0650) 3769 526 – Fax: (0650) 3783 839  
 Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 100%

**CÔNG TY TNHH THÉP SMC**

Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh BRVT  
 Điện thoại: (064) 3922 866 – Fax: (064) 3922 469  
 Vốn điều lệ: 230.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 100%

**CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ THÉP SMC**

Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh BRVT  
 Điện thoại: (064) 3922 933 – Fax: (064) 3922 499  
 Vốn điều lệ: 180.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 100%

**CÔNG TY TNHH MTV SMC TÂN TẠO**

Lô 33, đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. HCM  
 Điện thoại: (08) 3754 7454 – Fax: (08) 3754 5666  
 Vốn điều lệ: 150.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 100%

**CÔNG TY TNHH MTV SMC ĐÀ NẴNG**

Đường số 2, KCN Hòa Cẩm, Phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng  
 Điện thoại: 0236 3737 345 – Fax: 0236 3723 345  
 Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 100%

**CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ỐNG THÉP SENDO (LIÊN DOANH SMC – HANWA)**

Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh BRVT  
 Điện thoại: (064) 3922 955 – Fax: (064) 3922 969  
 Website: <http://www.sendopipe.com>  
 Vốn điều lệ: 176.201.485.313 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 75%

**CÔNG TY TNHH GIA CÔNG THÉP SMC PHÚ MỸ**

Đường N7 – KCN Phú Mỹ 2, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT  
 Điện thoại: (064) 3933 595 – Fax: (064) 3933 600  
 Vốn điều lệ: 220.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 100%

**CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC SMC PHÚ MỸ**

Đường N7 – KCN Phú Mỹ 2, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT  
 Điện thoại: (064) 3933 866 – Fax: (064) 3933 869  
 Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu: 100%

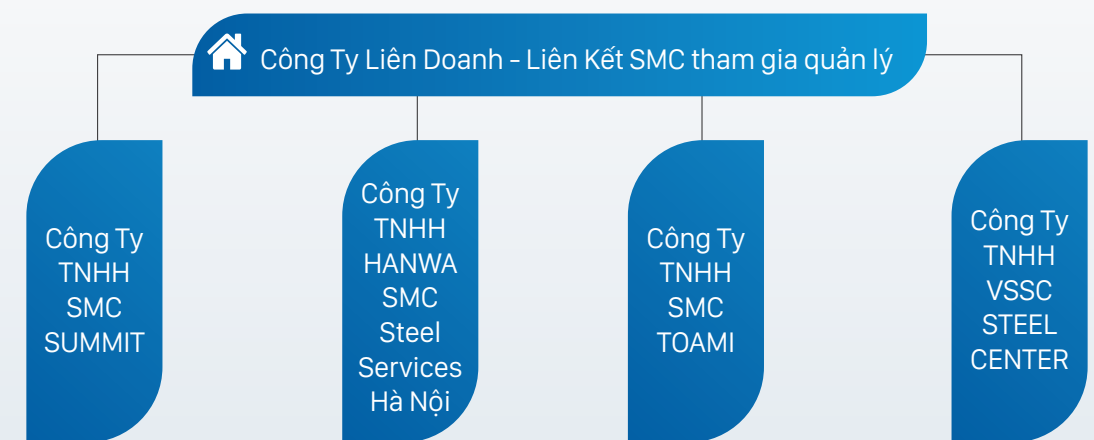
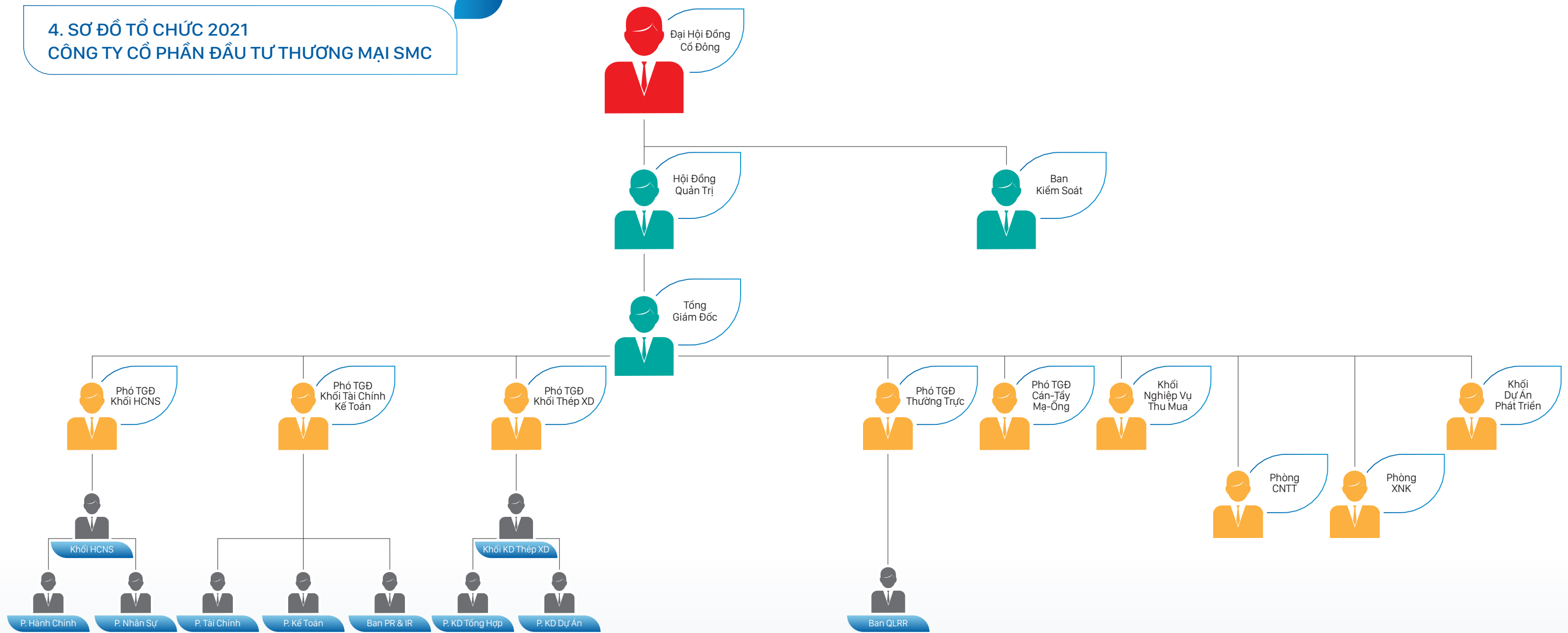


### 3. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2021





**4. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



## GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



01

**Ms. Nguyễn Thị Ngọc Loan**

**Chủ tịch HĐQT SMC**

**Năm sinh:** 1961

**Trình độ chuyên môn:**

Cao đẳng Kinh tế – chuyên ngành QTKD



02

**Ms. Nguyễn Ngọc Ý Nhi**

**Phó Chủ tịch HĐQT SMC/**

**Phó TGDĐ Khối Tài Chính Kế Toán SMC**

**Năm sinh:** 1983

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Kinh tế Tài chính



03

**Mr. Nguyễn Hữu Kinh Luân**

**Thành viên HĐQT SMC/**

**Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC**

**Năm sinh:** 1982

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh



04

**Mr. Kishimoto Hideki**

**Thành viên HĐQT SMC/**

**Giám đốc Điều hành Công ty TNHH Hanwa Việt Nam**

**Năm sinh:** 1969

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân



05

**Mr. Vũ Anh Nguyễn**

**Thành viên HĐQT SMC/**

**Tổng Giám Đốc Công ty Nội thất và Trang trí Baya Việt Nam**

**Năm sinh:** 1989

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Đánh giá chung về thị trường năm 2021

Năm 2021 tiếp tục là một năm với cả cơ hội và thách thức đan xen khi thế giới phải đối mặt với sự chuyển biến phức tạp của đại dịch Covid-19. Nỗ lực phủ khắp vaccine và kích thích tăng trưởng kinh tế thông qua chính sách tài khóa và tiền tệ của chính phủ các nước đã giúp các hoạt động kinh tế, xã hội, giao thương có thể quay trở lại nhịp vận động trước đó. Kinh tế toàn cầu đặc biệt là tiêu dùng tăng nhanh tại các nền kinh tế lớn đã thúc đẩy hoạt động sản xuất và dịch vụ. Từ mức tăng trưởng -3,5% trong năm 2020, GDP thế giới đã đạt được mức tăng 5,5% trong năm 2021. Tuy nhiên, sự chuyển biến phức tạp và lây lan nhanh rộng của Covid-19 đã tác động tiêu cực đến nhiều nền kinh tế vốn vẫn còn đang tồn thương, dẫn đến sự mất cân bằng và tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng ở phạm vi toàn cầu. Các cuộc khủng hoảng năng lượng cũng diễn ra mạnh mẽ trong năm 2021 trong khi giá cả hàng hóa không ngừng leo thang và nguồn cung tiền tệ tăng kéo theo rủi ro về lạm phát.

Năm 2021, Việt Nam thực hiện quyết liệt phương châm thích ứng an toàn, linh hoạt. Sau thời gian dài áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội nghiêm ngặt do biến thể Delta, chính phủ Việt Nam đã nhanh chóng bao phủ vaccine cho toàn dân, đảm bảo nhiều mục tiêu gồm vừa kiểm soát dịch hiệu quả, đảm bảo đời sống an sinh xã hội, vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tổng tăng trưởng GDP năm 2021 của Việt Nam đạt 2,58%, giảm nhẹ so với năm trước đó, do ảnh hưởng nghiêm trọng của Covid tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế trong nước, đặc biệt là các vùng kinh tế trọng điểm, khi phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài suốt giai đoạn quý 3 trong năm. Khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có đóng góp quan trọng, tiếp

tục là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng đến 6,37%. Năm 2021, vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam đạt 19,74 tỷ USD, chỉ giảm 1,2% so với năm trước. Lạm phát tăng 1,84% so với năm 2020. Các chính sách về tiền tệ và tài khóa được điều hành nhất quán, linh hoạt, dự trữ ngoại hối tích cực, đảm bảo cho sự ổn định của tỷ giá. Lãi suất ngân hàng được điều hành phù hợp và theo xu hướng giảm để hỗ trợ cho nền kinh tế và doanh nghiệp hồi phục.

Năm 2021, giá nguyên vật liệu sản xuất và thành phẩm thép các loại diễn biến phức tạp theo xu hướng tăng nhanh và liên tục kể từ cuối năm 2020, kéo dài đến gần nửa đầu năm tiếp theo; rồi điều chỉnh đáng kể trong nửa cuối năm 2021. Thị trường thép thế giới đối mặt với nhiều biến động; các nhà sản xuất thép đối mặt với chi phí sản xuất cao hơn do căng thẳng thương mại chính trị toàn cầu, đồng thời Trung Quốc điều chỉnh nhiều chính sách quan trọng đối với ngành thép trong nước, đặc biệt là chính sách thuế đối với nhiều sản phẩm thép. Tại Việt Nam, ngành công nghiệp thép cũng ghi nhận những dấu ấn tăng trưởng tích cực trong năm 2021, dù phải trải qua giai đoạn khó khăn khi tiêu thụ nội địa, đặc biệt ở khu vực phía Nam, giảm mạnh do ảnh hưởng bởi Covid.

## Đánh giá của HĐQT về hoạt động của ban TGD và kết quả SXKD của SMC năm 2021

Nhìn chung, năm 2021 là một năm thuận lợi với hầu hết các doanh nghiệp ngành thép khi đạt được kết quả kinh doanh vượt xa kế hoạch đã đề ra. Với SMC, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt được những kết quả khả quan và để lại dấu ấn tích cực, dù phải trải qua những ngày tháng khó khăn do dịch bệnh, do bất ổn của tình hình kinh tế xã hội nói chung, và trước các biến động khó lường của ngành thép nói riêng.

Tổng sản lượng tiêu thụ thép các loại của SMC năm 2021 đạt 1,29 triệu tấn, giảm gần 5% so với cùng kỳ và hoàn thành 95% kế hoạch. Doanh thu hợp nhất 2021 đạt 21.315 tỷ đồng, tăng 35% so với năm 2020 và hoàn thành 118% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 901 tỷ đồng, gấp 2,8 lần so với năm trước và hoàn thành đến 300% kế hoạch năm.

Để đạt được dấu ấn như trên, toàn hệ thống SMC đã nỗ lực vượt bậc để duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư trước tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp và ảnh hưởng nặng nề đến mọi mặt

về đời sống kinh tế xã hội. HĐQT và Ban Điều Hành SMC đã phối hợp chặt chẽ và không ngừng tăng cường hiệu quả quản trị để quyết liệt bám sát các biến động mạnh của thị trường, triển khai nhiều giải pháp điều hành linh hoạt và hợp lý; tận dụng tốt cơ hội thị trường, đồng thời chủ động triển khai các phương án ứng phó với dịch Covid đảm bảo cho an toàn nhân sự toàn hệ thống, đảm bảo cho các hoạt động sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn đứt gãy. Nhờ đó, SMC đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu chủ chốt đã đề ra, đồng thời tiếp tục tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển ổn định và bền vững của toàn hệ thống theo định hướng chiến lược trong những năm tiếp theo, khẳng định uy tín thương hiệu, sự ổn định và hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhân đây, chúng tôi cũng gửi lời trân trọng cảm ơn đến chính quyền các cấp, các đối tác, nhà cung cấp, khách hàng, tổ chức tín dụng, cổ đông, đã luôn đồng hành, đồng hành và hỗ trợ nhiệt thành cho SMC trong những lúc thuận lợi cũng như khó khăn.

## Báo cáo tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021

### Tình hình thực hiện các chỉ tiêu trọng yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	% Kế hoạch
Tổng sản lượng thép tiêu thụ	Tấn	1.350.000	1.287.392	95,4%
• Thép dài	Tấn	670.000	675.174	100,8%
• Thép tấm lá mạ ống	Tấn	680.000	612.217	90,0%
Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	18.000	21.315	118,5%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	300,0	901,0	300,3%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	% mệnh giá	Min 10,0%	30,0%	300,0%
Lựa chọn công ty kiểm toán	HĐQT lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TPHCM (AISC) thực hiện kiểm toán BCTC năm 2021			

Doanh thu

**21.315** tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế

**901** tỷ đồng



### Các Nghị quyết HĐQT trọng yếu trong năm 2021

Ngày họp	Số Nghị Quyết	Nội dung chính
03.03.2021	81	- Thông qua kế hoạch thực hiện Báo cáo thường niên 2020 và tổ chức ĐHĐCĐ SMC năm 2021.
19.03.2021	105	- Thông qua việc điều chỉnh tăng mục tiêu LNST hợp nhất năm 2021 của toàn hệ thống SMC từ 160 tỷ lên 300 tỷ đồng.
02.04.2021	133/134/ 135/136	- Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Quốc Thắng giữ chức vụ Giám Đốc/ Người Đại diện theo Pháp luật Công ty TNHH Cơ Khí Chính Xác SMC Phú Mỹ kể từ ngày 02/04/2021. - Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Anh Tuấn giữ chức vụ Giám Đốc/ Người Đại diện theo Pháp luật Công ty TNHH Thép SMC kể từ ngày 02/04/2021. - Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Kinh Luân giữ chức vụ Giám Đốc/ Người Đại diện theo Pháp luật Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC kể từ ngày 02/04/2021. - Thông qua việc bổ nhiệm bà Trần Thị Thìn giữ chức vụ Giám Đốc/ Người Đại diện theo Pháp luật Công ty TNHH MTV Thương mại SMC kể từ ngày 02/04/2021.
24.04.2021	154/155	- Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021 thông qua các báo cáo, tờ trình, phương án và kế hoạch, chỉ tiêu cho năm 2020-2021 - Thông qua kết quả bầu cử thành viên HĐQT và BKS mới cho nhiệm kỳ 2021-2025
16.07.2021	248/249/ 250	- Thông qua việc đề nghị TTLKCK VN chi nhánh TP.HCM điều chỉnh 50% chứng khoán đợt 2 – chứng khoán chuyển nhượng có điều kiện đã phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP năm 2019 vào ngày 27/07/2021. - Thông qua việc chấp thuận cho Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo mua lại đất của CTCP Quốc tế Vạn Thắng để mở rộng hoạt động SXKD và xử lý công nợ. - Thông qua kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2021, phương hướng hoạt động 6 tháng cuối năm 2021.
27.07.2021	268/270	- Thông qua Phương án phát hành Trái phiếu riêng lẻ năm 2021 của CTCP Đầu tư Thương mại SMC với giá trị phát hành theo mệnh giá là 200 tỷ đồng, dự kiến phát hành trong quý 3 năm 2021. - Thông qua việc sửa đổi bổ sung Quy Chế Công bố thông tin của CTCP Đầu tư Thương mại SMC.
07.09.2021	275	- Thông qua Phương án phát hành Trái phiếu riêng lẻ năm 2021 của CTCP Đầu tư Thương mại SMC với giá trị phát hành tối đa theo mệnh giá là 120 tỷ đồng, dự kiến phát hành trong quý 4 năm 2021.
27.10.2021	324/325	- Thông qua việc tạm ứng chi trả cổ tức đợt 1 năm 2021 với tỷ lệ 10% gồm 5% tiền mặt và 5% cổ tức bằng cổ phiếu. - Thông qua việc thế chấp 3.842.220 cổ phiếu SMC của bà Nguyễn Thị Ngọc Loan – Chủ tịch HĐQT cho Công ty TNHH Thép Vinakyoei làm tài sản đảm bảo cho hoạt động mua hàng.
06.12.2021	374	- Thông qua việc tạm hoãn tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5%. HĐQT sẽ thống nhất phương án cụ thể về việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021 và trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua.
23.12.2021	400/401/ 402/403	- Thông qua kế hoạch kinh doanh của hệ thống SMC năm 2022 như sau: • Sản lượng tiêu thụ: 1.250.000 tấn thép các loại • Lợi nhuận sau thuế: 300 tỷ đồng - Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Hùng Cường giữ chức vụ Giám Đốc / Người Đại diện theo Pháp luật của Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng kể từ ngày 02/01/2022. - Thông qua Kế hoạch và nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. - Thông qua việc Thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT CTCP Đầu tư Thương mại SMC gồm: • Ông Nguyễn Bình Trọng – Trưởng ban • Bà Hồ Thị Ngọc Tuyết - Ủy viên

### Tình hình thực hiện đầu tư các dự án trong năm:

Các dự án đầu tư của SMC, dù nhiều hạng mục khác nhau, đều đã hoàn thành trong năm 2021 và sẵn sàng đi vào hoạt động, đặc biệt công tác an toàn cho con người và thiết bị luôn được chú trọng, không để xảy ra bất kỳ tai nạn lao động nào tại các dự án của SMC quản lý trong thời gian triển khai thực hiện. Việc hoàn thành các công trình này là tiền đề vững chắc cho hoạt động của SMC trong giai đoạn chiến lược 5 năm tiếp theo.

Hoàn thành đầu tư mới thêm 02 dây chuyền sản xuất ống tại nhà máy ống thép Sendo với tổng trị giá hơn 17 tỷ đồng, lắp ráp và vận hành ổn định trong những tháng cuối năm 2021, nâng tổng công suất sản xuất ống thép lên 250.000 tấn/năm.

Hoàn thành đầu tư mới 01 Dây chuyền tẩy rỉ và 01 hệ thống xử lý acid thải cho nhà máy Cơ Khí Thép SMC với tổng trị giá gần 40 tỷ đồng, giúp nâng cao hiệu quả và tối ưu chi phí trong hoạt động sản xuất.

Thực hiện đầu tư mới cụm dự án 9.7ha SMC Phú Mỹ tại KCN Phú Mỹ 2, BRVT với tổng vốn đầu tư hơn 1.000 tỷ đồng bao gồm 1 Liên doanh giữa SMC và Samsung C&T và 2 công ty con do SMC sở hữu 100%, hình thành nên trung tâm Gia Công Thép – Coil Center – lớn nhất nước với tổng công suất thiết kế đạt 300.000 tấn thép và 10 triệu sản phẩm/năm. Hiện tại cụm dự án đã cơ bản được hoàn thành, đầu tư hoàn chỉnh giai đoạn 1 và đi vào khai thác hoạt động từ đầu năm 2022.

### Thành viên và cơ cấu HĐQT

STT	Họ và Tên	Vị trí	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %	Chức vụ đang giữ tại công ty khác
1	Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch	8.741.829	14,33	Chủ tịch tại các Đơn vị Thành viên có 100% vốn đầu tư từ Công ty mẹ - CTCP Đầu tư Thương mại SMC
2	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Phó CT	647.887	1,06	Phó TGD Khối Tài chính Kế toán SMC / TV HĐQT CTCP Thép Nam Kim
3	Kishimoto Hideki	Thành viên	12.013.730	19,70	GĐ điều hành Cty TNHH Hanwa VN (đại diện phần sở hữu CP của Tập đoàn Hanwa)
4	Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên	2.947.067	4,83	GĐ Cty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC
5	Vũ Anh Nguyên	TV độc lập	0	0,00	TGD Cty Nội Thất và Trang trí Baya VN

### Báo cáo các hoạt động của HĐQT trong năm 2021

Tại ĐHĐCĐ năm 2021, SMC đã thực hiện bầu cử lại HĐQT cho nhiệm kỳ mới 2021-2025, trong đó cơ cấu HĐQT SMC hiện tại bao gồm 05 thành viên, có 01 thành viên HĐQT độc lập. Hiện SMC không lập các tiểu ban thuộc HĐQT mà Thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT CTCP Đầu tư Thương mại SMC gồm 02 thành viên. Trong năm 2021, thành viên HĐQT độc lập tham gia góp ý thực hiện việc quy hoạch, sắp xếp lại nguồn nhân sự đảm bảo đủ nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng cho nhu cầu phát triển của hệ thống SMC; tham gia tư vấn và kiểm soát các hoạt động về lĩnh vực tài chính kế toán tín dụng, đảm bảo việc thực hiện đúng quy định của Luật DN và đảm bảo nguồn vốn đầy đủ với chi phí tối ưu hiệu quả cho hoạt động của SMC. Trong năm qua, do ảnh hưởng nhiều bởi dịch bệnh Covid và việc giãn cách xã hội trong thời gian dài, HĐQT đã thực hiện đầy đủ các phiên họp định kỳ và bất thường dưới dạng các phiên họp trực tiếp, họp trực tuyến (online) và dưới hình thức lấy ý kiến các TV HĐQT bằng văn bản. HĐQT và Ban điều hành SMC luôn cam kết thực hiện đủ và đúng các nội dung biên bản họp và nghị quyết HĐQT theo yêu cầu của cơ quan quản lý, bám sát các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thông qua để chỉ đạo ban TGD, hoạch định chiến lược, và đưa ra các quyết sách kịp thời đảm bảo cho bộ máy và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, đạt hiệu quả, trên cơ sở lợi ích của các cổ đông, đối tác, và vì sự phát triển bền vững của Công ty.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tt)

### Kế hoạch và định hướng của HĐQT nhiệm kỳ 2022

Năm 2022, sự xuất hiện của biến thể Covid mới một lần nữa như phép thử với sự linh hoạt và sức chịu đựng của các nền kinh tế trên thế giới, các ngành nghề, và tất cả các doanh nghiệp. Mặc dù tình hình kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước được kỳ vọng sẽ tích cực hơn với các dự báo về tăng trưởng kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng đều ở mức cao hơn năm trước, vẫn không thể không thận trọng với các diễn biến và tác động từ các yếu tố bất ngờ và bất lợi như (1) diễn biến khó lường của dịch Covid, (2) căng thẳng thương mại, chính trị giữa nhiều quốc gia lớn trên thế giới, và (3) rủi ro lạm phát tăng đột biến sẽ tác động lớn đến triển vọng lạc quan của nền kinh tế toàn cầu năm 2022. HĐQT SMC theo đó sẽ hoạch định và xây dựng các mục tiêu, chiến lược phát triển toàn diện, tập trung chỉ đạo một cách thận trọng, bám sát định hướng đã đề ra, hoạch định các chính sách linh hoạt trong công tác điều hành, nhằm đảm bảo cho sự ổn định và hiệu quả của toàn hệ thống, hướng tới đạt được các mục tiêu cụ thể như sau:

- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2022 do ĐHĐCĐ thông qua, bám sát và triển khai quyết liệt, có hiệu quả các chủ trương, định hướng, nghị quyết của HĐQT với phương châm “Đổi mới – Hiệu quả – Chất lượng”.
- Nâng cao chất lượng quản trị, quản lý và vận hành các nhà máy khối gia công sản xuất an toàn, ổn định, tập trung nâng cao dịch vụ, chất lượng, năng suất, và vị thế thương hiệu cho hệ thống sản xuất.
- Đẩy mạnh công tác kinh doanh chú trọng cả về chỉ tiêu sản lượng và hiệu quả kinh doanh.
- Triển khai các dự án đầu tư mới đảm bảo theo đúng tiến độ, đúng dự toán, an toàn, hiệu quả.



# Đổi mới Hiệu quả Chất lượng

- Triển khai hoàn thiện công tác sắp xếp, tái cấu trúc, kiện toàn bộ máy hoạt động của toàn hệ thống theo hướng chuyên nghiệp và hiệu quả hơn; rà soát và hoàn thiện công tác lập quy hoạch, kế hoạch, và chiến lược phát triển của từng ĐVTV, tổng công ty, và toàn hệ thống; tăng cường công tác kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro; giám sát các hoạt động SXKD và tài chính kế toán; thực hiện tiết kiệm chống lãng phí và phát huy văn hóa doanh nghiệp.



**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

## GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



01

**Ông Đặng Huy Hiệp**

**Tổng Giám Đốc**

**Năm sinh:** 1961

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Cơ khí

**Ông Nguyễn Bình Trọng**

**Phó TGD Thường trực**

**Năm sinh:** 1963

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân Kinh tế – chuyên ngành Tài Chính Kế Toán



04

**Bà Nguyễn Hồng Châu**

**Phó TGD Khối Thương mại – Dự Án**

**Năm sinh:** 1974

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Ngoại Thương



02

**Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi**

**Phó TGD Khối Tài chính Kế toán**

**Năm sinh:** 1983

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Kinh tế Tài chính



05

**Ông Nguyễn Văn Tiến**

**Phó TGD Khối Hành Chính – Nhân Sự**

**Năm sinh:** 1953

**Trình độ chuyên môn:**

Cử nhân chuyên ngành Xã Hội Học



03

**Ông Trương Văn Minh**

**Phó TGD Khối Sản xuất Cán Tẩy Mạ Ống**

**Năm sinh:** 1983

**Trình độ chuyên môn:**

Cao đẳng – chuyên ngành Quản lý Công nghệ Sản xuất



06



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Đánh giá các yếu tố tác động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

Năm 2021 tiếp tục chứng kiến các diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 trên toàn cầu. Việc có vaccine phòng dịch đã giúp các hoạt động kinh tế có thể quay trở lại nhịp vận động trước đó, tuy nhiên, các biến chủng mới của Covid-19 xuất hiện và lây lan nhanh rộng đã khiến cho sự phục hồi của nền kinh tế thế giới chật vật và khó khăn hơn, đặc biệt dẫn đến các hệ quả nghiêm trọng về việc đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, khủng hoảng năng lượng, giá cả logistics và các loại hàng hóa đều tăng cao đột biến. Thêm vào đó là các ảnh hưởng từ căng thẳng thương mại, bất ổn kinh tế chính trị xã hội bùng phát mạnh tại nhiều quốc gia và khu vực trên thế giới. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới, tăng trưởng kinh tế toàn cầu đạt 5,5% trong năm 2021, ghi nhận sự phục hồi tích cực của các nền kinh tế phát triển và đang phát triển so với năm trước đó.

Tại Việt Nam, kinh tế xã hội cả nước ghi nhận sự ổn định và phát triển tích cực trong 6 tháng đầu năm 2021 khi dịch bệnh được kiểm soát tốt. Tuy nhiên, khi dịch bệnh bùng phát nhanh và mạnh trong quý 3 với nhiều tỉnh thành, vùng kinh tế trọng điểm như TP.HCM và khu vực phía nam phải áp dụng các biện pháp kiểm soát và giãn cách nghiêm ngặt, nhiều hoạt động kinh tế xã hội bị gián đoạn, đứt gãy. GDP cả nước quý 3 năm 2021 theo đó bị ảnh hưởng nặng nề và ghi nhận giảm 6,17% so với cùng kỳ năm trước, là mức giảm sâu nhất từ trước đến nay; làm cho tăng trưởng GDP cả năm 2021 của Việt Nam chỉ đạt 2,58%, giảm 0,33% so với năm 2020 và chưa đạt được mục tiêu của chính phủ đã đề ra. Nhờ vào chính sách quyết liệt và đồng bộ của Chính phủ, thành công đẩy nhanh tốc độ bao phủ vaccine toàn quốc, Việt Nam đã kịp thời chuyển sang trạng thái thích ứng an toàn, linh hoạt kiểm soát Covid-19, chủ động gỡ

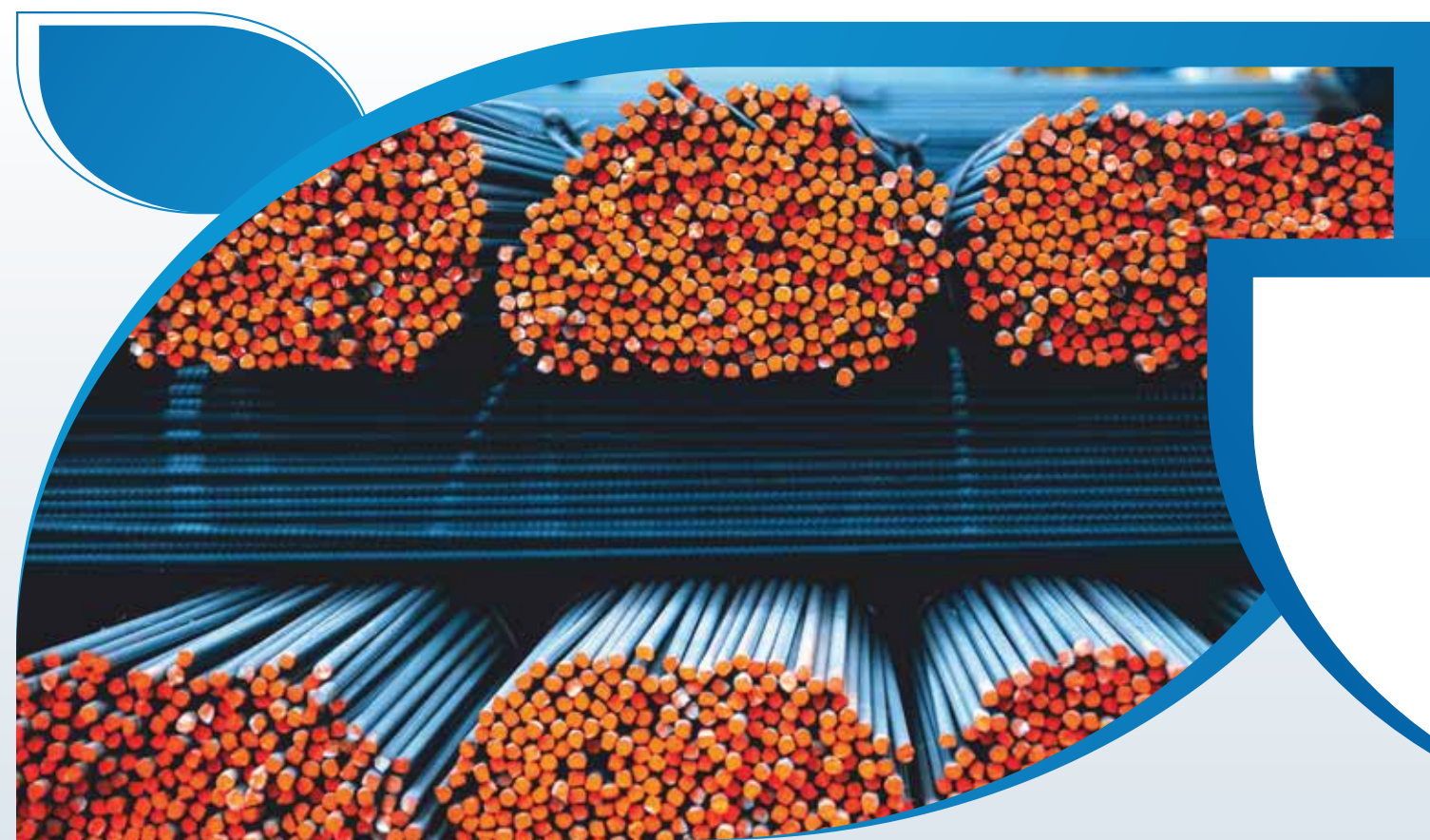
bớt khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh gắn với đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô.

Ngành thép năm 2021 tiếp tục biến động mạnh với những ảnh hưởng đáng kể từ chính sách và thị trường thép Trung Quốc. Trong nước, ngành thép Việt Nam nhìn chung có sự tăng trưởng tích cực về sản lượng và hiệu quả khi giá thép biến động trong biên độ rộng, bất chấp những ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19. Kết thúc năm 2021, sản xuất thép thô cả nước đạt khoảng 23 triệu tấn, tăng 16% so với năm trước đó. Sản xuất và bán hàng thép thành phẩm các loại lần lượt đạt 33,3 triệu tấn và 29,4 triệu tấn, tăng tương ứng 19% và 15,6% so với năm trước đó. Xuất khẩu thép Việt Nam năm 2021 cũng đạt được nhiều kết quả tích cực với hơn 14 triệu tấn thép thành phẩm và bán thành phẩm được xuất khẩu, mang về hơn 12,7 tỷ USD kim ngạch xuất khẩu, góp phần vào nguồn thu ngoại tệ của đất nước.

Trong năm 2021, toàn hệ thống SMC đã nỗ lực không ngừng để duy trì mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư, bảo toàn kết quả đã thực hiện được trong tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp. Hoạt động kinh doanh được đẩy mạnh, chính sách mua bán hàng và tồn kho được điều chỉnh linh hoạt. Tận dụng cơ hội thị trường và dịch bệnh được kiểm soát tốt trong gần nửa đầu năm 2021, Công ty đã đạt được kết quả hoạt động SXKD bán niên vô cùng thuận lợi và ấn tượng, vượt kế hoạch đề ra cho cả năm. Tuy nhiên, ảnh hưởng nghiêm trọng của Covid và các biện pháp kiểm soát dịch nghiêm ngặt trong quý 3 đã tác động tiêu cực trực tiếp đến thị trường khi nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh, Công ty vừa phải duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, vừa phải đảm bảo an toàn sức khỏe cho toàn bộ CBNV khi triển khai làm việc online cho khối văn phòng và triển khai 3 tại chỗ cho khối sản xuất và dự án. Trong những tháng cuối năm, chính phủ Việt Nam dần tháo bỏ các hạn chế đi lại và tạo điều kiện cho nền kinh tế hoạt động trở lại, SMC cũng dần khôi phục lại hoạt động SXKD của mình nhưng vẫn phải cần thêm thời gian để có thể phục hồi như trước đây.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2020	2021	Tăng/giảm %	KH 2021	% Kế hoạch
Tổng sản lượng thép tiêu thụ	Tấn	1.353.916	1.287.391	- 4,9%	1.350.000	95,4%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	15.735	21.315	+ 35,5%	18.000	118,4%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	316,1	901,0	+ 185,0%	300,0	300,3%

Kết thúc năm 2021, sản lượng tiêu thụ toàn hệ thống đạt gần 1,29 triệu tấn thép các loại, giảm 5% so với cùng kỳ và chỉ hoàn thành 95% kế hoạch sản lượng cả năm. Do ảnh hưởng của Covid, tổng sản lượng tiêu thụ thép SMC trong quý 3 năm 2021 chỉ bằng 56% so với cùng kỳ, là nguyên nhân chính kéo tổng sản lượng cả năm không đạt mục tiêu và không tăng trưởng so với năm trước đó. Tuy vậy, hiệu quả kinh doanh đạt được đã để lại dấu ấn với doanh thu bán hàng là 21.315 tỷ đồng, tăng mạnh hơn 35% so với cùng kỳ và hoàn thành 118% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế năm 2021 của Công ty là 901 tỷ đồng, gấp 2,8 lần so với năm trước và đạt 300% kỳ vọng đã đặt ra.



Sản lượng thép tiêu thụ

**1,29** triệu tấn

Tổng sản lượng xuất khẩu  
**159.889**  
tấn thép

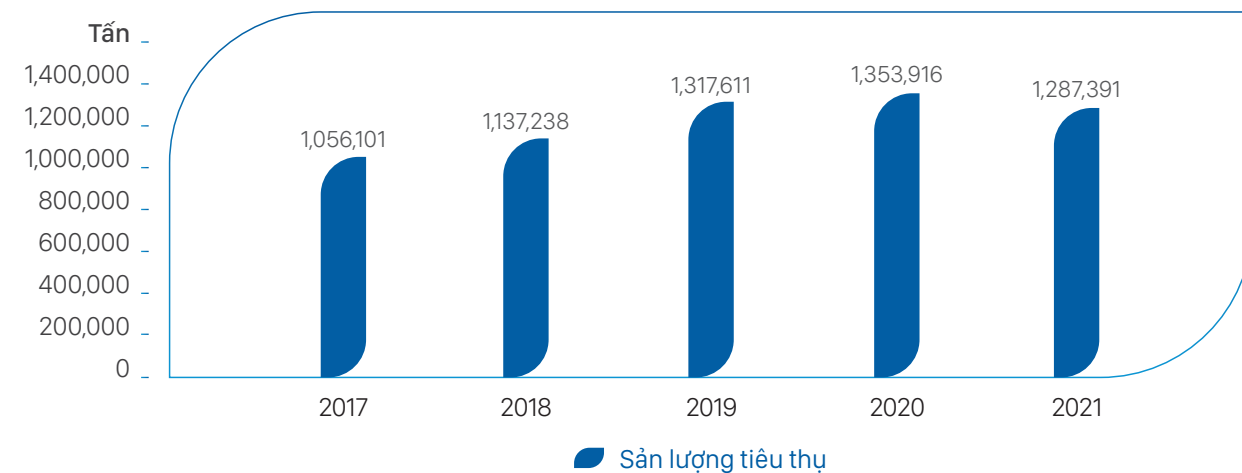


cán nóng, cán nguội, mạ điện, hàng secondary đảm bảo đáp ứng đầy đủ và kịp thời, cung cấp nguồn nguyên liệu đa dạng cho các hoạt động kinh doanh, sản xuất, gia công của toàn hệ thống.

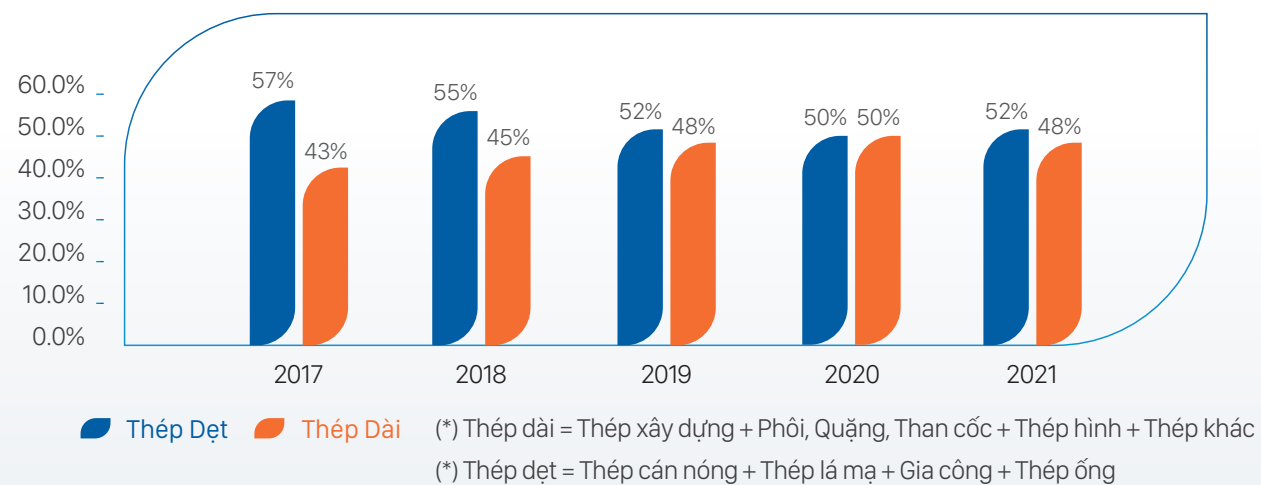
### Đánh giá tình hình tài chính trọng yếu năm 2021

Tổng sản lượng tiêu thụ thép dài năm 2021 là 675.174 tấn thép các loại, giảm nhẹ 0,5% so với năm trước, và chiếm 52% tổng sản lượng tiêu thụ thép toàn hệ thống. Tổng sản lượng tiêu thụ các sản phẩm thuộc nhóm thép dẹt năm 2021 là 612.217 tấn, giảm 9,3% so với năm 2020, làm giảm tỷ trọng đóng góp trên tổng lượng tiêu thụ từ 50% xuống còn 48%. Tác động của Covid-19 trong quý 3 năm 2021 đã ảnh hưởng nặng nề hơn đến cụm sản xuất và gia công, dẫn đến sản lượng sản xuất, gia công và tiêu thụ thép dẹt bị sụt giảm nghiêm trọng.

### Tổng Sản lượng thép tiêu thụ 2017 – 2021



### Cơ cấu Sản lượng tiêu thụ thép các loại 2017 – 2021



Chỉ tiêu chính	Đơn vị	2020	2021	Tăng/giảm %
Tổng sản lượng xuất khẩu	Tấn	164.157	159.889	-2,6%
Tổng sản lượng nhập khẩu	Tấn	244.151	309.864	+26,9%
SLXK / Tổng SL thép tiêu thụ	%	12,1	12,4	+0,3%

Tổng sản lượng xuất khẩu của SMC năm 2021 đạt 159.889 tấn thép các loại, giảm 2,6% so với năm trước và chiếm 12,4% tổng sản lượng tiêu thụ thép toàn hệ thống. Với thị trường xuất khẩu chính là các nước Đông Nam Á, nơi chịu ảnh hưởng lớn trực tiếp của các biến chứng Covid mới trong năm 2021, việc xuất khẩu giảm sút cũng nói lên những khó khăn chung của thị trường và khó khăn riêng của doanh nghiệp trong năm. Tổng sản lượng thép nhập khẩu các loại đạt 309.864 tấn trong năm 2021, tăng mạnh 27% so với năm trước, trong đó SMC mở rộng thêm hoạt động khai thác nhập khẩu quặng và than cốc các loại, đồng thời cũng nhập khẩu chủ yếu các mặt hàng kinh doanh cốt lõi như

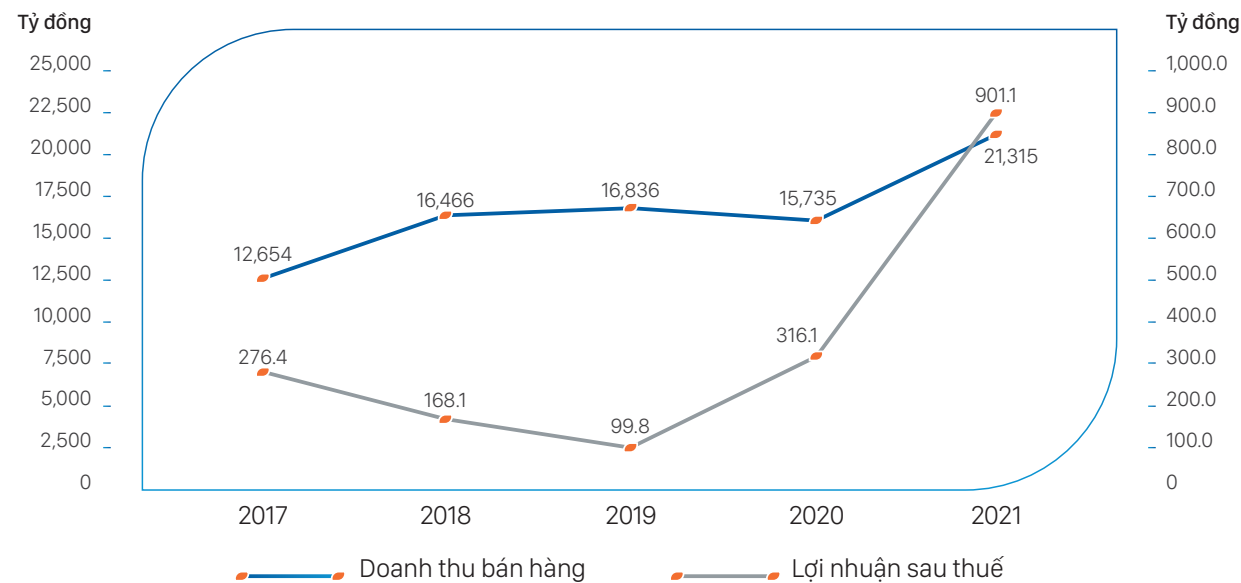
### Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu chính	Đơn vị	2020	2021	Tăng/giảm %
Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	15.735,0	21.315,0	+35,5%
<b>Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh</b>				
Chi phí Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	14.916,0	19.834,7	+32,9%
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	197,4	219,1	+11,0%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	211,3	127,2	- 39,8%
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	116,9	182,8	+ 56,4%
Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	135,2	164,0	+ 21,3%
Chi phí bán hàng/Doanh thu	%	1,25	1,03	- 0,22%
Chi phí QLDN/Doanh thu	%	1,34	0,60	- 0,77%
Chi phí tài chính/Doanh thu	%	0,74	0,86	+ 0,12%
<b>Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh</b>				
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	819,0	1.480,4	+ 80,8%
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	67,7	109,0	+ 61,0%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	366,9	1.099,8	+ 199,8%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	316,1	901,1	+ 185,1%
Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu	%	5,20	6,95	+ 1,75%
Tỷ suất LNNT/Doanh thu	%	2,33	5,17	+ 2,84%
Tỷ suất LNST/Doanh thu	%	2,00	4,23	+ 2,23%
Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	%	4,7	10,0	+ 5,3%
Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	%	19,9	37,2	+ 17,3%

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tt)

Doanh thu bán hàng năm 2021 đạt hơn 21.315 tỷ đồng, tăng mạnh 35,5% so với cùng kỳ. Trong khi sản lượng tiêu thụ toàn hệ thống năm 2021 giảm gần 5% so với năm 2020 thì giá bán bình quân mặt hàng thép các loại tăng đáng kể là nhân tố chính thúc đẩy doanh thu. Cùng với doanh thu,

chi phí GVHB cũng tăng mạnh 33% so với năm trước đó. Nhờ vào chính sách mua bán hàng linh hoạt, nhạy bén với thị trường, lợi nhuận gộp năm 2021 của toàn hệ thống tăng đến gần 81% với tỷ suất biên lợi nhuận gộp đạt gần 7%.



Chi phí bán hàng năm 2021 tăng 11% so với năm trước chủ yếu do chi phí vận chuyển tăng cao. Trong khi đó, chi phí QLDN năm 2021 giảm mạnh gần 40% so với cùng kỳ do hoàn nhập dự phòng các khoản phải thu từ khách hàng, và do một phần chi phí QLDN của năm 2021 đã được trích lập trước vào cuối năm 2020. Chi phí tài chính năm 2021 ghi nhận mức tăng đáng kể hơn 56% so với năm trước đó, trong đó chi phí lãi vay tăng hơn 21%, là mức tăng chi phí vốn tài trợ cho vốn lưu động và vốn đầu tư trung dài hạn của SMC trong năm. Đồng thời, sự chênh lệch còn nằm ở chi phí hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính năm 2021 của SMC là hơn 17 tỷ so với mức hoàn nhập hơn 42 tỷ của năm 2020. Doanh thu tài chính năm 2021 tăng 61% so với năm trước, chủ yếu tăng từ nguồn thu lãi tiền gửi, lãi ký quỹ, trái phiếu, lãi cho vay và lãi do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện.

Kết thúc năm 2021, hiệu quả hoạt động SXKD của SMC đều đạt được mức tăng trưởng đáng kể và tích cực. LNST hợp nhất cả hệ thống đạt mức cao nhất từ trước tới nay là 901 tỷ đồng, tăng 185% so với năm 2020. Tỷ suất ROA và ROE của doanh nghiệp lần lượt đạt tương ứng là 10% và 37,2%.



### Cơ cấu tài sản

Chỉ tiêu chính	Đơn vị	2020	2021	Tăng/giảm %
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>5.516,5</b>	<b>7.023,9</b>	<b>+ 27,3%</b>
Tiền mặt	Tỷ đồng	1.183,4	624,6	- 47,2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	Tỷ đồng	557,4	703,8	+ 26,3%
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	1.730,8	2.858,1	+ 65,1%
Vòng quay phải thu người mua	Ngày	39	42	-
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	1.803,9	2.544,7	+ 41,0%
Vòng quay hàng tồn kho	Ngày	43	47	-
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>1.204,8</b>	<b>1.981,9</b>	<b>+ 64,5%</b>
Tài sản cố định	Tỷ đồng	796,6	998,8	+ 25,4%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>6.721,2</b>	<b>9.005,8</b>	<b>+ 34,0%</b>

Tổng tài sản SMC kết thúc năm 2021 là gần 9.006 tỷ đồng, tăng 34% với cùng kỳ năm trước, do sự tăng trưởng của cả hai yếu tố (1) tăng về tài sản ngắn hạn theo tình hình kinh doanh của doanh nghiệp và giá cả của thị trường, và (2) tăng về tài sản dài hạn do đầu tư mới tại cụm dự án KCN Phú Mỹ 2, BRVT và đầu tư MMTB cho các nhà máy hiện hữu. Cụ thể, tổng tài sản ngắn hạn SMC cuối năm 2021 là 7.024 tỷ đồng, tăng hơn 27% so với năm trước, tương ứng tăng hơn 1.507 tỷ đồng. Tiền mặt và đầu tư tài chính ngắn hạn (chủ yếu là các khoản tiền gửi ngắn hạn) cuối kỳ là hơn 1.328 tỷ đồng, giảm hơn 400 tỷ đồng so với năm trước. Trong khi đó, các khoản phải thu ngắn hạn và tồn

kho thép các loại của SMC tăng mạnh tương ứng gần 65% và 41% so với cùng kỳ. Tổng giá trị hàng tồn kho 2021 tăng cao chủ yếu do giá thành hàng hóa tăng mạnh đồng thời Công ty cũng chủ động tăng lượng ở mức thích hợp để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định và hiệu quả. Bên cạnh đó, việc tăng bán hàng và dư nợ cho các khách hàng chiến lược làm tăng mạnh các khoản phải thu trong năm. Tổng tài sản dài hạn SMC cuối năm 2021 tăng 777 tỷ tương đương 65% lên gần 1.982 tỷ đồng so với năm trước, chủ yếu do đầu tư mới cụm dự án tại KCN Phú Mỹ 2, BRVT và đầu tư thêm MMTB cho các nhà máy hiện hữu.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tt)

### Cơ cấu Nợ và Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu chính	Đơn vị	2020	2021	Tăng/giảm %
Nợ phải trả ngắn hạn	Tỷ đồng	5.083,3	6.120,5	+ 20,4%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Tỷ đồng	2.609,1	3.143,7	+ 20,5%
Phải trả người bán	Tỷ đồng	2.026,0	2.122,8	+ 4,8%
Vòng quay phải trả người bán	Ngày	49	39	-
Nợ phải trả dài hạn	Tỷ đồng	53,7	466,4	+ 768,5%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Tỷ đồng	48,7	461,4	+ 847,4%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>5.137,0</b>	<b>6.586,9</b>	<b>+ 28,2%</b>
<b>Tổng vốn chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>1.584,3</b>	<b>2.418,9</b>	<b>+ 52,7%</b>
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	609,95	609,95	-
Nợ vay Tài chính/ Tổng VCSH	%	167,8	149,0	- 18,8%
Tổng nợ phải trả/ Tổng VCSH	Lần	3,24	2,72	-

Tổng nợ phải trả tại thời điểm cuối năm 2021 của Công ty là 6.587 tỷ đồng, tăng 1.450 tỷ đồng, tương đương 28% so với năm trước. Nợ phải trả ngắn hạn toàn hệ thống đạt gần 6.121 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ. Trong đó dư nợ vay ngân hàng ngắn hạn và phải trả người bán tương ứng đạt 3.144 tỷ đồng (+20%) và 2.123 tỷ đồng (+5%). Tôn kho, công nợ và giá thép bình quân tăng mạnh trong năm 2021 đã kéo theo mức tăng tương ứng của nguồn tài trợ vay ngắn hạn. Đặc biệt, nợ phải trả dài hạn của SMC cuối năm 2021 tăng mạnh lên hơn 466 tỷ đồng, gấp gần 8 lần so với cùng kỳ, bổ sung thêm nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mới của Doanh nghiệp. Cụ thể là việc phát hành 313,45 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi trong thời hạn từ 3 đến 5 năm cho các đối tác chiến lược và tăng thêm nợ vay và thuê tài chính trung dài hạn bổ sung vốn đầu tư cho các dự án và MMTB mới.

Trong năm 2021, Công ty không có thay đổi về vốn điều lệ. Tổng VCSH cuối kỳ ghi nhận 2.419 tỷ đồng, tăng 53% so với năm 2020. Các tỷ lệ về việc sử dụng đòn bẩy tài chính như tỷ lệ Nợ vay tài chính ngắn và dài hạn/ Tổng VCSH và tỷ lệ Tổng nợ phải trả/ Tổng VCSH kết năm 2021 đều được duy trì ở mức tích cực và ổn định, đảm bảo sự phù hợp và cân đối tài chính cho toàn hệ thống.

### Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án trong năm 2021

2021 là một năm đánh dấu sự chuyển mình mạnh mẽ và bứt phá của SMC trong việc đầu tư mới, tạo tiền đề và nền móng cho sự phát triển bền vững và chắc chắn của doanh nghiệp theo định hướng trung và dài hạn cho giai đoạn 2021-2025 đã được HĐQT trình bày và thông qua tại ĐHCĐ 2021. Đây là một năm bận rộn và thách thức cho SMC khi đồng loạt thực hiện nhiều dự án đầu tư mới trong sự diễn biến hết sức phức tạp của dịch bệnh, gây ra nhiều khó khăn như (1) số lượng công nhân và tiến độ công trình giảm sút,

di chuyển khó khăn, thực hiện 3 tại chỗ, ở nhiều thời điểm phải dừng thi công do các biện pháp giãn cách xã hội, hạn chế đi lại nghiêm ngặt, (2) các chuyên gia không thể sang tận nơi để thực hiện tư vấn lắp đặt MMTB mới, (3) việc vận chuyển logistics gặp nhiều khó khăn do các yếu tố về không gian, thời gian, và chi phí vận chuyển tăng cao. Tuy vậy, bằng tất cả nỗ lực, sự quyết liệt và quyết tâm vượt qua các trở ngại để bám sát tiến độ và chất lượng của các dự án đã đề ra, SMC đã cơ bản hoàn thành tất cả các kế hoạch đầu tư mới trong năm 2021, sẵn sàng đưa vào khai thác hoạt động từ đầu năm 2022. Cụ thể như sau:

- Hoàn thành đầu tư mới 02 dây chuyền sản xuất ống tại nhà máy ống thép Sendo với tổng trị giá hơn 17 tỷ đồng, đã hoàn tất lắp ráp và vận hành ổn định trong những tháng cuối năm 2021, góp phần nâng tổng công suất sản xuất ống thép lên 250.000 tấn/năm, cung cấp các sản phẩm ống thép chất lượng đáp ứng cho nhu cầu ống thép của hệ sản xuất.

- Hoàn thành đầu tư mới 01 Dây chuyền tẩy rỉ và 01 dây chuyền xử lý acid thải cho nhà máy Cơ Khí Thép SMC với tổng trị giá gần 40 tỷ đồng, đưa vào vận hành ổn định trong những tháng cuối năm 2021. Việc đầu tư mới này nhằm tối ưu hóa quy trình sản xuất tẩy – cán – mạ, giúp giảm chi phí gia công tẩy và xử lý acid bên ngoài, nâng cao hiệu quả và tối ưu chi phí trong hoạt động sản xuất.

- Thực hiện đầu tư mới cụm dự án 9.7ha SMC Phú Mỹ tại KCN Phú Mỹ 2, BRVT với tổng vốn đầu tư hơn 1.000 tỷ đồng bao gồm 1 Liên doanh giữa SMC và Samsung C&T và 2 công ty con do SMC sở hữu 100%, hình thành nên trung tâm Gia Công Thép – Coil Center – lớn nhất nước với tổng công suất thiết kế đạt 300.000 tấn thép và 10 triệu sản phẩm/năm. Hiện tại cụm dự án đã cơ bản được hoàn thành, đầu tư hoàn chỉnh giai đoạn 1 và đi vào khai thác hoạt động.

- Nhà máy Gia Công Thép SMC Phú Mỹ với công suất thiết kế đạt 250.000 tấn thép/năm đã hoàn thành đầu tư, lắp đặt mới 02 máy chặt tấm nhập khẩu từ Hàn Quốc, Trung Quốc và lắp đặt các máy xả băng, chặt tấm nhập khẩu từ Đài Loan, được di dời từ nhà máy Thép SMC sang, khai thác vận hành đồng bộ và ổn định từ đầu năm 2022.

- Nhà máy Cơ Khí Chính Xác SMC Phú Mỹ - chuyên gia công đột dập, định hình sản phẩm thép chất lượng cao cung cấp cho các nhà sản xuất điện tử, điện gia dụng – với tổng công suất thiết kế đạt 10 triệu sản phẩm/năm đã hoàn thành đầu tư xây dựng nhà xưởng, lắp đặt hoàn chỉnh MMTB giai đoạn 1 bao gồm 02 dây chuyền dập liên hoàn và 01 máy dập đơn, có công suất là 2,0 triệu sản phẩm/năm; tất cả MMTB đều được nhập khẩu từ Hàn Quốc; sau thời gian chạy thử và được đánh giá nghiêm ngặt trực tiếp từ tập đoàn Samsung, nhà máy Cơ Khí Chính Xác đã cung cấp thành phẩm thương mại cho Samsung Điện Tử HCM (SEHC) từ tháng 2/2022 - chính thức tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Liên doanh Công ty TNHH VSSC Steel Center – chuyên gia công các sản phẩm thép chất lượng cao cho tập đoàn Samsung – đã hoàn tất việc đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành ổn định từ đầu năm 2022.

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tt)

## Kế hoạch và mục tiêu phát triển năm 2022

### Nhận định chung tình hình vĩ mô và ngành năm 2022

Thế giới bước vào năm 2022 với sự lạc quan đan xen lo lắng và thận trọng. Dịch bệnh vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp dù tỷ lệ bao phủ vaccine ngày càng cao. Khi các quốc gia bắt đầu mở cửa trở lại và thích ứng với trạng thái “bình thường mới”, nhu cầu tiêu dùng một lần nữa trở thành động lực cho tăng trưởng. Tuy nhiên, sự phát triển của kinh tế toàn cầu năm 2022 còn phụ thuộc rất nhiều vào những rủi ro như sự xuất hiện của các biến thể Covid mới, khủng hoảng năng lượng và tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng chưa hồi phục thúc đẩy lạm phát tăng cao, thu hẹp các chính sách hỗ trợ tài chính phát triển kinh tế, cùng với các bất ổn thương mại, chính trị khắp nơi trên thế giới. Theo đó, Ngân hàng Thế giới World Bank dự báo mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ giảm xuống còn 4,1% trong năm 2022, thấp hơn so với mức 5,5% đạt được trong năm 2021. Mặc dù những kịch bản về tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2022 vẫn còn nhiều điều chưa chắc chắn và nhiều rủi ro, có thể nói kinh tế thế giới đã sẵn sàng trở lại quỹ đạo tăng trưởng như trước đại dịch.

Tại Việt Nam, các hoạt động kinh tế xã hội được dự báo sẽ phục hồi tích cực hơn trong năm 2022 trong bối cảnh tỷ lệ tiêm chủng được phủ rộng cùng chiến lược sống chung an toàn với Covid-19. Chính sách điều hành vĩ mô, tài khóa và tiền tệ linh hoạt, hiệu quả, cùng với chương trình phục hồi và phát triển kinh tế sau đại dịch giúp cho doanh nghiệp hồi phục sản xuất kinh doanh trên diện rộng; tiêu dùng trong nước, các hoạt động giao thương, đầu tư công và đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam dự báo sẽ tích cực hơn. Tăng trưởng kinh tế GDP cả nước được kỳ vọng đạt mức từ 6% đến 6,5% cho năm 2022, tuy nhiên cũng cần phải thận trọng trước các yếu tố rủi ro chung toàn

cầu. Trên cơ sở đó, triển vọng thị trường thép Việt Nam trong năm 2022 cũng được dự báo tăng trưởng lạc quan ở mức 8%, trước nhiều tín hiệu tích cực của thị trường bất động sản, chính sách và nguồn lực phát triển cơ sở hạ tầng cũng như đầu tư FDI. Đặc biệt các doanh nghiệp sản xuất thép cũng có thêm cơ hội để thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu ra các thị trường mới thông qua các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết, với dự báo tăng trưởng xuất khẩu thép đạt hơn 18% trong năm 2022. Mặc dù vậy, ngành thép vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro bất định và vẫn cần hết sức thận trọng trước các thay đổi chính sách về ngành thép từ chính phủ Trung Quốc cũng như ảnh hưởng từ xung đột Nga – Ukraine.



## Các chỉ tiêu và định hướng kinh doanh chủ yếu cho năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	TH 2021/ KH 2021	Kế hoạch 2022	KH 2022/ TH 2021
1	<b>Tổng sản lượng tiêu thụ</b>	Tấn	1.350.000	1.287.392	95,4%	1.250.000	97,1%
	- Thép dài	Tấn	670.000	675.174	100,8%	630.000	93,3%
	- Thép dẹt	Tấn	680.000	612.217	90,0%	620.000	101,3%
2	<b>Doanh thu bán hàng</b>	Tỷ đồng	18.000	21.315	118,4%	20.000	93,8%
3	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	Tỷ đồng	300,0	901,0	301,0%	300,0	33,3%
4	<b>Cổ tức</b>	% mệnh giá	10%	30%	300%	10%	33,3%

Việc điều hành quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của SMC sẽ dựa trên các định hướng chính sau:

- Toàn hệ thống SMC cần linh hoạt thích ứng nhanh nhất với tình hình mới, đẩy mạnh hoạt động SXKD song song với công tác phòng chống dịch, đảm bảo an toàn sức khỏe ở mức cao nhất cho toàn đội ngũ CBCNV trong hệ thống.
- Quản trị tồn kho và mua hàng trên nguyên tắc cẩn trọng, phù hợp, linh hoạt, dự trữ tồn kho tối ưu bám sát với diễn biến của thị trường.
- Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh chú trọng cả về chất và lượng, theo hướng mở rộng thị phần và tăng cường hiệu quả, kết hợp tăng cường quản trị kiểm soát các khoản phải thu và rủi ro công nợ.
- Định hướng nâng cao năng lực gia công chế biến chuyên sâu nhằm cung cấp dịch vụ và sản phẩm chất lượng cao đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường và khách hàng, từng bước đưa SMC tham gia sâu rộng vào chuỗi cung ứng toàn cầu, tham gia vào lĩnh vực công nghiệp phụ trợ đưa hoạt động gia công ngày càng chuyên sâu, chuyên nghiệp và tạo nên giá trị gia tăng lớn.
- Tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất làm việc, và hiệu suất sản xuất. Tiếp tục phấn đấu quản trị cải thiện chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh toàn hệ thống. Tiếp tục phát triển đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề và mở rộng chuyên sâu theo năng lực thực tế, đi cùng với việc đầu tư hệ thống máy móc thiết bị đồng bộ và hiện đại, đủ sức cạnh tranh với các đối thủ trong và ngoài nước.
- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, và sắp xếp lại nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng cho nhu cầu phát triển của toàn hệ thống.
- Duy trì và phát triển tốt năng lực tài chính phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành doanh nghiệp. Nâng cao năng lực quản lý rủi ro và giám sát tài chính trong toàn hệ thống, đảm bảo an toàn và gia tăng hiệu quả sử dụng vốn.
- Duy trì ổn định hoạt động xuất nhập khẩu phục vụ cho yêu cầu của kinh doanh và sản xuất gia công chế biến. Mở rộng các mối quan hệ với đối tác trong và ngoài nước, mục đích vừa quảng bá thương hiệu, vừa nâng cao vị thế và khai thác thông tin kinh tế phục vụ yêu cầu kinh doanh, đáp ứng yêu cầu phát triển của hệ thống SMC.

## Kế hoạch đầu tư sản xuất trong năm 2022

- Đầu tư mở rộng giai đoạn 2 nhà máy Gia công Thép SMC Đà Nẵng với tổng vốn đầu tư dự kiến là 50 tỷ đồng.
- Đầu tư mới nhà máy Thiết bị và tự động SMC Phú Mỹ tại KCN Phú Mỹ 1, BRVT với tổng vốn đầu tư dự kiến là 100 tỷ đồng.
- Đầu tư mở rộng MMTB cho nhà máy sản xuất ống thép Sendo với tổng vốn dự kiến là 80 tỷ đồng.
- Đầu tư giai đoạn 2 nhà máy Cơ Khí Chính Xác SMC Phú Mỹ với tổng vốn đầu tư dự kiến là 120 tỷ đồng (tùy theo tình hình hoạt động của giai đoạn 1 mà đánh giá và quyết định hạng mục đầu tư này).



**BAN KIỂM SOÁT**



## GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



01

**Bà Võ Thị Tố Ngân**

**Thành viên BKS**

**Năm sinh:** 1978

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế

**Bà Lê Thị Cẩm Tú**

**Thành viên BKS**

**Năm sinh:** 1981

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Luật



02

**Bà Đặng Thị Thu Trang**

**Thành viên BKS**

**Năm sinh:** 1980

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế



03

## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2021, đại dịch Covid-19 với biến thể Delta đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến toàn bộ hoạt động của nền kinh tế và xã hội trên thế giới cũng như trong nước, và đặc biệt TP.HCM là một trong những trung tâm kinh tế lớn nhất nước phải chịu ảnh hưởng nặng nề. Tuy nhiên, năm 2021 cũng là năm mà ngành thép phát triển mạnh mẽ; với sự nhạy bén của HĐQT, Ban lãnh đạo và tiềm lực sẵn có, SMC đã vượt qua nhiều thử thách, khó khăn để hoàn thành rất ấn tượng các chỉ tiêu đã đề ra trong năm.

### Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2021, BKS đã thực hiện công tác giám sát hoạt động của HĐQT, Ban TGD Công ty thông qua các hoạt động như sau:

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT trực tiếp và trực tuyến trong năm 2021.

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT, Ban TGD, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban TGD trong năm 2021 theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2021 đối với HĐQT và Ban TGD.

- Thẩm tra các BCTC quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.

- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định niêm yết và công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

- Thông qua cuộc họp hàng tháng của Ban lãnh đạo công ty BKS sẽ kiểm tra tính thực hiện và tuân thủ tại các công ty thành viên.





## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (tt)

### Đánh giá công tác chỉ đạo hoạt động của HĐQT

Năm 2021, đối với Công ty SMC cũng là một năm đầy biến động và thách thức do ảnh hưởng của đại dịch Covid. HĐQT đã tuân thủ các biện pháp giãn cách, hạn chế các cuộc họp trực tiếp mà chuyển qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, online, để duy trì công tác chỉ đạo, điều hành xuyên suốt.

Về công tác nhân sự, năm 2021, HĐQT đã thông qua Nghị quyết thay đổi các nhân sự điều hành chủ chốt của SMC như sau:

- Ngày 30/12/2020: thông qua Nghị quyết bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Lâm giữ chức vụ Kế toán trưởng CTCP Đầu tư Thương mại SMC từ năm 2021.
- Ngày 02/4/2021: thông qua Nghị quyết bổ nhiệm các vị trí Giám đốc/ Người đại diện pháp luật của các Công ty thành viên thuộc hệ thống SMC như sau:
  - Bổ nhiệm Ông Nguyễn Quốc Thắng giữ chức vụ Giám đốc/ Người đại diện pháp luật Công ty TNHH Cơ Khí Chính Xác SMC Phú Mỹ.
  - Bổ nhiệm Ông Nguyễn Anh Tuấn giữ chức vụ Giám đốc/ Người đại diện pháp luật Công ty TNHH Thép SMC.
  - Bổ nhiệm Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân giữ chức vụ Giám đốc/ Người đại diện pháp luật Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC.
  - Bổ nhiệm Bà Trần Thị Thìn giữ chức vụ Giám đốc/ Người đại diện pháp luật Công ty TNHH MTV Thương mại SMC.
- Ngày 24/4/2021: ĐHCĐ thông qua nhân sự nhiệm kỳ mới 2021-2025 cho HĐQT gồm 5 thành viên và BKS gồm 3 thành viên.
- Ngày 24/12/2021: thông qua Nghị quyết bổ nhiệm Ông Nguyễn Hùng Cường giữ chức vụ Giám đốc/ Người đại diện pháp luật của Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng.
- Ngày 24/12/2021: thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT CTCP Đầu tư Thương mại SMC gồm 2 thành viên.

Năm 2021 là năm đầu tiên của nhiệm kỳ mới HĐQT trong bối cảnh có nhiều diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và ngành thép. Quý 3/2021, cả nền kinh tế gần như tê liệt với các lệnh phong tỏa, giãn cách nghiêm ngặt, tình hình SXKD giảm xuống mức thấp kỷ lục, đặc biệt là các đơn vị sản xuất ống và thép mạ. Giá thép biến động liên tục trong năm càng gây nhiều khó khăn cho tình hình quản lý tồn kho và dòng tiền của SMC. Đứng trước những biến động đó, HĐQT đã tích cực đưa ra các quyết sách kịp thời, phù hợp nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện cho Ban TGD trong công tác điều hành, tạo cơ hội mở rộng ổn định sản xuất, nắm bắt thị trường để tạo hiệu quả cho Doanh nghiệp.

Giữa BKS, HĐQT và Ban TGD luôn có sự phối hợp chặt chẽ, tất cả các cuộc họp của HĐQT đều có BKS tham dự, các nội dung thảo luận và biểu quyết đều thực hiện công khai, đúng quy định.



### Đánh giá công tác điều hành của Ban TGD

Ban TGD đã điều hành toàn hệ thống SMC một cách thống nhất, tập trung và ổn định, đúng theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty.

### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

STT	Chỉ Tiêu Chính	Đơn vị	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	% TH/KH
1	Tổng sản lượng thép tiêu thụ	Tấn/năm	1.350.000	1.287.392	95,4%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	18.000	21.315	118,4%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	300,0	901,0	300,3%

Dịch COVID-19 ảnh hưởng rất lớn đến các nước nói chung và Việt Nam nói riêng. SMC cũng là một trong những doanh nghiệp bị ảnh hưởng nhiều do tình hình dịch kéo dài. Tổng kết năm 2021, sản lượng tiêu thụ thép các loại tại SMC là 1,287 triệu tấn, chỉ đạt được 95,4% kế hoạch được giao. Tuy sản lượng không đạt so với kế hoạch, nhưng về mặt hiệu quả thì toàn hệ thống đã thực hiện đạt ở mức cao với 21.315 tỷ đồng Doanh thu bán hàng và 901 tỷ đồng LNST, hoàn thành tương ứng 118% kế hoạch doanh thu và 300% kế hoạch lợi nhuận mục tiêu. Nguyên nhân chính là do giá thép nguyên liệu đầu vào biến động tăng mạnh, đặc biệt thời kỳ cao điểm rơi vào tháng 6. Ban TGD đã có những chỉ đạo kịp thời và tận dụng tốt cơ hội này để làm gia tăng hiệu quả lợi nhuận của toàn hệ thống. Giá thép nguyên liệu tại thời điểm cuối năm cũng ở mức tương đối cao so với giá đầu năm 2021.

Trong năm 2021, hoạt động tài chính có đóng góp tích cực trong việc vận dụng linh hoạt các sản phẩm tài chính, phát hành thành công trái phiếu doanh nghiệp với giá trị trên 300 tỷ đồng cũng như tăng thêm các hạn mức tín dụng, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn tại công ty, vừa đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, vừa đảm bảo cho các hoạt động đầu tư dự án mới.

Về mảng đầu tư mới, hiện tại SMC đã hoàn thành xong đầu tư và đi vào vận hành các nhà máy của cụm dự án 9.7ha KCN Phú Mỹ 2, BRVT gồm nhà xưởng Công ty TNHH Gia Công Thép SMC Phú Mỹ, nhà xưởng Công ty TNHH Cơ Khí Chính Xác SMC Phú Mỹ, và liên doanh Công ty TNHH VSSC Steel Center. Cũng trong thời gian này, Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC đã hoàn thành lắp đặt mới 01 dây chuyền tẩy rỉ và 01 hệ thống xử lý acid thải. Công ty TNHH Liên Doanh Ống Thép Sendo hoàn thành lắp đặt xong 02 máy cán ống mới.

Ban TGD đã có chỉ đạo xuyên suốt, linh hoạt trong thời điểm dịch nên công tác tổ chức 3 tại chỗ cho khối sản xuất được tiến hành an toàn, không có CBNV bị nhiễm dịch trong thời điểm thực hiện 3 tại chỗ.



## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (tt)

### Kế hoạch của Ban Kiểm soát trong năm 2022

Phối hợp với ban Kiểm toán nội bộ thực hiện các công việc như sau:

- Kiểm tra, xem xét các vấn đề trọng yếu (nếu có) trong báo cáo kiểm toán giữa kỳ và cuối kỳ.
- Kiểm tra các hoạt động thu chi tiền mặt (dịch vụ mua ngoài) tại các Công ty Thành viên.
- Kiểm tra tính tuân thủ và hiệu quả hoạt động tại các Công ty Thành viên thông qua quy trình đặt hàng, nhập hàng và trả hàng, chu kỳ luân chuyển hàng tồn kho và có đánh giá nhà cung cấp, quy trình bán hàng, xuất hàng và nhận hàng bán trả lại, công nợ và xem xét nguyên tắc bán nợ.

### Kiến nghị của Ban Kiểm soát

SMC với sự phát triển vượt bậc trong năm vừa qua đồng thời để duy trì tốc độ phát triển này BKS đề nghị:

- Tiếp tục duy trì tính hệ thống, kỷ cương trong công tác điều hành từ Tổng công ty đến các Công ty Thành viên.
- Nâng cao năng lực quản trị sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết giảm chi phí sản xuất, nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường.
- Đảm bảo vòng quay hoạt động, kiểm soát chặt rủi ro tồn kho, khoản phải thu.
- Duy trì công tác 5S đối với toàn hệ thống, triển khai 5S đồng bộ đến các Công ty thành viên mới.
- Rà soát và nâng cấp hệ thống quản trị thông qua phần mềm quản lý.



## QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

### 1. Quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021 có quá nhiều biến động khó lường và bất ngờ đối với ngành thép. Đây là một năm chiến đấu không ngừng nghỉ của SMC và để lại được nhiều dấu ấn trong công tác quản trị cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Về Thương mại** – Tiếp tục là một phân khúc mũi nhọn đóng góp tích cực cả về lượng và hiệu quả cho Công ty. Hoạt động thương mại phân phối thép các loại kết thúc năm 2021 với tổng sản lượng đạt được là 675.174 tấn, là mức sắp xỉ cùng kỳ và hoàn thành mục tiêu đã đề ra. Việc sụt giảm mạnh sản lượng thương mại TXD xảy ra trong quý 3 năm 2021 khi hầu hết các công trình lớn nhỏ buộc phải dừng thi công. Trước tình hình khó khăn của thị trường nội địa, SMC đã đẩy mạnh các hoạt động xuất nhập khẩu và mở rộng kinh doanh thêm các mặt hàng mới như phôi, than cốc, quặng, qua đó bảo đảm về mục tiêu sản lượng đồng thời góp phần vào hiệu quả chung của toàn hệ thống.

**Về Gia Công Coil Center** – Hoạt động Coil Center cũng chịu ảnh hưởng chung nghiêm trọng do dịch bệnh trong quý 3 năm 2021 khi phần lớn các khách hàng buộc phải tạm ngưng hoặc sản xuất cầm chừng. Kết thúc năm 2021, tổng sản lượng kinh doanh tại các Coil Center thép tấm cán nóng SMC Tân Tạo và SMC Đà Nẵng là 190.908 tấn, chỉ đạt 78% kế hoạch năm và bằng 91% cùng kỳ năm trước. Với Coil Center thép lá cán nguội, SMC Phú Mỹ ghi nhận 134.047 tấn thép gia công và kinh doanh các loại, hoàn thành 96% kế hoạch đề ra và ghi nhận mức tăng trưởng là 12% so với cùng kỳ năm trước nhờ vào sự thuận lợi của thị trường trong nửa đầu năm 2021 và việc đẩy mạnh khai thác các khách hàng hiện hữu cũng như mở rộng các khách hàng tiềm năng mới để tham gia sâu hơn vào chuỗi gia công cung ứng của ngành công



nghiệp phụ trợ. Tuy sản lượng chưa đạt được như kỳ vọng, hiệu quả mà hoạt động Coil Center đem lại là rất tích cực và có đóng góp quan trọng vào KQKD chung của toàn hệ thống SMC.

**Về Sản xuất** – Đây là phân khúc bị ảnh hưởng nặng nề nhất trong hệ thống SMC do hệ quả của dịch bệnh và việc giãn cách xã hội nghiêm ngặt trong quý 3 năm 2021. Với khách hàng và thị trường tiêu thụ chính từ khu vực miền trung và toàn bộ khu vực miền Nam – nơi gần như bị ngưng trệ hoàn toàn do công tác phòng chống dịch – đã

khiến cho hệ thống sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm chủ chốt như thép cán nguội, thép lá mạ kẽm và ống thép của SMC bị sụt giảm nghiêm trọng. Các nhà máy SMC Cơ Khí và ống thép Sendo vừa phải đảm bảo duy trì sản xuất 3 tại chỗ, vừa cố gắng khai thác bán hàng, đồng thời thực hiện lắp đặt các MMTB mới với sự thiếu vắng của chuyên gia. Kết thúc năm 2021, tổng sản lượng bán hàng của SMC Cơ Khí đạt gần 290.000 tấn, bằng 83% kế hoạch năm cũng như sản lượng cùng kỳ năm trước. Tổng sản lượng kinh doanh của ống thép Sendo chỉ đạt 157.000 tấn ống thép các loại, hoàn

thành 71% kế hoạch năm và giảm gần 16% so với năm trước đó.

SMC đã thực hiện các chính sách quản trị chặt chẽ, linh hoạt, quyết liệt, bám sát tình hình và biến động của dịch bệnh, của vĩ mô, của thị trường, để có những điều chỉnh thích hợp cho công ty thích ứng theo từng thời điểm; vừa đảm bảo đáp ứng an toàn phòng chống dịch, vừa đảm bảo công tác hoạt động sản xuất kinh doanh được duy trì ổn định và hiệu quả, vừa triển khai đầu tư mới đảm bảo tiến độ và hiệu quả dự án.

## QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (tt)

### 2. Quản trị rủi ro

#### Rủi ro vĩ mô và rủi ro ngành

Rủi ro vĩ mô và rủi ro ngành thể hiện rõ nét trong năm 2021 dưới các tác động tiêu cực xuất phát từ đại dịch Covid-19. Biến động mạnh về đời sống kinh tế xã hội toàn cầu do các biến chủng mới của Covid, sự đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, sự khủng hoảng năng lượng trong bối cảnh xung đột địa chính trị giữa các nước và khu vực, đã dẫn đến sự biến động mạnh của ngành thép thế giới và trong nước. Giá các nguyên vật liệu và thành phẩm thép tăng liên tục, nhanh và mạnh trong nửa đầu năm rồi đảo chiều cùng nhu cầu tiêu thụ sụt giảm mạnh trong nửa cuối năm 2021, gây nhiều khó khăn thử thách cho hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành. Trong nước, đầu tư công chưa khởi sắc trong khi thị trường BGS gần như đóng băng hoàn toàn do ảnh hưởng của Covid làm gia tăng sức ép lên nhu cầu tiêu thụ và tăng trưởng của ngành thép. Đồng thời, các doanh nghiệp thép Việt Nam còn phải đối mặt với vô số vụ kiện phòng vệ thương mại, chống bán phá giá, với mức độ ngày càng gia tăng đến từ các thị trường khác nhau. Môi trường kinh doanh cũng trở nên ngày càng cạnh tranh khốc liệt hơn, với sự tham gia của các doanh nghiệp mới lẫn sự phát triển mở rộng mạnh mẽ của các doanh nghiệp hiện tại. Bối cảnh này đòi hỏi các doanh nghiệp ngành thép phải có sự chuẩn bị và chủ động ứng phó, đặc biệt là việc chủ động nguồn lực tài chính, nguồn nguyên liệu, nỗ lực đa dạng hóa thị trường, cùng với những hoạt động quản trị và điều hành kịp thời với những chuyển biến và thay đổi của vĩ mô và ngành.

#### Rủi ro tài chính tín dụng

Ngành thép là một trong những ngành có tỷ lệ vốn vay chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu vốn của các doanh nghiệp. Việc tăng cường nhu cầu vốn đáp ứng cho đầu tư phát triển mới, nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí vốn cùng biến động tỷ giá khó lường sẽ là các yếu tố về tài chính tín dụng gây khó khăn, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Việc này đòi hỏi các doanh nghiệp ngành thép phải chủ động hơn nữa về nguồn vốn tự có đồng thời đa dạng hóa các nguồn tài trợ vốn cho nhu cầu phát triển và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đối với SMC, Công ty luôn chủ động bám sát các diễn biến của thị trường tài chính, tiền tệ tín dụng, nhằm có những giải pháp ứng phó linh hoạt, kịp thời và hiệu quả trong việc quản lý và sử dụng vốn. Đồng thời, Công ty cũng luôn chủ động trong việc sắp xếp vốn đầu tư cho các dự án mới; từng bước gia tăng nguồn vốn lưu động, đảm bảo đáp ứng đầy đủ và kịp thời cho nhu cầu hoạt động SXKD của toàn hệ thống. Việc giám sát và triển khai chính sách tồn kho, bán hàng, và thu hồi công nợ cũng được quản lý chặt chẽ nhằm đảm bảo dòng tiền tích cực từ hoạt động kinh doanh bổ sung cho nguồn vốn.

#### Rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Với việc tiếp tục mở rộng các hoạt động sản xuất gia công chế biến thép dẹt, SMC từng bước giảm thiểu rủi ro của một đơn vị thuần kinh doanh thương mại phân phối thép xây dựng, trước các biến động về giá thép xây dựng và của thị trường bất động sản. Tuy nhiên, các hoạt động gia công chế biến, sản xuất thép mới đồng thời cũng mang đến rủi ro về nguồn nguyên liệu, biến động giá cả nguyên vật liệu thép, rủi ro công nghệ sản xuất, rủi ro về nhân sự, kỹ thuật, chất lượng và quản lý điều hành. Theo đó, SMC luôn duy trì và tạo dựng



được mối quan hệ chặt chẽ, tốt đẹp với các nhà sản xuất thép hàng đầu trong và ngoài nước, đảm bảo được nguồn cung nguyên liệu ổn định và hợp lý; chú trọng đảm bảo đầu tư máy móc thiết bị với công nghệ hiện đại, được bảo trì bảo dưỡng định kỳ thường xuyên, quá trình sản xuất gia công chế biến được đồng bộ và kiểm soát chặt chẽ, nhân sự có chuyên môn, đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả, giảm thiểu tối đa sự cố, sai sót, và tiêu hao nguyên vật liệu.

### 3. Tổ chức và nhân sự

Năm 2021 được đánh giá là một năm cực kỳ khó khăn đối với nền kinh tế thế giới và trong nước. Hoạt động quản trị và tình hình nhân sự của SMC

cũng không nằm ngoài bối cảnh này. Nhờ vào sự lãnh đạo sâu sát và linh hoạt của HĐQT và Ban TGĐ, sự đoàn kết của tập thể CBNV toàn hệ thống; SMC đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ và tự hào. Hệ thống Nhân sự được giữ vững, ổn định và mở rộng, tối ưu hóa nguồn nhân lực. SMC đã có những chính sách rất tích cực góp phần đảm bảo thu nhập của CBNV được ổn định, tạo động lực và mọi điều kiện để CBNV làm việc, cống hiến, phát huy hết khả năng, vai trò của mình trong công việc, góp phần không nhỏ vào sự thành công của SMC trong năm 2021.

## QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (tt)

### Những điểm nhấn trong công tác Nhân sự năm 2021

#### Ngày 20/01/2021 – thực hiện Lễ ký kết thành lập Công ty TNHH VSSC Steel Center – Liên doanh giữa Samsung C&T và SMC

- Công ty TNHH VSSC Steel Center hoạt động trong lĩnh vực gia công cắt xẻ thép cao cấp, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về việc gia công thép cho các chuỗi cung ứng toàn cầu tại Việt Nam, đặc biệt là lĩnh vực sản xuất điện – điện tử.
- Một số Nhân sự chất lượng của hệ thống đã được điều chuyển sang làm việc tại Liên Doanh, đảm bảo cho hoạt động SXKD tại VSSC đáp ứng theo kế hoạch.

#### Ngày 19/01/2021 – thành lập Công ty TNHH Cơ khí Chính xác SMC Phú Mỹ

- Công ty TNHH Cơ khí Chính xác SMC Phú Mỹ hoạt động chính trong lĩnh vực gia công cơ khí, rèn, dập, ép kim loại, sản xuất thép, plastic và cấu kiện kim loại, với khách hàng chiến lược là các doanh nghiệp sản xuất điện, điện tử, điện gia dụng lớn trong và ngoài nước. Đặc biệt đây là đơn vị gia công đặt những viên gạch đầu tiên cho việc phát triển chuyên sâu tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu khi trực tiếp gia công và cung cấp sản phẩm cho Công ty Samsung Điện Tử HCM (SEHC).
- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Quốc Thắng là Giám đốc và Người đại diện pháp luật Công ty TNHH Cơ khí Chính xác SMC Phú Mỹ.
- Sơ đồ tổ chức: Công ty Cơ khí Chính xác hoạt động theo mô hình của đơn vị sản xuất gia công chất lượng cao và đang được hoàn thiện cho phù hợp với tình hình SXKD thực tế tại đơn vị.
- Với yêu cầu cao về trình độ chuyên môn, đội ngũ nhân sự tại Công ty TNHH Cơ khí Chính xác SMC Phú Mỹ đang là điểm nổi bật trong công tác nhân sự SMC năm 2021; là cơ hội cũng như thách thức trong việc xây dựng ổn định và nâng chất lượng nhân sự của hệ thống.

#### Ngày 01/02/2021 – thành lập Ban Chỉ huy cụm các Dự án KCN Phú Mỹ II, BRVT: triển khai kế hoạch quản lý đầu tư phát triển cụm dự án mới của hệ thống SMC trong năm 2021

#### Tháng 04/2021 – điều chỉnh thu nhập Khối Sản xuất toàn hệ thống SMC:

- Cập nhật hệ thống Bảng lương mới của Khối Sản xuất SMC năm 2021.
- Chính sách điều chỉnh thu nhập có nhiều thay đổi tích cực gồm bổ sung các loại phụ cấp, chính sách thu hút trong tuyển dụng nhân sự mới, lộ trình thay đổi bậc lương theo thâm niên... đảm bảo sự phù hợp, mức độ cạnh tranh trên thị trường lao động và các công ty cùng lĩnh vực.

#### Tháng 07/2021 đến tháng 09/2021 – triển khai phương án “3 tại chỗ” và đảm bảo an toàn phòng chống dịch trong toàn hệ thống:

- Trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 bùng phát trở lại và diễn biến ngày càng phức tạp; nhằm đảm bảo duy trì các hoạt động SXKD của SMC, phương án “3 tại chỗ” đã được Ban Lãnh đạo phê duyệt và triển khai đồng bộ trong toàn hệ thống.
- Phương án lương trong giai đoạn “3 tại chỗ” được triển khai và điều chỉnh một cách linh

hoạt theo tình hình thực tế, đảm bảo được thu nhập của CBNV trong giai đoạn dịch bệnh; tạo động lực gắn bó và tránh được tình trạng biến động nhân sự đột ngột sau khi các hoạt động SXKD trở lại bình thường sau dịch bệnh.

#### Tháng 10/2021 – điều chỉnh thu nhập Khối Văn phòng toàn hệ thống SMC:

- Cập nhật hệ thống Bảng lương mới của Khối Văn phòng SMC 2021, đảm bảo sự cạnh tranh và phù hợp theo hệ thống lương trên thị trường.
- Chính sách điều chỉnh Thu nhập Khối Văn phòng được ban hành trong giai đoạn bình thường mới sau dịch bệnh đã mang lại giá trị tinh thần và vật chất lớn, tạo động lực để CBNV gắn bó và cống hiến cho sự phát triển của SMC.

#### Từ tháng 10 đến tháng 12/2021 – các hoạt động trong giai đoạn “bình thường mới”:

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn tiến phức tạp và khó lường, CBNV hệ thống SMC vẫn duy trì làm việc hiệu quả và kết hợp phòng chống dịch Covid-19 trong giai đoạn mới.

- Thực hiện các chính sách “ngoại giao vaccine” đảm bảo sức khỏe và an toàn cho CBNV trong giai đoạn dịch bệnh.

- Các chính sách của nhà nước liên quan đến Dịch bệnh Covid-19 được cập nhật và triển khai thường xuyên, đồng bộ trong toàn hệ thống, đảm bảo tính tuân thủ các yêu cầu phòng chống dịch của cơ quan y tế nói chung và các yêu cầu từ thực tế hoạt động SXKD của SMC.

#### Thành tựu đặc biệt:

- Dự án 9.7ha tại KCN Phú Mỹ 2, BRVT là một dự án trọng điểm của hệ thống SMC trong năm 2021, việc di dời MMTB từ nhà máy hiện hữu sang nhà máy mới được triển khai thành công. Với sự thiếu vắng của các chuyên gia nước ngoài tư vấn và thực hiện về việc tháo – di dời – lắp ráp MMTB do ảnh hưởng của dịch bệnh, đội ngũ kỹ thuật dày dặn kinh nghiệm với trình độ chuyên môn cao của SMC đã thành công trong việc sử dụng nguồn nhân lực nội bộ để thực hiện các công việc trên. Đây là niềm tự hào của SMC và khẳng định năng lực của SMC trong phân khúc gia công sản xuất.



## QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (tt)

### Cơ cấu Nhân sự

Tính đến 31/12/2021, tổng số lượng nhân sự của SMC là 1.332 lao động, tăng 196 nhân sự tương ứng 17% so với năm 2020. Trong đó, đội ngũ nhân sự chất lượng cao, lao động nước ngoài, đội ngũ có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, ngoại ngữ trải đều từ cấp quản lý đến nhân viên, đáp ứng được các yêu cầu về chuyên môn và công nghệ cao, đảm bảo cho việc phát triển, mở rộng các hoạt động SXKD của hệ thống.

Cơ cấu nhân sự hiện tại của SMC có sự đa dạng về độ tuổi, trong đó đội ngũ lao động có độ tuổi dưới 30 chiếm 69%, đội ngũ lao động từ 30 đến 48 tuổi chiếm 28% trên tổng số lao động toàn hệ thống, tạo ra hệ thống kỹ năng đa dạng, hỗ trợ và hướng dẫn nhau trong công việc, giữ gìn được các giá trị truyền thống vốn có, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, thúc đẩy hiệu suất làm việc và lan tỏa văn hóa của hệ thống SMC một cách mạnh mẽ.

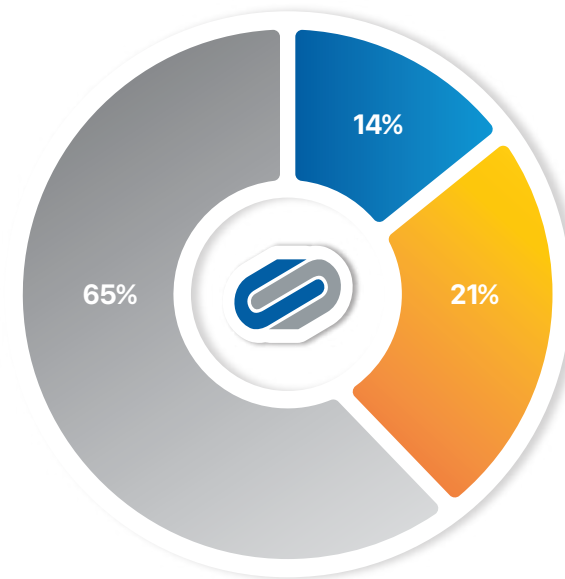
Đội ngũ nhân sự của SMC ngày càng được trẻ hóa góp phần thúc đẩy bộ máy nhân sự, liên tục sáng tạo và tạo ra sự thay đổi để phát triển và bắt nhịp được với xu hướng của xã hội hiện đại.

Về trình độ chuyên môn của nhân sự hiện hữu, SMC sở hữu lực lượng nhân sự chất lượng với tỷ lệ nhân sự có trình độ đại học trở lên chiếm 25%, tỷ lệ nhân sự có trình độ trung cấp trở lên đạt 47%. Theo đó, SMC tự tin sẽ luôn đảm bảo được về chiều sâu, tiếp cận nhanh và hiệu quả với các công nghệ, kỹ thuật tiên tiến hiện đại trong sản xuất kinh doanh, có nhiều ý tưởng mới, xây dựng và đáp ứng tốt với các nhu cầu phát triển của doanh nghiệp trong giai đoạn mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và liên doanh của SMC; góp phần không nhỏ vào việc làm nên thương hiệu của SMC trên thị trường lao động và nâng dần thị phần của SMC trên thương trường.

Tổng số lao động qua từng năm



Trong đó, tổng số lao động thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty Thành viên mà SMC sở hữu trên 50% cổ phần là: 1.126 lao động.



Cấu trúc lực lượng lao động phân theo loại lao động trong toàn hệ thống SMC

- Lao động trực tiếp
- Lao động gián tiếp
- Cán bộ Quản lý

### Thu nhập và phúc lợi của người lao động

Mặc dù SMC gặp nhiều khó khăn, thách thức trong năm 2021 do tình hình dịch bệnh Covid-19; nhưng với sự nỗ lực không ngừng của toàn thể CBNV, dưới sự dẫn dắt linh hoạt của Ban Lãnh đạo, SMC đã đạt được kết quả kinh doanh tích cực; là nền tảng đảm bảo cho thu nhập và phúc lợi khả quan của người lao động trong năm.

Tỷ lệ thu nhập bình quân tăng tương ứng 12% cho Khối sản xuất và 13% cho Khối văn phòng SMC trong năm 2021. Mức thu nhập bình quân năm 2021 của CBNV cả hệ thống SMC đạt trên 12.000.000 đồng/tháng. Trong giai đoạn dịch bệnh diễn biến phức tạp, gần như tất cả các hoạt động SXKD đều bị đóng băng, nhưng CBNV hệ thống SMC vẫn được đảm bảo 100% lương. Đây là sự quan tâm, động viên và khích lệ lớn mà Ban Lãnh đạo SMC dành cho CBNV toàn hệ thống.

Ngoài mức thu nhập hàng tháng, SMC vẫn tiếp tục duy trì chính sách khen thưởng quý, thưởng đột xuất cho những cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong công việc. Duy trì chính sách khen thưởng KPIs cuối năm cho CBNV, khích lệ, động viên tinh thần làm việc, tạo động lực gắn bó và cống hiến của CBNV trong toàn hệ thống SMC.

Chính sách phúc lợi cho CBNV luôn là nội dung quan trọng được Ban Lãnh đạo quan tâm. Năm 2021, do tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp, Công ty không thể tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe thường niên, tham quan – nghỉ dưỡng cho toàn thể CBNV. Tuy vậy các chính sách chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBNV vẫn được duy trì như chính sách hỗ trợ đi lại các ngày lễ tết, hỗ trợ thu nhập thêm cho các trường hợp thai sản, ốm đau, hưu trí; tặng quà cho CBNV vào các dịp lễ, tết; chính sách hỗ trợ thu nhập cho CBNV bị nhiễm Covid, chăm lo sức khỏe cho CBNV, hỗ trợ CBNV tiêm đủ liều vaccine phòng chống Covid...

Hệ thống các tổ chức đoàn thể của SMC từ Công đoàn, Đoàn thanh niên, tổ chức Đảng... hoạt động xuyên suốt từ Tổng Công ty đến các Công ty Thành viên và luôn sẵn sàng hỗ trợ người lao động khi cần thiết. CBNV SMC luôn được khuyến khích tham gia các tổ chức đoàn thể, tham gia các hoạt động thi đua, hoạt động thể thao, giao lưu văn hóa trong nội bộ và với các Đơn vị bên ngoài. Chú trọng hỗ trợ cả về mặt tinh thần lẫn vật chất cho CBNV trong hoàn cảnh khó khăn – dịch bệnh; tạo mọi điều kiện để CBNV nâng cao đời sống vật chất và tinh thần; góp phần gắn kết trực tiếp CBNV với định hướng phát triển và thúc đẩy việc hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ Sản xuất Kinh doanh hàng năm của SMC.

## QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (tt)

### Tuyển dụng, đào tạo, phát triển

Cùng với việc mở rộng hoạt động SXKD của hệ thống trong năm 2021, đội ngũ nhân sự của SMC cũng đồng thời gia tăng về số lượng và chất lượng, kịp thời đáp ứng nhu cầu phát triển của hệ thống. Quá trình tuyển dụng trong hệ thống SMC luôn đảm bảo được sự kết hợp chặt chẽ với quy trình sàng lọc, đánh giá, luân chuyển, đề bạt và đào tạo nhân sự theo quy định, đảm bảo tính hệ thống từ các Khối, Phòng ban tại Tổng Công ty đến từng Công ty Thành viên, phát huy tối đa hiệu quả của bộ máy nhân sự SMC trong từng giai đoạn cụ thể.

**Công tác tuyển dụng:** Tại SMC, nguồn nhân lực luôn là yếu tố quan trọng nhất, chất lượng nguồn nhân lực luôn được đặt lên hàng đầu và đóng vai trò then chốt trong định hướng phát triển của Công ty. Chính vì thế, công tác tuyển dụng tại SMC đặc biệt quan trọng và luôn được tiến hành kỹ lưỡng từ bước sàng lọc hồ sơ, sơ vấn, phỏng vấn và đánh giá với sự tham gia của Phòng Nhân sự SMC và các Phòng ban chuyên môn, đảm bảo tuyển được người có kỹ năng chuyên môn, trình độ phù hợp với vị trí tuyển dụng; có thái độ, tác phong phù hợp với văn hóa SMC, có định hướng phát triển rõ ràng và gắn bó vì sự phát triển bền vững của hệ thống.

**Công tác đào tạo:** tại SMC luôn được duy trì và luôn được khởi đầu từ nội dung đào tạo hội nhập – đào tạo văn hóa công ty, giúp CBNV hiểu được cơ cấu tổ chức của hệ thống SMC, thẩm thấu tư tưởng và các giá trị cốt lõi truyền thống của SMC. Trong năm 2021, để đảm bảo nguyên tắc 5K phòng chống dịch bệnh Covid-19, các khóa đào tạo đã không được triển khai đầy đủ theo như kế hoạch đặt ra. Mặc dù vậy, nhằm đảm bảo chất lượng đội ngũ Nhân sự trong hệ thống,

Công ty vẫn duy trì các khóa đào tạo chuyên biệt: khóa đào tạo CEO dành cho cấp quản lý, khóa đào tạo ngoại ngữ (Tiếng Anh, tiếng Hoa), Khóa Chứng chỉ cấu trúc, Chứng chỉ An toàn, đào tạo và triển khai các hoạt động ISO – 5S, Khóa “EVFTA” dành cho NV Phòng Xuất Nhập Khẩu và các chương trình đào tạo nội bộ do Quản lý các Khối/Phòng ban chủ động đào tạo cho CBNV phòng ban mình phụ trách nhằm nâng cao năng lực và khả năng đa nhiệm của CBNV.

### Đề bạt – miễn nhiệm:

Cùng với quá trình tuyển dụng và đào tạo, SMC cũng chú trọng việc xem xét và đề bạt những cá nhân có năng lực, kinh nghiệm và trình độ phù hợp vào các vị trí cao hơn, tạo điều kiện và khích lệ người lao động phấn đấu, phát huy tối đa năng lực cá nhân. Trong năm 2021, toàn hệ thống SMC đã tiến hành đề bạt 43 nhân sự và chính thức bổ nhiệm 38 nhân sự có đủ tố chất và năng lực cần thiết để đảm nhiệm các vị trí quản lý cấp trung và quản lý cấp cao. Đây là sự ghi nhận quá trình cống hiến hết mình của đội ngũ nhân sự trong hệ thống, là cơ sở

để xây dựng đội ngũ Nhân sự Quản lý kế thừa cùng đồng hành vì sự phát triển bền vững của toàn hệ thống SMC.

Song song với việc xem xét đề bạt các cá nhân ưu tú, SMC cũng thực hiện sàng lọc và đánh giá các nhân sự hiện hữu đặc biệt là các vị trí quản lý; xem xét mức độ hoàn thành công việc, hiệu quả công việc và khả năng quản trị, SMC đã tiến hành miễn nhiệm 04 nhân sự và sắp xếp lại công việc của các nhân sự miễn nhiệm; đảm bảo sự phù hợp và tối ưu hóa hiệu quả công việc của các nhân sự này.



## QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (tt)

### Chiến lược sử dụng và phát triển nguồn nhân lực để đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển bền vững hệ thống SMC

Định hướng xuyên suốt trong 33 năm qua của hệ thống SMC là phát triển bền vững và nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng đảm bảo cho sự phát triển bền vững này. Chất lượng nguồn nhân lực giúp hệ thống SMC vận hành đúng hướng, đảm bảo tính tuân thủ, tính hệ thống và văn hóa SMC được thể hiện xuyên suốt; khẳng định bản sắc và vị thế riêng của SMC trên thị trường lao động. Năm 2022 sẽ có những thay đổi về định hướng quản trị nguồn nhân lực, tiến tới hiện thực hóa kế hoạch làm chủ công nghệ trong tương lai, tiếp tục thực hiện những thay đổi tích cực để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự trong hệ thống, hoàn thành được các mục tiêu mà Ban Lãnh đạo đề ra. Cụ thể như sau:

#### Về Tuyển dụng:

- Xây dựng danh mục Mô tả công việc đầy đủ cho tất cả các vị trí trong hệ thống. Kiểm tra, giám sát và hỗ trợ công tác tuyển dụng tại các Công ty Thành viên.
- Xây dựng và triển khai chương trình tuyển dụng tại các Trường Cao đẳng, Đại học; xây dựng chương trình tuyển dụng – đào tạo sinh viên mới tốt nghiệp (đặc biệt là sinh viên các khối Kỹ thuật) theo yêu cầu thực tế tại các nhà máy với các chính sách đặc biệt nhằm xây dựng nguồn nhân sự chất lượng cho hệ thống.
- Tiếp tục duy trì các hoạt động tuyển dụng như: tham gia Ngày hội việc làm tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp nghề; tổ chức workshop, tổ chức cho sinh viên tham quan và thực tập tại nhà máy...; duy trì kênh tuyển dụng trực tuyến tại các fanpage, cập nhật và triển khai các phương thức tuyển dụng hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng trong giai đoạn mới.

#### Về đào tạo phát triển:

- Trọng điểm trong công tác đào tạo năm 2022 của SMC là Xây dựng đội ngũ Nhân sự kế thừa chất lượng cao; tập trung vào việc đào tạo đội ngũ nhân sự kế thừa, tạo nguồn nhân sự chất lượng và chuyên nghiệp cho tất cả các vị trí cán bộ quản lý trong toàn hệ thống, đặc biệt là đội ngũ quản lý sản xuất.
- Các nhân sự trong kế hoạch đào tạo đội ngũ nhân sự kế thừa sẽ được giao nhiệm vụ, mục tiêu, kế hoạch hành động cụ thể và có đánh giá chi tiết hàng quý; được tham gia các khóa đào tạo chuyên biệt nhằm nâng cao kỹ năng và năng lực chuyên môn, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu điều chuyển, đề bạt theo tình hình hoạt động Sản xuất

Kinh doanh thực tế của toàn hệ thống và yêu cầu từ Ban TGD. Quá trình đào tạo trong toàn hệ thống sẽ được theo dõi và đánh giá để đo lường hiệu quả sau đào tạo và đánh giá từ thực tế công việc.

- Chú trọng phát triển việc đào tạo nội bộ với giảng viên là đội ngũ Cán bộ Quản lý tại các Khối/ Phòng ban Tổng Công ty và các Công ty Thành viên với các chủ đề đào tạo mang tính thiết thực và hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu thực tế của hệ thống.

#### Về chế độ chính sách cho người lao động:

- Năm 2022 sẽ tiến hành xem xét và có những thay đổi linh hoạt cơ chế lương, chính sách, chế độ đãi ngộ cho CBNV đảm bảo sự hài hòa, phù hợp trong đội ngũ CBNV căn cứ trên vị trí đảm nhiệm, trách nhiệm công việc, khối lượng công việc phụ trách, thâm niên công tác, phù hợp với thị trường lao động hiện tại nhưng vẫn đảm bảo được tính hệ thống.

- Sự linh hoạt trong việc điều chỉnh, xây dựng các quy chế, chính sách về lương, thưởng, thu nhập tại SMC nhằm mục đích giữ nguồn nhân sự chất lượng, tránh hiện tượng chảy máu chất xám.
- Đối với các nhân sự có thâm niên gắn bó tại SMC, những đóng góp và thành tích của CBNV sẽ luôn được SMC ghi nhận và đảm bảo các chế độ đãi ngộ xứng đáng. Đây là cam kết mang tính bền vững và là động lực để các nhân sự mới nỗ lực hết mình trong công việc tại SMC.

#### Về môi trường làm việc:

- Năm 2022, SMC tiếp tục duy trì và xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện theo cơ chế mở, các thông tin truyền thông luôn rõ ràng và minh bạch.
- SMC cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi để CBNV phát huy hết khả năng của mình trong công việc, gắn bó, đồng hành và phát triển bền vững cùng hệ thống.





## QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (tt)

### 4. Quan hệ cổ đông và nhà đầu tư

SMC tiếp tục thực hiện chuẩn mực công tác quan hệ cổ đông và nhà đầu tư, tiếp xúc, gặp gỡ, cung cấp, cập nhật thông tin kịp thời về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Các hoạt động công bố thông tin luôn được cập nhật/phản hồi một cách rõ ràng, minh bạch, cung cấp đầy đủ các nội dung liên quan đến hoạt động quản trị, đầu tư tài chính, sản xuất vận hành của

SMC để nhà đầu tư, đối tác, khách hàng có thể truy cập, kiểm tra và nắm bắt thông tin kịp thời. Công ty luôn công bố thông tin, cập nhật về hiệu quả và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp theo tháng, quý, năm một cách đầy đủ, cởi mở, và minh bạch, sẵn sàng đối thoại, giải đáp các thắc mắc yêu cầu đối với kết quả hoạt động, kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp.

### Cổ phiếu SMC

Mã chứng khoán	SMC	
Sàn niêm yết cổ phiếu	HSX	
Vốn điều lệ	609.946.910.000	Đồng
Số cổ phiếu đang lưu hành	60.922.941	Cổ phiếu
Vốn hóa thị trường (theo giá cp ngày 31/12/2021)	2.558.763.522.000	Đồng
Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu năm 2021 (EPS)	14.369	Đồng
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu năm 2021 (BPS)	39.680	Đồng
Biến động giá VN-Index trong năm 2021	+ 33,7%	
Biến động giá cổ phiếu SMC trong năm 2021	+ 109,0%	

Thị trường chứng khoán Việt Nam 2021 đã trải qua một năm thăng hoa với sự tăng trưởng ngoạn mục, thể hiện rõ vai trò là kênh huy động vốn quan trọng cho doanh nghiệp cũng như là kênh đầu tư hấp dẫn đối với các nhà đầu tư. Dù chịu tác động từ đại dịch Covid-19 với những nhịp điều chỉnh mạnh, TTCK Việt Nam 2021 đã có sự phục hồi và bứt phá mạnh mẽ với xu hướng tăng trưởng là chủ đạo. Kết thúc phiên giao dịch cuối năm 2021, VN-Index đóng cửa tại mức 1.498,28 điểm, tăng 33,7% so với mức đầu năm, đưa TTCK Việt Nam vào top thị trường có tỷ suất sinh lời cao nhất trên thế giới. Thanh khoản trên thị trường năm 2021 vẫn tiếp tục bùng nổ và tăng mạnh 250% so với năm 2020. Cùng với sự đi lên của thị

trường, thì hàng loạt nhóm cổ phiếu cũng có một năm rực rỡ, trong đó có các cổ phiếu thuộc nhóm ngành thép. Cụ thể giá cổ phiếu SMC đã có mức tăng 109% trong năm 2021 so với mức 34% của VN-Index. Bước qua năm 2022, TTCK được dự báo sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ từ các yếu tố nền tảng vĩ mô và các yếu tố nội tại của thị trường. Đặc biệt các doanh nghiệp và nhà đầu tư đã có sự thích ứng đáng kể sau 2 năm sống chung với đại dịch, cùng với các gói kích thích hỗ trợ tăng trưởng kinh tế sẽ giúp cho TTCK Việt Nam năm 2022 tiếp tục là một điểm sáng.

### Cổ tức

ĐHĐCĐ năm 2021 đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức cho năm 2021 với tỷ lệ tối thiểu là 10% mệnh giá bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu. SMC đã thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 với tỷ lệ chi trả là 5% mệnh giá bằng tiền mặt, tương đương 500 đồng/cp vào tháng 11/2021. Cổ tức đợt 2 năm 2021 với tỷ lệ là loại hình chi trả (bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu hoặc cả hai) sẽ được HĐQT thông qua và thực hiện chi trả ngay sau kỳ họp ĐHĐCĐ năm 2022.

### Cơ cấu cổ đông

Những thay đổi lớn và giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2021:

- Trong năm 2021, SMC không thực hiện việc phát hành mới hoặc chia tách cổ phiếu làm thay đổi vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phiếu của Công ty.
- Các giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan đã được thực hiện trong năm 2021 như sau:

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm cổ phiếu	
		Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Mua	Bán
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó TGD	674.894	1,11	278.894	0,46	-	396.000
Bà Vũ Thị Kim Lan	Người liên quan P. TGD	128.668	0,21	12.668	0,02	-	116.000
Bà Lê Thị Cẩm Tú	BKS	17.500	0,03	1.000	0,00	-	16.500
Bà Đặng Thị Thu Trang	BKS	16.638	0,03	38	0,00	-	16.600
Ông Nguyễn Bình Trọng	P. TGD	90.066	0,15	90.000	0,15	10.000	10.066
Ông Trương Văn Minh	P. TGD	10.000	0,02	-	0,00	-	10.000
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	TV. HĐQT	3.203.767	5,25	3.183.767	5,22	2.800	22.800
Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm	Người liên quan CT. HĐQT	66.525	0,11	16.325	0,03	-	50.200
Bà Nguyễn Thụy Như Quỳnh	Người liên quan TV. HĐQT	737.311	1,21	432.511	0,71	-	304.800



## QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (tt)

Thông tin cổ đông theo danh sách chốt ngày 24/03/2022

### Cơ cấu cổ đông

	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Số lượng CP	%	Số lượng CP	%	Số lượng CP	%
<b>Tổng vốn chủ sở hữu</b>	<b>48.250.221</b>	<b>79,11</b>	<b>12.744.470</b>	<b>20,89</b>	<b>60.994.691</b>	<b>100,0</b>
Cổ đông sáng lập (*)	9.020.723	14,79	0	0,00	9.020.723	14,79
Cổ đông sở hữu trên 5%	17.226.680	28,24	12.013.730	19,70	29.240.410	47,94
Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%	11.249.940	18,44	0	0,00	11.249.940	18,44
Cổ đông sở hữu dưới 1%	19.701.851	32,31	730.740	1,19	20.432.591	33,50
Cổ phiếu quỹ	71.750	0,12	0	0,00	71.750	0,13

(\*) Cổ đông sáng lập đã bao gồm 01 cổ đông sở hữu trên 5% và 01 cổ đông sở hữu dưới 1%

### Tỷ lệ sở hữu của cổ đông đặc biệt

	Tổng số lượng cổ phần sở hữu	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu %
<b>Cổ đông đặc biệt</b>	<b>24.941.571</b>	<b>0</b>	<b>24.941.571</b>	<b>40,89</b>
Hội đồng quản trị	24.350.513	0	24.350.513	39,92
Ban Tổng giám đốc	1.213.661	0	1.213.661	1,99
Ban kiểm soát	11.292	0	11.292	0,02
Kế toán trưởng	13.992	0	13.992	0,02
<b>Cổ đông nắm giữ &gt;=5%</b>	<b>36.099.622</b>	<b>0</b>	<b>36.099.622</b>	<b>59,18</b>
Hanwa Co. Ltd	12.013.730	0	12.013.730	19,70
Nguyễn Thị Ngọc Loan	8.741.829	0	8.741.829	14,33
Nguyễn Cẩm Vân	8.484.851	0	8.484.851	13,91
<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>12.744.470</b>	<b>0</b>	<b>12.744.470</b>	<b>20,89</b>
Tổ chức	12.436.739	0	12.436.739	20,39
Cá nhân	307.731	0	307.731	0,50
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>71.750</b>	<b>0</b>	<b>71.750</b>	<b>0,12</b>

### Danh sách chi tiết cổ đông chủ chốt

Họ và tên	Chức vụ	Tổng số cổ phiếu sở hữu	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	Tổng cộng	Tỷ lệ %
Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch HĐQT	8.741.829	0	8.741.829	14,33
Nguyễn Ngọc Ý Nhi	PCT HĐQT – PTGD	647.887	0	647.887	1,06
Hanwa Co., Ltd	Thành viên HĐQT	12.013.730	0	12.013.730	19,70
Nguyễn Hữu Kinh Luân	TV HĐQT	2.947.067	0	2.947.067	4,83
Vũ Anh Nguyên	TV HĐQT độc lập	0	0	0	0,00
Đặng Huy Hiệp	TGD	168.740	0	168.740	0,28
Nguyễn Bình Trọng	Phó TGD	90.000	0	90.000	0,15
Nguyễn Văn Tiến	Phó TGD	278.894	0	278.894	0,46
Nguyễn Hồng Châu	Phó TGD	28.140	0	28.140	0,05
Trương Văn Minh	Phó TGD	0	0	0	0,00
Võ Thị Tố Ngân	BKS	11.251	0	11.251	0,02
Đặng Thị Thu Trang	BKS	38	0	38	0,00
Lê Thị Cẩm Tú	BKS	3	0	3	0,00
Nguyễn Văn Lâm	KTT	13.992	0	13.992	0,02
<b>Tổng cộng</b>		<b>24.671.571</b>		<b>24.671.571</b>	<b>40,45</b>

### Thù lao, chi phí của HĐQT và BKS

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, ban lãnh đạo và BKS cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức danh	Thù lao (VNĐ)
Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch HĐQT	250.000.000
Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Phó Chủ tịch HĐQT/PTGD	250.000.000
Kishimoto Hideki	Thành viên HĐQT	150.000.000
Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên HĐQT	150.000.000
Vũ Anh Nguyên	Thành viên HĐQT độc lập	150.000.000
Đặng Huy Hiệp	Tổng Giám Đốc	250.000.000
Võ Thị Tố Ngân	BKS	100.000.000
Lê Thị Cẩm Tú	BKS	100.000.000
Đặng Thị Thu Trang	BKS	100.000.000
Hồ Thị Ngọc Tuyết	Thư ký HĐQT	100.000.000
Nguyễn Bình Trọng	Phó TGD	150.000.000
Nguyễn T.K. Hồng Châu	Phó TGD	150.000.000
Trương Văn Minh	Phó TGD	150.000.000
Nguyễn Văn Tiến	Phó TGD	100.000.000
Nguyễn Văn Lâm	Kế toán trưởng	100.000.000
<b>Tổng thù lao 2021 đã tạm chi</b>		<b>2.250.000.000</b>
<b>Tổng thù lao được ĐHCĐ thông qua</b>	<b>= 1,5% * LNST 2021</b>	<b>13.515.757.665</b>
Sẽ trình ĐHCĐ 2022 thông qua mức chi trả thù lao cụ thể cho HĐQT, BKS và Ban Điều Hành năm 2021		

## QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (tt)

### 5. Phát triển bền vững

SMC luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững làm trọng tâm cốt lõi trong toàn bộ định hướng hoạt động và xây dựng tổ chức trước những thay đổi về kinh tế chính trị trong và ngoài nước, nhằm gia tăng giá trị đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường và khách hàng, và đảm bảo mục tiêu phát triển chiến lược của chính doanh nghiệp. Trong đó, Công ty tập trung vào việc đầu tư phát triển các hoạt động kinh doanh sắt thép cốt lõi, thực hiện mục tiêu tăng trưởng vững chắc và hoạt động ổn định có hiệu quả trong trung dài hạn, kết hợp với thực hiện các mục tiêu về xã hội và môi trường, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan.

Trải qua một chặng đường dài, SMC đã từng bước phát triển vững mạnh, tái cấu trúc và định hướng hoạt động hài hòa theo 3 nhóm lĩnh vực chính gồm Thương mại – Gia công – Sản xuất thép, một mặt vừa đảm bảo nâng cao hiệu quả kinh doanh phục vụ cho chiến lược phát triển ổn định bền vững của Công ty, mặt khác vừa đa dạng hóa cơ cấu danh mục sản phẩm cung cấp cho khách hàng và thị trường. Ba khía cạnh của phát triển bền vững là Kinh tế – Xã hội – Môi trường luôn được quan tâm, đảm bảo hài hòa và cân đối xuyên suốt trong các hoạt động quản trị doanh nghiệp và hoạt động SXKD của toàn hệ thống SMC.

#### Chia sẻ cùng Xã Hội - Chung tay cùng Cộng Đồng

Trong năm 2021, kể từ khi làn sóng Covid thứ tư bùng phát mạnh tại TP. HCM và các tỉnh miền nam, đã để lại nhiều đau thương mất mát cho toàn cộng đồng, kinh tế xã hội, và con người Việt Nam, do chưa có đủ vaccine phòng dịch và phải thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội gắt gao. SMC ngoài việc tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu của Cơ quan nhà nước bằng cách cho CBNV làm việc online, lực lượng sản xuất được sắp xếp làm việc 3 tại chỗ tại nhà máy để ổn định sản xuất theo tình



hình chung, cũng đã xung phong đóng góp vào công cuộc phòng chống dịch của cả nước.

SMC với phương châm hoạt động “Hướng đến cộng đồng” đã thực hiện các chương trình sát cánh cùng Mặt trận tổ quốc và các Bệnh viện, nhân viên y tế tuyến đầu, tham gia quyên góp, ủng hộ phòng chống dịch thể hiện vai trò, trách nhiệm của Doanh nghiệp trong việc chung tay bảo vệ sức khỏe cộng đồng, góp phần cùng cả nước có thêm nguồn lực sớm ngăn chặn, đẩy lùi dịch bệnh:

- Đóng góp ủng hộ 1 tỷ đồng vào Quỹ kinh phí Mua vaccine phòng chống Covid của Ủy ban mặt

trên tổ quốc TP.HCM.

- Ủng hộ 1 chiếc xe cứu thương Hyundai Solati 16 chỗ đến Bệnh viện Lê Văn Thịnh – TP. Thủ Đức nhằm tăng cường nguồn lực hỗ trợ phòng chống dịch cho các Bệnh viện tuyến đầu
- Đóng góp 200 triệu đồng vào quỹ phòng chống dịch của Mặt trận tổ quốc BRVT.
- Công đoàn Công ty SMC và Công đoàn cơ sở tiến hành trao tặng hơn 700 phần quà là nhu yếu phẩm cho CBNV đã tham gia làm việc 3 tại chỗ tại đơn vị để hỗ trợ tinh thần, vật chất cho Anh Em.

- Đóng góp ủng hộ cơ sở vật chất gồm khẩu trang y tế, bộ kit test nhanh, máy monitor cho Trung tâm Hồi sức tích cực Covid của Bệnh viện ĐHYD TP.HCM thông qua ngân hàng BIDV chi nhánh Thống Nhất.

Trong thời gian tới, SMC sẽ tiếp tục thực hiện các hoạt động xã hội, công tác từ thiện, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng, gắn kết với địa phương nơi Công ty có văn phòng, các nhà máy đang hoạt động.

### Bảo vệ Môi trường

Thép là một ngành công nghiệp nặng, trong quá trình sản xuất đã tạo ra một lượng lớn các chất thải gây ô nhiễm môi trường và gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Do đó mỗi doanh nghiệp hoạt động trong ngành cần nâng cao ý thức và có những hành động tích cực nhằm đảm bảo hài hòa giữa tăng trưởng và bảo vệ môi trường. Ý thức được vấn đề đó, SMC luôn đặc biệt quan tâm và nâng cao trách nhiệm đối với môi trường và con người trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của cơ quan quản lý đối với môi trường, lựa chọn và áp dụng công nghệ gia công sản xuất thép hiện đại tiên tiến, sử dụng công nghệ ít tiêu tốn vật tư, nguyên nhiên liệu kết hợp với biện pháp xử lý cuối nguồn để đảm bảo tối thiểu các tác động đến môi trường. Công ty cũng thường xuyên củng cố và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân viên, về bảo vệ môi trường, để có những cập nhật, phản ứng và cách xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh nếu có, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Cùng với việc tiếp tục duy trì và phát huy phương pháp 5S, SMC sẽ luôn phát huy các sáng kiến và ứng dụng cải tiến cho các hoạt động SXKD trong thời gian tới.

Từ năm 2020, SMC cũng đã chính thức phối hợp với đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời áp mái, ứng dụng cho các khối văn phòng, nhà xưởng, nhà máy sản xuất của Công ty. Các nhà máy của Công ty đang được đặt ở KCN Phú Mỹ 1, BRVT là nơi có điều kiện lý tưởng cho việc lắp đặt và sử dụng điện năng lượng mặt trời vào hoạt động SXKD. Ứng dụng này đem đến nhiều lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp nói riêng và cho môi trường nói chung, như: không tạo ra khí nhà kính, không gây ô nhiễm nguồn nước, không tạo ra tiếng ồn trong quá trình sản xuất điện, không có tác động có hại đến môi trường sống và con người xung quanh, góp phần giảm tải tiêu hao điện năng sử dụng từ nhà cung cấp giúp doanh nghiệp giảm bớt chi phí, giúp làm

mát hạ nhiệt cho khu vực nhà xưởng văn phòng được lắp đặt, cũng như làm giảm tác động của nhiệt đến hạ tầng nhà xưởng, văn phòng và cơ sở vật chất bên trong.

Các nhà máy gia công chế biến và sản xuất hiện tại của toàn hệ thống đều được đặt trong các KCN quy hoạch hoàn chỉnh dành cho ngành công nghiệp nặng với hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, riêng biệt với khu dân cư, ít gây ảnh hưởng tác động đến môi trường sống của dân cư xung quanh trong suốt quá trình từ triển khai đầu tư, xây dựng cơ bản cho đến khi hoàn thành đi vào vận hành.

- Về tỷ lệ tiêu hao nguyên liệu/phế phẩm – SMC luôn đảm bảo quản lý từ chất lượng đầu vào các nguyên vật liệu cho quá trình gia công sản xuất, cùng hệ thống máy móc hiện đại nhằm giảm thiểu tối đa tỷ lệ hao hụt nguyên vật liệu trong quá trình thực hiện. Các phế liệu chủ yếu từ quá trình gia công sản xuất của SMC là các đầu mẫu dây thép, cuộn thép, hoặc 2 biên của cuộn thép, xỉ kẽm, được tập trung thu gom và bán lại cho các nhà máy tái chế nguyên liệu.

- Về nước và khí thải – SMC áp dụng biện pháp xử lý và xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước và ký hợp đồng xử lý nước thải với các đơn vị chịu trách nhiệm tại các KCN, đảm bảo lượng nước thải ra được xử lý đúng cách và không gây ảnh hưởng đến môi trường. Đối với khí thải, các hoạt động gia công sản xuất của Công ty không phát sinh ra khói và khí thải độc hại, tuy nhiên SMC vẫn tăng cường thoáng gió tự nhiên và tăng cường diện

tích cây xanh trong môi trường làm việc cho CBCNV.

- Về tiếng ồn và độ rung – chủ yếu phát sinh trong suốt quá trình vận hành máy móc, SMC đã áp dụng các biện pháp để hạn chế tối đa những ảnh hưởng về tiếng ồn và độ rung đến CBCNV làm việc trực tiếp và gián tiếp trong nhà máy như trang bị lớp cao su, lò xo giảm chấn cho máy móc thiết bị gây độ rung, thường xuyên bảo trì bảo dưỡng hệ thống, bố trí máy móc thiết bị trong dây chuyền hợp lý để tránh cộng hưởng tiếng ồn, và trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc ở những nơi phát sinh tiếng ồn cao.

- Về tiêu hao điện năng, năng lượng – tất cả các dây chuyền gia công sản xuất đều được nhập mới với công nghệ hiện đại theo tiêu chuẩn Châu Âu, vận hành năng suất cao, được bảo trì bảo dưỡng thường xuyên, nên mức tiêu thụ điện năng và nhiên liệu trong suốt quá trình sản xuất gia công đạt hiệu quả khá tốt. Trong quá trình xây dựng nhà xưởng, SMC đã tối đa hóa hệ thống tôn sáng, đảm bảo đầy đủ ánh sáng tự nhiên trong quá trình làm việc, góp phần giảm tối đa tiêu hao điện năng. Toàn hệ thống được vận hành dựa trên công nghệ điều khiển và tự động, với động cơ truyền lực được vận hành bằng công nghệ inverter giúp giảm tiêu hao năng lượng, nhưng vẫn đảm bảo cho năng suất, tốc độ cao, và chất lượng sản phẩm cao nhất cho khách hàng.

### Tăng trưởng bền vững – Gia tăng giá trị

SMC tập trung phát triển cả chiều sâu và chiều rộng, như phát triển thị phần, nâng cao năng suất, vừa khai thác tốt thị trường nội địa, vừa tích cực trong hoạt động xuất nhập khẩu, phát triển thị trường mới, và nhất là tăng cường tham gia tích cực hơn và hiệu quả hơn nữa trong lĩnh vực gia công chế biến, sản xuất thép để thực hiện tốt mục tiêu phát triển bền vững và ổn định hiệu quả.

Với định hướng chiến lược tập trung vào giá trị cốt lõi là hoạt động SXKD thép, SMC đã khẳng định được vị thế của mình trong ngành với những thành quả đáng ghi nhận: là doanh nghiệp thép với hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành, có tổng sản lượng tiêu thụ thép ở mức lớn trong nước đạt hơn 1,3 triệu tấn thép; là doanh nghiệp thép nội địa có hệ thống Coil Center lớn và chất lượng ở Việt Nam; hoàn thiện dẫn chuỗi sản xuất khép kín từ nguyên liệu thép cán nóng ra thành phẩm mạ và ống thép.

Đối mặt với không ít khó khăn và thử thách trong suốt chặng đường hình thành và phát triển đến nay, SMC vẫn tiếp tục đứng vững, kiên trì đối đầu với thử thách, duy trì hoạt động SXKD ổn định và ngày càng khẳng định mình trên thương trường, vững bước trên con đường phát triển bền vững mang lại giá trị và lợi ích lâu dài cho cổ đông và đối tác. Với trách nhiệm của một doanh nghiệp đối với sự phát triển của cộng đồng và xã hội, vì sự tin tưởng của cổ đông, khách hàng, đối tác, các cơ quan đoàn thể, CBCNV, chúng tôi sẽ quyết tâm tiếp tục thực hiện nghiêm túc các định hướng đúng đắn mà Công ty đã và đang thực hiện trong quãng đường hình thành và phát triển.



## CÔNG TY CON

Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần /vốn góp của Công ty: Không có  
 Công ty có trên 50% vốn cổ phần /vốn góp chủ chốt do Công ty nắm giữ gồm:

### CÔNG TY TNHH THÉP SMC

**Trụ sở chính:** Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

**Vốn điều lệ:** 230 tỷ đồng

**Tỷ lệ SMC sở hữu:** 100%

**Hoạt động chính:** Coil Center - Sản xuất, gia công xả băng, cắt chặt tấm các loại thép lá mạ

**Sản phẩm:** Thép lá cán nguội, thép lá cán nóng đã tây gỉ, thép lá mạ điện, thép lá mạ kẽm, thép lá mạ màu, thép không gỉ, thép hình, lưới thép hàn, cốt thép, thép xây dựng,...



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2020	2021	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.511,7	5.749,8	+63,7 %
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	3.389,1	5.425,5	+60,1 %
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	122,7	324,3	+164,3 %
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	60,0	279,2	+365,3 %
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	49,3	222,3	+350,9 %
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.144,0	1.427,2	+24,8 %
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	368,7	583,9	+58,4 %
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	310,6	394,1	+26,9 %
Tài sản cố định	Tỷ đồng	209,2	215,4	+3,0 %
Nợ phải trả	Tỷ đồng	880,7	974,9	+10,7 %
Phải trả người bán ngắn hạn	Tỷ đồng	514,5	472,6	-8,1 %
Vay ngân hàng ngắn và dài hạn	Tỷ đồng	305,1	433,7	+42,2 %
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	263,3	452,3	+71,8 %
LN gộp / Doanh thu thuần	%	3,49	5,64	+2,15 %
LNST / Doanh thu thuần	%	1,40	3,87	+2,47 %
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	4,31	15,6	+11,3 %
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	18,72	49,1	+30,4 %

### CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ THÉP SMC

**Trụ sở chính:** KCN Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

**Vốn điều lệ:** 180 tỷ đồng

**Tỷ lệ SMC sở hữu:** 100%

**Hoạt động chính:** Gia công, xử lý thép cuộn cán nóng, cán ép, tẩy rỉ, sản xuất thép lá mạ kẽm

**Sản phẩm:** Thép tấm cán nóng, thép tấm cán nóng phi quy cách, thép lá mạ kẽm



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2020	2021	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	5.413,4	7.428,7	+37,2 %
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	5.192,9	7.162,8	+37,9 %
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	220,5	265,9	+20,6 %
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	129,6	184,3	+42,2 %
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	108,5	151,3	+39,4 %
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.505,2	1.722,7	+14,4 %
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	587,1	534,9	-8,9 %
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	397,7	871,7	+119,2 %
Tài sản cố định	Tỷ đồng	78,2	76,1	-2,7 %
Nợ phải trả	Tỷ đồng	1.304,8	1.391,4	+6,6 %
Phải trả người bán ngắn hạn	Tỷ đồng	626,1	670,6	+7,1 %
Vay ngân hàng ngắn và dài hạn	Tỷ đồng	586,4	675,3	+15,2 %
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	200,5	331,3	+65,2 %
LN gộp / Doanh thu thuần	%	4,07	3,58	-0,49 %
LNST / Doanh thu thuần	%	2,00	2,04	+0,04 %
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	7,21	8,78	+1,57 %
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	54,1	45,7	-8,4 %

## CÔNG TY CON (tt)

### CÔNG TY TNHH MTV SMC TÂN TẠO

**Trụ sở chính:** Lô 33, đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. HCM

**Vốn điều lệ:** 150 tỷ đồng

**Tỷ lệ SMC sở hữu:** 100%

**Hoạt động chính:** Coil Center – thương mại, sản xuất, gia công chế biến thép các loại. SMC Tân Tạo sử dụng hệ thống MMTB hiện đại được nhập khẩu từ Đài Loan với tổng công suất 200.000 tấn/năm, chuyên cung cấp và gia công xả băng, cắt tấm các loại thép tấm cán nóng, thép lá cán nguội, thép mạ... với độ chính xác và chất lượng cao. Hệ thống cụm máy cán thanh La cung cấp sản phẩm phục vụ trong lĩnh vực gia công Cơ khí, nội ngoại thất, công trình giao thông,...

**Sản phẩm:** Thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nóng phi quy cách (secondary), thép cường độ chịu lực cao,...



### CÔNG TY TNHH MTV SMC ĐÀ NẴNG

**Trụ sở chính:** Đường số 2, KCN Hòa Cẩm, Phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng

**Vốn điều lệ:** 50 tỷ đồng

**Tỷ lệ SMC sở hữu:** 100%

**Hoạt động chính:** Coil Center – thương mại, sản xuất, gia công chế biến thép các loại. Hệ thống gia công SMC Đà Nẵng có tổng công suất thiết kế 100.000 tấn/năm, sử dụng MMTB hiện đại, chuyên cung cấp và gia công xả băng, cắt tấm các loại thép với độ chính xác cao theo yêu cầu riêng biệt của khách hàng.

**Sản phẩm:** Kinh doanh và gia công thép cán nóng chính phẩm, cán nóng phi quy cách, PO tẩy gỉ, thép mạ kẽm, thép cán nguội ...

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2020	2021	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.953,5	2.574,4	+31,8 %
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	1.838,5	2.320,5	+26,2 %
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	115,0	253,9	+120,8 %
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	58,0	233,2	+302,1 %
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	46,9	186,0	+295,7 %
Tổng tài sản	Tỷ đồng	575,2	814,9	+41,7 %
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	147,7	129,5	-12,3 %
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	146,7	324,1	+120,9 %
Tài sản cố định	Tỷ đồng	53,6	45,2	-15,7 %
Nợ phải trả	Tỷ đồng	392,2	478,9	+22,1 %
Phải trả người bán ngắn hạn	Tỷ đồng	133,1	259,5	+95,0 %
Vay ngân hàng ngắn và dài hạn	Tỷ đồng	241,3	174,5	-27,7 %
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	183,0	336,0	+83,6 %
LN gộp / Doanh thu thuần	%	5,89	9,86	+3,97 %
LNST / Doanh thu thuần	%	2,40	7,22	+4,82 %
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	8,15	22,85	+14,7 %
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	25,6	55,4	+29,8 %

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2020	2021	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	335,4	806,4	+140,4 %
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	311,4	738,9	+137,3 %
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	24,0	67,5	+181,3 %
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,4	52,6	+526,2 %
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,7	42,1	+528,4 %
Tổng tài sản	Tỷ đồng	277,1	236,7	-14,6 %
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	17,9	20,5	+14,5 %
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	119,5	97,6	-18,3 %
Tài sản cố định	Tỷ đồng	70,7	64,7	-8,5 %
Nợ phải trả	Tỷ đồng	220,4	137,9	-37,4 %
Phải trả người bán ngắn hạn	Tỷ đồng	131,8	68,4	-48,1 %
Vay ngân hàng ngắn và dài hạn	Tỷ đồng	52,1	63,5	+21,9 %
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	56,7	98,8	+74,3 %
LN gộp / Doanh thu thuần	%	7,16	8,37	+1,21 %
LNST / Doanh thu thuần	%	2,00	5,22	+3,22 %
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	2,43	17,8	+15,4 %
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	11,9	43,0	+31,1 %

## CÔNG TY CON (tt)

### CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ỐNG THÉP SENDO

**Trụ sở chính:** Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

**Văn phòng đại diện:** 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

**Vốn điều lệ:** 8.000.000 USD (~176,2 tỷ đồng)

**Tỷ lệ SMC sở hữu:** 75%

**Hoạt động chính:** Sản xuất và gia công sản phẩm ống thép

**Sản phẩm:** Ống thép đen và ống thép mạ kẽm các loại



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2020	2021	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.755,0	3.401,1	+23,5 %
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	2.632,2	3.214,7	+22,1%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	122,8	186,4	+51,8 %
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	44,6	120,3	+169,7 %
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	40,1	108,2	+169,8 %
Tổng tài sản	Tỷ đồng	885,4	913,0	+3,1 %
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	307,9	184,6	-40,0 %
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	238,8	389,4	+63,1%
Tài sản cố định	Tỷ đồng	228,5	228,2	-0,1 %
Nợ phải trả	Tỷ đồng	632,3	551,6	-12,8 %
Phải trả người bán ngắn hạn	Tỷ đồng	443,4	117,7	-73,5 %
Vay ngân hàng ngắn và dài hạn	Tỷ đồng	12,3	79,0	+542,3 %
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	253,1	361,3	+42,7 %
LN gộp / Doanh thu thuần	%	4,46	5,48	+1,02 %
LNST / Doanh thu thuần	%	1,46	3,18	+1,72 %
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	4,53	11,9	+7,3 %
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	15,84	29,9	+14,1 %

## CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT



### CÔNG TY LIÊN DOANH SMC – SUMMIT

**Trụ sở chính:** Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

**Văn phòng đại diện:** 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

**Vốn điều lệ:** 4.000.000 USD (83,286 tỷ đồng)

**Tỷ lệ SMC sở hữu:** 50%

**Hoạt động chính:** Kinh doanh phân phối các sản phẩm sắt thép đặc biệt, chất lượng cao

**Sản phẩm:** Thép coupler, thép dập uốn theo khuôn hình...

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2020	2021	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.993,8	1.683,0	-15,6 %
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	1.936,0	1.634,9	-15,6 %
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	57,8	48,1	-16,8 %
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	14,3	15,8	+10,5 %
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	12,2	12,8	+4,9 %
Tổng tài sản	Tỷ đồng	430,0	463,3	+7,7 %
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	404,7	336,6	-16,8 %
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	21,6	89,5	+314,4 %
Tài sản cố định	Tỷ đồng	1,0	0,7	-30,0 %
Nợ phải trả	Tỷ đồng	302,7	345,1	+14,0 %
Phải trả người bán ngắn hạn	Tỷ đồng	26,1	22,5	-13,8 %
Vay ngân hàng ngắn và dài hạn	Tỷ đồng	265,4	314,2	+18,4 %
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	127,4	118,2	-7,2 %
LN gộp / Doanh thu thuần	%	2,90	2,86	-0,04 %
LNST / Doanh thu thuần	%	0,61	0,76	+0,15 %
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	2,84	2,76	-0,08 %
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	9,58	10,8	+1,22 %

## CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT (tt)

### CÔNG TY TNHH HANWA SMC STEEL SERVICE HÀ NỘI

**Trụ sở chính:** Lô số 47, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội

**Vốn điều lệ:** 64,37 tỷ đồng

**Tỷ lệ SMC sở hữu:** 35%

**Hoạt động chính:** Coil Center – sản xuất gia công chế biến thép tấm lá mạ, phân phối thương mại sắt thép các loại cho thị trường miền Bắc

**Sản phẩm:** Thép xây dựng, thép lá đen, thép lá mạ, inox...



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2020	2021	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	717,2	1.208,1	+68,4%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	661,8	1.060,0	+60,2%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	55,4	148,1	+167,1%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20,9	108,6	+418,9%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	16,9	87,1	+416,6%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	375,6	836,5	+122,8%
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	135,2	193,7	+42,9%
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	168,9	491,0	+190,8%
Tài sản cố định	Tỷ đồng	34,6	32,1	-7,2%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	226,6	606,9	+167,9%
Phải trả người bán ngắn hạn	Tỷ đồng	106,4	105,0	-1,6%
Vay ngân hàng ngắn và dài hạn	Tỷ đồng	109,3	487,3	+345,9%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	149,0	229,6	+54,1%
LN gộp / Doanh thu thuần	%	7,72	12,3	+4,58%
LNST / Doanh thu thuần	%	2,36	7,21	+4,85%
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	4,50	10,4	+5,9%
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	11,34	37,9	+26,6%

### CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH SMC – TOAMI

**Trụ sở chính:** Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

**Văn phòng đại diện:** 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

**Vốn điều lệ:** 3.000.000 USD (65,22 tỷ đồng)

**Tỷ lệ SMC sở hữu:** 25%

**Hoạt động chính:** Sản xuất và gia công các sản phẩm Lưới thép hàn

**Sản phẩm:** Lưới thép hàn



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2020	2021	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	53,6	35,1	-34,6%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	59,8	37,9	-36,7%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	-6,1	-2,8	N/A
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-16,5	-10,1	N/A
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-16,5	-10,1	N/A
Tổng tài sản	Tỷ đồng	64,2	52,6	-18,1%
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	2,3	1,2	-49,6%
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	12,6	6,1	-51,5%
Tài sản cố định	Tỷ đồng	43,8	39,2	-10,5%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	62,8	61,3	-2,4%
Phải trả người bán ngắn hạn	Tỷ đồng	21,9	21,6	-1,3%
Vay ngân hàng ngắn và dài hạn	Tỷ đồng	38,9	38,5	-1,0%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1,5	-8,7	N/A



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HỢP NHẤT KIỂM TOÁN  
NĂM 2021**



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC VÀ CÁC CÔNG TY CON

1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	83-86
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	88-89
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	90-94
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	94
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	95-96
6. BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	97-147



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các công ty Con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY THÀNH LẬP

**Thành lập:**

**Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC** (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 15 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303522206 ngày 03/9/2019 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.

**Tên tiếng anh:** SMC Trading Investment Joint Stock Company.

**Tên viết tắt:** SMC J.S.C

**Mã chứng khoán:** SMC

**Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng.

**Trụ sở chính:** 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### 2. THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY CON

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có chín (09) công ty Con, cụ thể như sau:

**Công ty TNHH Thép SMC** được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500801878 ngày 26 tháng 6 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 09 tháng 4 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 230 tỷ VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã góp đủ vốn.

Trụ sở hoạt động: Đường 1B, KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**Công ty TNHH MTV Thương mại SMC** (trước đây là Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701117241 ngày 10 tháng 11 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 vào ngày 09 tháng 4 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn điều lệ là 50 tỷ VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã góp đủ vốn.

Trụ sở hoạt động: Đường số 5, KCN Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC** được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500974084 ngày 26 tháng 11 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 28 tháng 4 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 180 tỷ VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã góp đủ vốn.

Trụ sở hoạt động: KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 5. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM (gọi tắt là "AISC") được chọn là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### 6. CAM KẾT CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Trong việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 14 tháng 3 năm 2022

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



**ĐẶNG HUY HIỆP**  
Tổng Giám đốc





## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HCM

Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist. 3, Ho Chi Minh City

Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) - Fax: (84.28) 3834 2957

Email: info@aisc.com.vn - Website: www.aisc.com.vn



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: A0521270-HN/AISC-DN5

### Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của **Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại SMC** (gọi tắt là "Công ty") và **các công ty Con** (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2022, từ trang 6 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của **Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các công ty con** tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. HCM, ngày 14 tháng 3 năm 2022

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN



NGUYỄN VĂN TUYÊN

Số Giấy CNĐKHNKT: 0111-2020-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

PHAN ĐỨC DANH

Số Giấy CNĐKHNKT: 2080-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>7.021.183.485.885</b>	<b>5.516.482.658.175</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>624.568.484.588</b>	<b>1.183.353.090.185</b>
1. Tiền	111		276.568.484.588	456.353.090.185
2. Các khoản tương đương tiền	112		348.000.000.000	727.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2	<b>703.805.703.430</b>	<b>557.363.131.616</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		703.805.703.430	557.363.131.616
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.858.123.810.709</b>	<b>1.730.770.360.778</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	2.473.068.819.662	1.349.095.524.835
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	366.757.621.033	287.028.881.608
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	60.416.903.479	151.087.647.591
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(42.127.033.465)	(56.441.693.256)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		7.500.000	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.7	<b>2.544.487.868.635</b>	<b>1.803.930.918.481</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.663.157.835.649	1.805.003.494.596
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(118.669.967.014)	(1.072.576.115)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>290.197.618.523</b>	<b>241.065.157.115</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13a	7.820.878.488	2.737.810.886
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		280.873.613.828	238.227.833.344
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17b	1.503.126.207	99.512.885
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.984.595.425.460</b>	<b>1.204.763.847.408</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>30.660.969.370</b>	<b>7.260.902.550</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	20.841.137.042	20.891.137.042
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	30.660.969.370	7.260.902.550
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.6	(20.841.137.042)	(20.891.137.042)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>998.812.055.135</b>	<b>796.609.062.761</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	648.373.972.428	512.645.488.973
- Nguyên giá	222		1.226.543.669.675	1.020.252.564.579
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(578.169.697.247)	(507.607.075.606)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	212.120.134.664	145.128.223.689
- Nguyên giá	225		282.779.475.657	191.873.398.751
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(70.659.340.993)	(46.745.175.062)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	138.317.948.043	138.835.350.099
- Nguyên giá	228		144.781.489.108	143.973.409.108
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.463.541.065)	(5.138.059.009)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V.11	<b>7.567.368.875</b>	<b>7.930.602.581</b>
- Nguyên giá	231		9.080.842.650	9.080.842.650
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.513.473.775)	(1.150.240.069)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>320.039.275.656</b>	<b>8.700.832.233</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	320.039.275.656	8.700.832.233
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>328.305.374.739</b>	<b>276.805.530.148</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		139.450.419.739	116.097.130.148
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		165.473.070.097	146.514.570.344
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.618.115.097)	(18.806.170.344)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		25.000.000.000	33.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>299.210.381.685</b>	<b>107.456.917.135</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13b	276.472.579.198	87.427.900.644
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	22.737.802.487	20.029.016.491
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>9.005.778.911.345</b>	<b>6.721.246.505.583</b>

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tt)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.586.901.713.878</b>	<b>5.136.955.762.978</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.120.492.799.994</b>	<b>5.083.293.962.337</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.15	2.122.819.701.669	2.025.976.832.234
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	60.666.732.310	186.452.733.559
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17a	85.684.487.940	31.008.582.200
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	134.967.986.429	86.333.296.503
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.21a	237.562.705.225	10.213.769.856
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	328.041.697.562	130.688.001.374
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	3.143.664.595.341	2.609.053.119.861
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.084.893.518	3.567.626.750
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>466.408.913.884</b>	<b>53.661.800.641</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.21b	525.801.504	630.961.806
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20bcd	461.430.742.297	48.727.724.818
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		4.452.370.083	4.303.114.017
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.418.877.197.467</b>	<b>1.584.290.742.605</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b>2.418.877.197.467</b>	<b>1.584.290.742.605</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		609.946.910.000	609.946.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		609.946.910.000	609.946.910.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		253.132.567.160	253.132.567.160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		682.710.000	682.710.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(717.500.000)	(717.500.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		384.510.005.831	384.510.005.831
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.081.035.918.581	273.499.879.041
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		237.497.293.379	10.051.082.293
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		843.538.625.202	263.448.796.748
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		90.286.585.895	63.236.170.573
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>9.005.778.911.345</b>	<b>6.721.246.505.583</b>

Tp. HCM, ngày 14 tháng 3 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thanh Hà

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Lâm

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Huy Hiệp

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2021	2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		21.318.535.820.136	15.743.517.791.335
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.520.342.875	8.560.229.922
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V1.1	21.315.015.477.261	15.734.957.561.413
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.2	19.834.661.766.563	14.915.982.600.479
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.480.353.710.698</b>	<b>818.974.960.934</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.3	108.970.540.602	67.669.310.470
7. Chi phí tài chính	22	V1.4	182.806.565.066	116.906.277.916
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		163.950.546.897	135.205.717.586
8. Phần lãi (/hoặc lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		36.606.232.591	7.808.978.615
9. Chi phí bán hàng	25	V1.5a	219.066.075.994	197.436.219.519
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V1.5b	127.199.563.622	211.257.402.121
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))</b>	<b>30</b>	V.20a	<b>1.096.858.279.209</b>	<b>368.853.350.463</b>
12. Thu nhập khác	31	V1.6	11.664.083.424	20.879.138.741
13. Chi phí khác	32	V1.7	8.733.448.658	22.788.782.395
<b>14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>2.930.634.766</b>	<b>(1.909.643.654)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.099.788.913.975</b>	<b>366.943.706.809</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V1.9	201.297.932.881	54.955.709.997
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(2.559.529.930)	(4.112.693.182)
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>901.050.511.024</b>	<b>316.100.689.994</b>
Cổ đông của Công ty mẹ	61		874.000.095.702	306.074.344.124
Cổ đông không kiểm soát	62		27.050.415.322	10.026.345.870
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	V1.10	<b>14.346</b>	<b>4.945</b>
<b>20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	V1.11	<b>14.346</b>	<b>4.945</b>

Tp. HCM, ngày 14 tháng 3 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thanh Hà

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Lâm

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Huy Hiệp

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.099.788.913.975</b>	<b>366.943.706.809</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8-11	96.221.359.331	96.327.679.227
- Các khoản dự phòng	03	V1.2,4,5b	86.304.934.089	(15.560.813.110)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		4.387.037.069	(1.060.126.961)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(82.675.354.585)	(44.911.977.148)
- Chi phí lãi vay	06	V1.4	164.616.961.036	135.205.717.586
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.368.643.850.915</b>	<b>536.944.186.403</b>
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(1.179.064.559.806)	(279.988.447.194)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(858.154.341.053)	(583.354.259.620)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		336.413.432.937	959.335.979.978
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(101.768.422.308)	(2.137.727.523)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(156.923.514.808)	(134.207.238.438)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V1.7	(159.322.030.069)	(49.665.637.573)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.108.765.501)	(2.240.531.576)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(752.284.349.693)</b>	<b>444.686.324.457</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(538.636.322.392)	(55.791.412.078)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		970.953.140	1.087.418.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.075.304.061.301)	(521.764.117.917)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		938.171.211.644	251.210.986.301
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(38.362.500.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		21.967.010.000	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		54.861.766.769	34.155.800.027
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(636.331.942.140)</b>	<b>(291.101.325.485)</b>



# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tt)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2021	2020
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	13.642.439.473.838	9.725.858.779.866
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(12.714.132.399.305)	(9.215.322.040.562)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(37.321.328.261)	(18.697.023.484)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(60.922.941.000)	(58.932.942.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>830.062.805.272</b>	<b>432.906.773.620</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(558.553.486.561)</b>	<b>586.491.772.592</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>1.183.353.090.185</b>	<b>596.391.443.759</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(231.119.036)	469.873.834
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	V.I	<b>624.568.484.588</b>	<b>1.183.353.090.185</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thanh Hà

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Lâm

Tp. HCM, ngày 14 tháng 3 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Huy Hiệp

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Thành lập

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 15 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303522206 ngày 03/9/2019 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

**Trụ sở chính:** 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở). Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất. Lập dự án đầu tư xây dựng. Kinh doanh nhà. Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất:** Không có.

**6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2021:** 1.098 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2020: 920 nhân viên)

#### 7. Cấu trúc Tập đoàn

7.1. Tổng số các công ty Con:

Tập đoàn có chín (09) công ty Con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

7.2. Danh sách các công ty Con được hợp nhất:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có chín (09) công ty Con sở hữu trực tiếp, cụ thể như sau:

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thép SMC Trụ sở hoạt động: Đường 1B, KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thương mại SMC Trụ sở hoạt động: Đường số 5, KCN Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC Trụ sở hoạt động: KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước Trụ sở hoạt động: Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh.	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng Trụ sở hoạt động: Đường số 2, KCN Hòa Cẩm, phường Hoà Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng.	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo Trụ sở hoạt động: Lô 33 đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chính xác SMC Phú Mỹ Trụ sở hoạt động: Đường N7, KCN Phú Mỹ II, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%
Công ty TNHH Gia công Thép SMC Phú Mỹ Trụ sở hoạt động: Đường N7, KCN Phú Mỹ II, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%
Công ty TNHH Liên Doanh Ống Thép SENDO Trụ sở hoạt động: Đường 1A, KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	75%	75%	75%

7.3. Danh sách các công ty Liên kết, Liên doanh được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có ba (03) công ty Liên kết, Liên doanh, cụ thể như sau:

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH SMC - Summit	50%	50%	50%
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	35%	35%	35%
Công ty TNHH SMC - Toami	25%	25%	25%

### 8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

Tập đoàn áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các công ty Con (gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các công ty Con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát các công ty Con, và chấm dứt vào ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các công ty Con.

Các báo cáo tài chính của các công ty Con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty Con và Công ty.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty Con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tập đoàn trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty Con.

Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch mua công ty Con là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty Con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa không quá 10 năm. Định kỳ, Tập đoàn đánh giá lại tổn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

### 2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

#### Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm 31/12/2021.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm 31/12/2021.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Tập đoàn đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

#### Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát trong các quyết định về

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà thực hiện đánh giá hàng năm xem lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

### Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Tập đoàn đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Tập đoàn nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty Mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty Con).

### Các khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu

Đối với khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu, Tập đoàn chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu được nhận trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư không phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

### 5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa Tập đoàn và đối tượng phải thu.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

#### Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính và các chi phí chung có liên quan phát sinh.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 7. Tài sản cố định (TSCĐ)

#### 7.1. TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

### *Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

### 7.2. TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

### *Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

### *Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

### 7.3. TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

### 7.4. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

### *Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>04 - 25 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>06 - 12 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>06 - 10 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>03 - 08 năm</i>
<i>Chương trình phần mềm</i>	<i>03 - 20 năm</i>
<i>Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.</i>	

### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư: được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư: Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như: phí dịch vụ tư vấn về pháp luật liên quan, thuế trước bạ, các chi phí liên quan khác.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá thành thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

**Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư:** khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tập đoàn không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy Bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Tập đoàn đánh giá giảm nguyên giá Bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán. Khi Bất động sản đầu tư tăng trở lại thì Tập đoàn thực hiện hoàn nhập tối đa bằng số đã ghi giảm trước đây.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư như sau:*

*Nhà cửa vật kiến trúc 25 năm*

### 10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Tập đoàn bao gồm chi phí bảo hiểm chờ phân bổ, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thuê kho, chi phí thuê đất đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng chi phí thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê.

### 11. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Tập đoàn thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa Tập đoàn và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Tập đoàn ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

### 12. Vay và nợ thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

### 13. Các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

### 14. Chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong năm dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Tập đoàn. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 25,5%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21,5% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong năm và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

### 15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi tiền vay; chi phí lương, thưởng; chi phí vận chuyển; ... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Đối với chi phí lương, thưởng phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

### 16. Các khoản dự phòng phải trả

**Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:** Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả** là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 17. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tập đoàn sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán trong trường hợp Tập đoàn đã giao hàng hóa cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Tập đoàn sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

### 18. Vốn chủ sở hữu

**Vốn góp của chủ sở hữu:** Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Tập đoàn.

**Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

### Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

### 19. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần"

### 20. Doanh thu và thu nhập khác

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong

kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

### 21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

### 22. Chi phí tài chính

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, ..; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### 23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

#### b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

### 24. Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong kỳ làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Tập đoàn trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước. Tập đoàn không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các kỳ trước.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành của Tập đoàn là 20%, riêng Công ty Công ty TNHH Liên doanh Ống thép Sento là 10%.

### 25. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong năm chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

### 26. Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

#### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, nợ và vay.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

### 27. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

### 28. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2021	01/01/2021
<b>Tiền</b>	<b>276.568.484.588</b>	<b>456.353.090.185</b>
Tiền mặt	355.154.333	451.807.366
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	276.213.330.255	455.901.282.819
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>348.000.000.000</b>	<b>727.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	(*) 348.000.000.000	727.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>624.568.484.588</b>	<b>1.183.353.090.185</b>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng được sử dụng để cầm cố nhằm đảm bảo một phần cho các khoản vay tại các ngân hàng: Xem thuyết minh V.20.

### 2. Các khoản đầu tư tài chính: (Xem trang 138-139).

### 3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2.473.068.819.662</b>	<b>(42.117.033.465)</b>	<b>1.349.095.524.835</b>	<b>(56.441.693.256)</b>
<b>Khách hàng trong nước</b>	<b>2.219.541.752.645</b>	<b>(42.117.033.465)</b>	<b>1.239.421.166.970</b>	<b>(56.441.693.256)</b>
Nhà máy luyện Phôi Thép - Chi nhánh Công ty CP				
Thép Pomina	229.155.253.416	-	-	-
Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	101.319.205.262	-	49.013.191.656	-
Công ty CP Quốc tế Vạn Thắng	-	-	27.194.524.719	(13.597.262.360)
Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận	347.073.348.380	-	-	-
Công ty TNHH VSSC Steel Center	50.795.796.413	-	-	-
Phải thu các bên liên quan (Xem thuyết minh X.3)	54.035.117.860	-	62.901.739.872	-
Các khách hàng khác	1.437.163.031.314	(42.117.033.465)	1.100.311.710.723	(42.844.430.896)
<b>Khách hàng nước ngoài (11,198,131 USD)</b>	<b>253.527.067.017</b>	<b>-</b>	<b>109.674.357.865</b>	<b>-</b>
Chip Mong Group Co., Ltd	49.073.221.064	-	10.469.212.624	-
Isi Steel Co., Ltd.	84.741.699.988	-	-	-
Global Steel Co., Ltd.	-	-	69.572.185.504	-
Eoun Steel Co., Ltd.	51.310.593.481	-	19.187.574.057	-
Các khách hàng khác	68.401.552.484	-	10.445.385.680	-
<b>Cộng</b>	<b>2.473.068.819.662</b>	<b>(42.117.033.465)</b>	<b>1.349.095.524.835</b>	<b>(56.441.693.256)</b>

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 3. Phải thu của khách hàng (tt)

31/12/2021

01/01/2021

	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>b. Dài hạn</b>	<b>20.841.137.042</b>	<b>(20.841.137.042)</b>	<b>20.891.137.042</b>	<b>(20.891.137.042)</b>
<b>Khách hàng trong nước</b>	<b>20.841.137.042</b>	<b>(20.841.137.042)</b>	<b>20.891.137.042</b>	<b>(20.891.137.042)</b>
Công ty CP Hữu Liên Á Châu	16.731.432.764	(16.731.432.764)	16.731.432.764	(16.731.432.764)
Các khách hàng khác	4.109.704.278	(4.109.704.278)	4.159.704.278	(4.159.704.278)
<b>Cộng</b>	<b>2.493.909.956.704</b>	<b>(62.958.170.507)</b>	<b>1.369.986.661.877</b>	<b>(77.332.830.298)</b>

## 4. Trả trước cho người bán ngắn

31/12/2021

01/01/2021

	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Nhà cung cấp trong nước</b>	<b>365.355.562.277</b>	<b>(10.000.000)</b>	<b>267.468.769.695</b>	-
Chi nhánh Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên tại Bình Dương	-	-	189.779.240.957	-
Công ty TNHH TM & SX Thép Việt	6.556.448.208	-	-	-
Công ty CP Thép Đông Nam Á	-	-	47.699.998.500	-
Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất	89.320.000.000	-	-	-
Nhà máy luyện phôi thép - Chi nhánh Công ty CP Thép Pomina	242.156.095.720	-	-	-
Các đối tượng khác	27.323.018.349	(10.000.000)	29.989.530.238	-
<b>Nhà cung cấp nước ngoài (61,293.00 USD)</b>	<b>1.402.058.756</b>	-	<b>19.560.111.913</b>	-
Zhangjiagang City Sutai Imp&Exp Co., Ltd.	1.119.126.149	-	-	-
Các đối tượng khác	282.932.607	-	19.560.111.913	-
<b>Cộng</b>	<b>366.757.621.033</b>	<b>(10.000.000)</b>	<b>287.028.881.608</b>	-

## 5. Phải thu khác

31/12/2021

01/01/2021

	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>60.416.903.479</b>	-	<b>151.087.647.591</b>	-
Dự thu lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	8.880.883.927	-	9.711.622.758	-
Phải thu về khoản chiết khấu được hưởng	12.125.980.515	-	-	-
Thuế GTGT thuê tài chính chờ kết chuyển	2.594.602.323	-	-	-
Thuế GTGT để nghị hoàn (*)	28.792.148.421	-	117.255.980.948	-
Các khoản tạm ứng	399.900.000	-	754.319.500	-
Ký quỹ, ký cược	4.251.340.000	-	2.446.340.000	-
Phải thu khác	3.372.048.293	-	20.919.384.385	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>30.660.969.370</b>	-	<b>7.260.902.550</b>	-
Ký quỹ thuê tài chính (**)	24.531.769.370	-	2.906.902.550	-
Các khoản ký quỹ khác	6.129.200.000	-	4.354.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>91.077.872.849</b>	-	<b>158.348.550.141</b>	-

(\*) Giá trị để nghị hoàn thuế GTGT cho thời kỳ từ tháng 9/2015 đến tháng 9/2019 căn cứ vào giấy để nghị hoàn thuế số 01 ngày 19/02/2020 với số tiền 102.856.599.932 VND. Giá trị còn lại để nghị hoàn tại thời điểm 31/12/2021 là 28.792.148.421 VND.

(\*\*) Trong đó, khoản ký quỹ thuê tài chính có gốc ngoại tệ là 6,066.00 USD, tương đương 137.516.220 VND.

## 6. Nợ xấu: (Xem trang 140-141).

### 7. Hàng tồn kho

31/12/2021

01/01/2021

	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	22.925.506.872	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.297.155.007.838	(50.663.304.801)	622.159.923.697	-
Công cụ, dụng cụ	39.565.633.015	-	28.999.398.686	-
Thành phẩm	767.230.409.905	(44.452.439.792)	511.653.582.786	(1.072.576.115)
Hàng hoá	536.281.278.019	(23.554.222.421)	642.190.589.427	-
<b>Cộng</b>	<b>2.663.157.835.649</b>	<b>(118.669.967.014)</b>	<b>1.805.003.494.596</b>	<b>(1.072.576.115)</b>

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ vay phải trả tại thời điểm cuối năm: xem thuyết minh số "V.20 - Vay và nợ thuê tài chính".

- Lý do dẫn đến việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do giá trị thuần có thể thực hiện được của một số mặt hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc.

## 8. Tài sản cố định hữu hình: (Xem trang 142).

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
<b>9. Tài sản cố định thuê tài chính</b>			
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	186.752.546.932	5.120.851.819	191.873.398.751
Tăng trong năm	89.351.531.451	1.554.545.455	90.906.076.906
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>276.104.078.383</b>	<b>6.675.397.274</b>	<b>282.779.475.657</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	44.967.101.514	1.778.073.548	46.745.175.062
Khấu hao trong năm	23.017.508.810	896.657.121	23.914.165.931
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>67.984.610.324</b>	<b>2.674.730.669</b>	<b>70.659.340.993</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	141.785.445.418	3.342.778.271	145.128.223.689
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>208.119.468.059</b>	<b>4.000.666.605</b>	<b>212.120.134.664</b>
<b>10. Tài sản cố định vô hình</b>			
<b>Khoản mục</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm kế toán</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	134.276.829.767	9.696.579.341	143.973.409.108
Mua trong năm	-	808.080.000	808.080.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>134.276.829.767</b>	<b>10.504.659.341</b>	<b>144.781.489.108</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	5.138.059.009	5.138.059.009
Khấu hao trong năm	-	1.325.482.056	1.325.482.056
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>6.463.541.065</b>	<b>6.463.541.065</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	134.276.829.767	4.558.520.332	138.835.350.099
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>134.276.829.767</b>	<b>4.041.118.276</b>	<b>138.317.948.043</b>

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp nhằm đảm bảo các khoản vay: 134.276.829.767 VND.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.626.433.816 VND.

### 11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư Bất động sản đầu tư cho thuê (Cơ sở hạ tầng) (\*)

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm
Nguyên giá	9.080.842.650	-	-	9.080.842.650
Giá trị hao mòn lũy kế	1.150.240.069	363.233.706	-	1.513.473.775
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>7.930.602.581</b>			<b>7.567.368.875</b>

(\*) Mặt bằng kinh doanh thương mại tầng 2 - Dự án Linh Tây Tower, diện tích 616,2 m<sup>2</sup>. Hiện tại, bất động sản này đang được cho thuê.

Tập đoàn chưa thực hiện việc xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2021, nên vẫn ghi nhận bất động sản đầu tư theo giá trị ghi sổ tại bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất này.

	31/12/2021	01/01/2021
<b>12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Mua sắm tài sản cố định	88.375.014.747	365.207.495
Chi phí thuê đất trả trước và các khoản chi phí tư vấn, thiết kế dự án xây dựng nhà xưởng 5 ha	5.500.000.000	5.500.000.000
Công trình nhà máy, văn phòng Cơ khí Chính xác SMC Phú Mỹ	101.588.269.172	-
Quyền sử dụng đất có thời hạn tại KCN Tân Tạo đến 17/6/2047(*)	117.513.090.909	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	7.062.900.828	2.835.624.738
<b>Cộng</b>	<b>320.039.275.656</b>	<b>8.700.832.233</b>

(\*) Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo (công ty Con) đang thực hiện các thủ tục cần thiết để chuyển đổi tên chủ sở hữu quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất từ Công ty CP Quốc tế Vạn Thắng sang tên cho công ty này.

	31/12/2021	01/01/2021
<b>13. Chi phí trả trước</b>		
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>7.820.878.488</b>	<b>2.737.810.886</b>
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	139.870.618	104.351.506
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	4.850.248.086	1.133.778.826
Chi phí gia hạn phần mềm chờ kết chuyển	109.847.478	-
Chi phí chờ phân bổ khác	2.720.912.306	1.499.680.554
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>276.472.579.198</b>	<b>87.427.900.644</b>
Tiền thuê đất trả trước chờ phân bổ (*)	251.845.349.169	76.084.184.204
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	12.071.323.137	5.566.522.701
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	663.620.527	1.085.578.675
Chi phí chờ phân bổ khác	11.892.286.365	4.691.615.064
<b>Cộng</b>	<b>284.293.457.686</b>	<b>90.165.711.530</b>

	31/12/2021	01/01/2021
<b>(*) Bao gồm:</b>		
Chi phí thuê đất tại KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương	1.426.102.070	1.486.356.526
Chi phí thuê đất tại Lô 33 - đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo mở rộng, Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	41.037.865.512	42.452.964.323
Chi phí thuê đất tại đường số 2, KCN Hòa Cẩm, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng	25.035.291.666	25.805.608.333
Chi phí thuê đất tại KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1.325.382.977	1.325.382.977
Chi phí thuê đất tại KCN Phú Mỹ I (5 ha) tại huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	6.472.666.425	5.013.872.045
Chi phí thuê đất tại KCN Phú Mỹ II, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	176.548.040.519	-
<b>Cộng</b>	<b>251.845.349.169</b>	<b>76.084.184.204</b>

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2021	01/01/2021
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ như sau:		
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	11.092.513.612	13.151.846.455
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	2.156.000.000
Chi phí dự phòng hàng tồn kho	8.878.660.259	2.109.390.411
Chi phí khấu hao	2.384.781.052	2.338.340.432
Chi phí thuê nhà xưởng	220.217.101	249.771.888
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	161.630.463	23.667.305
<b>Cộng</b>	<b>22.737.802.487</b>	<b>20.029.016.491</b>

15. Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Nhà cung cấp trong nước</b>	<b>1.427.356.544.426</b>	<b>1.427.356.544.426</b>	<b>1.420.837.967.934</b>	<b>1.420.837.967.934</b>
Công ty TNHH Thép VINA KYOEI	677.985.097.683	677.985.097.683	640.573.177.581	640.573.177.581
Tổng Công ty IDICO-CTCP	90.915.555.900	90.915.555.900	-	-
Phải trả các bên liên quan (Xem thuyết minh X.3)	296.758.648.740	296.758.648.740	396.596.236.117	396.596.236.117
Các đối tượng khác	361.697.242.103	361.697.242.103	383.668.554.236	383.668.554.236
<b>Nhà cung cấp nước ngoài (30,248,646.09 USD)</b>	<b>695.463.157.243</b>	<b>695.463.157.243</b>	<b>605.138.864.300</b>	<b>605.138.864.300</b>
Cargill International Trading Pte., Ltd.	-	-	210.615.596.818	210.615.596.818
China Steel Global Trading Corporation	106.757.082.581	106.757.082.581	9.808.632.015	9.808.632.015
Tata Steel Limited	225.011.294.687	225.011.294.687	-	-
Chichester Metals Pty Ltd	121.255.831.292	121.255.831.292	-	-
Posco International Corporation	-	-	121.012.059.762	121.012.059.762
Các đối tượng khác	242.438.948.683	242.438.948.683	263.702.575.705	263.702.575.705
<b>Cộng</b>	<b>2.122.819.701.669</b>	<b>2.122.819.701.669</b>	<b>2.025.976.832.234</b>	<b>2.025.976.832.234</b>

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
<b>Khách hàng trong nước</b>	<b>37.134.938.330</b>	<b>159.886.846.195</b>
Công ty TNHH Thành Lợi	-	44.630.688.300
Công ty TNHH Xây dựng Đông Nam	19.671.030.335	-
Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thép Thăng Lợi	-	13.186.525.830
Công ty CP First Industries Việt Nam	-	1.464.153.075
Các bên liên quan (Xem thuyết minh X.3)	92.000.000	-
Các đối tượng khác	17.371.907.995	100.605.478.990
<b>Khách hàng nước ngoài</b>	<b>23.531.793.980</b>	<b>26.565.887.364</b>
Australian Steel Traders Pte., Ltd.	12.200.404.294	-
Mareso Pte., Ltd.	-	7.310.323.831
Isi Steel Co., Ltd.	-	9.329.175.000
Các khách hàng khác	11.331.389.686	9.926.388.533
<b>Cộng</b>	<b>60.666.732.310</b>	<b>186.452.733.559</b>

#### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
<b>a. Phải nộp thuế</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	158.461.806	158.461.806	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	430.554.677.884	430.554.677.884	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.072.476.718	201.297.932.881	146.965.193.635	84.405.215.964
Thuế TNDN (2019 - 2020)	-	10.882.697.486	10.882.697.486	-
Thuế thu nhập cá nhân	908.086.001	8.690.093.703	8.367.455.096	1.230.724.608
Thuế nhập khẩu	-	13.776.015.472	13.776.015.472	-
Các loại thuế khác	28.019.481	639.026.297	618.498.410	48.547.368
<b>Cộng</b>	<b>31.008.582.200</b>	<b>665.998.905.529</b>	<b>611.322.999.789</b>	<b>85.684.487.940</b>

<b>b. Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng để nghị hoàn	28.987.259	-	-	28.987.259
Thuế TNDN nộp thừa	-	-	1.474.138.948	1,474,138,948
Thuế TNCN nộp thừa	70.525.626	70.525.626	-	-
<b>Cộng</b>	<b>99.512.885</b>	<b>70.525.626</b>	<b>1.474.138.948</b>	<b>1.503.126.207</b>

18. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí lãi vay, thuê tài chính còn phải trả	5.429.229.832	4.902.749.068
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	8.100.553.205	-
Chi phí vận chuyển phải trả	-	6.300.000.000
Chi phí lương phải trả	102.841.327.211	58.730.439.105
Thù lao HĐQT phải trả	15.750.000.000	-
Chi phí còn phải trả khác	2.846.876.181	16.400.108.330
<b>Cộng</b>	<b>134.967.986.429</b>	<b>86.333.296.503</b>

19. Phải trả khác	31/12/2021	01/01/2021
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	228.397.000	247.590.000
Khoản phải trả về việc thanh toán cho L/C Upas	327.530.000.000	130.000.000.000
Các khoản phải trả khác	283.300.562	440.411.374
<b>Cộng</b>	<b>328.041.697.562</b>	<b>130.688.001.374</b>

20. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>3.143.664.595.341</b>	<b>3.143.664.595.341</b>	<b>2.609.053.119.861</b>	<b>2.609.053.119.861</b>
(1) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	402.599.557.346	402.599.557.346	383.404.949.928	383.404.949.928
(2) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.425.634.355.404	1.425.634.355.404	1.412.171.232.809	1.412.171.232.809
(3) Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	397.158.805.342	397.158.805.342	197.386.612.950	197.386.612.950
(4) Ngân hàng TNHH CTBC	157.775.317.834	157.775.317.834	115.009.602.769	115.009.602.769

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 20. Vay và nợ thuê tài chính

31/12/2021

01/01/2021

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
(5) Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	309.775.873.753	309.775.873.753	232.809.064.269	232.809.064.269
(6) Ngân hàng Sinopac	84.700.000.000	84.700.000.000	45.891.132.375	45.891.132.375
(7) Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. HCM	70.432.216.770	70.432.216.770	-	-
(8) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	178.151.612.909	178.151.612.909	89.752.014.494	89.752.014.494
(9) Ngân hàng TMCP Nam Thịnh Vượng Việt	43.366.064.568	43.366.064.568	92.623.805.461	92.623.805.461
(10) Vay cá nhân	18.620.000.000	18.620.000.000	1.290.000.000	1.290.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	55.450.791.415	55.450.791.415	38.714.704.806	38.714.704.806
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>95.464.325.325</b>	<b>95.464.325.325</b>	<b>7.631.285.760</b>	<b>7.631.285.760</b>
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	-	-	1.375.912.010	1.375.912.010
(11) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	7.631.285.760	7.631.285.760	13.731.285.760	13.731.285.760
(12) Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
(13) Ngân hàng TMCP Hàng Hải	99.416.740.000	99.416.740.000	-	-
- Nợ vay dài hạn đến hạn trả	(12.583.700.435)	(12.583.700.435)	(7.475.912.010)	(7.475.912.010)
<b>c. Nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>56.968.184.651</b>	<b>56.968.184.651</b>	<b>41.096.439.058</b>	<b>41.096.439.058</b>
Công ty TNHH MTV Quốc tế Chaillease Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại (15) thương Việt Nam Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt	28.499.546.748	28.499.546.748	21.552.935.720	21.552.935.720
(14) Quốc tế Chaillease Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại (15) thương Việt Nam Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt	44.407.484.086	44.407.484.086	50.782.296.134	50.782.296.134
(16) Nam	26.928.244.797	26.928.244.797	-	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	(42.867.090.980)	(42.867.090.980)	(31.238.792.796)	(31.238.792.796)
<b>d. Trái phiếu (theo mệnh giá)</b>	<b>308.998.232.321</b>	<b>308.998.232.321</b>	-	-
(17) Bên liên quan	113.450.000.000	113.450.000.000	-	-
(18) Đối tượng khác	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-
Chi phí phát hành trái phiếu	(4.451.767.679)	(4.451.767.679)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.605.095.337.638</b>	<b>3.605.095.337.638</b>	<b>2.657.780.844.679</b>	<b>2.657.780.844.679</b>

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

### a. Vay ngắn hạn

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 0014/2128/N-CTD ngày 03/3/2021. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là quyền góp vốn vào Công ty TNHH Thép SMC, Công ty TNHH SMC-Summit, Công ty TNHH SMC Toami, Công ty TNHH Liên doanh Ống thép Sendo; Quyền sử dụng đất và máy móc thiết bị của Công ty TNHH Thép SMC; các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2021 là 331.807.336.305 VND.

Hợp đồng cho vay hạn mức số 1209/TBN-KDN/20NH ngày 08/10/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay này ký ngày 08/10/2021; Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; thời hạn vay: tối đa không quá 04 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2021 là 5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hóa luân chuyển hình thành từ vốn vay và các khoản phải thu. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2021 là 70.792.221.041 VND.

### (2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 21.2030025/2021-HĐCVHM/NHCT900- ĐTTMSMC ngày 14/5/2021 và thông báo số 1937/TB- CNTPHCM-DNSL ngày 14/5/2021. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay; khoản phải thu và hàng tồn kho luân chuyển; Quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Quyền tài sản đối với phần vốn góp vào Công ty TNHH MTV Thương mại SMC. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2021 là 761.041.436.317 VND.

Hợp đồng tín dụng số 19.3230110/2019-HĐCVHM/NHCT900- THEP SMC ngày 16/10/2019 và phụ lục sửa đổi, bổ sung, hợp đồng tín dụng số 21.3810041/2021-HĐCVHM/NHCT900-THEPSMC ngày 24/5/2021; mục đích vay để bổ sung vốn hoạt động sản xuất kinh doanh; Tài sản đảm bảo: hàng tồn kho luân chuyển, quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ, quyền được phân chia, quyền yêu cầu hoàn trả ứng trước theo hợp đồng thế chấp số 15.26500099/HĐTCHTK&KPTLC ngày 05/10/2015; lãi suất: 4,7% - 4,8%/năm. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2021 là 296.936.191.707 VND.

Hợp đồng tín dụng số 21.3810004/2021- HĐCVHM/NHCT900-CKSMC ngày 19/01/2021 và Văn bản sửa đổi bổ sung ngày 22/10/2021; thời hạn vay tối đa 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản phải thu và hàng tồn kho luân chuyển, nhà xưởng, máy móc thiết bị, trái phiếu, các khoản tiền gửi có kỳ hạn và bảo lãnh của bên thứ ba. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2021 là 201.471.610.700 VND.

Hợp đồng vay số 21.0540076/2021-HĐCVHM/NHCT900-SMCDANANG ngày 27/10/2021; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay: 04 tháng; lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà xưởng, công trình trên đất, máy móc thiết bị tại đường số 2, KCN Hòa Cẩm, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng, cam kết trả nợ của Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC và các khoản phải thu. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2021 là 63.465.116.680 VND

Hợp đồng vay hạn mức số 21.2030074/2021-HĐCVHM/NHCT900-SMCTANTAO ngày 27/10/2021; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; thời hạn vay: tối đa không qua 04 tháng; lãi suất vay

tại ngày 31/12/2021 là 4,7 - 4,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc thiết bị, hàng hóa luân chuyển hình thành từ vốn vay và các khoản phải thu; các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cam kết trả nợ thay của Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2021 là 102.720.000.000 VND.

**(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng:**

Hợp đồng cấp tín dụng số 2605/2021/HĐTD-SMC ngày 26/5/2021. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2021 là 102.580.124.637 VND.

Hợp đồng cấp tín dụng số 1606/2021/HĐTD-CKSMC ngày 16/6/2021; thời hạn vay tối đa 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2021 là 294.578.680.705 VND.

**(4) Khoản vay Ngân hàng TNHH CTBC theo các hợp đồng tín dụng:**

Thư tín dụng số STVN1893-20 ngày 06/01/2021; Thời hạn vay tối đa 04 tháng; Lãi suất: 5,5%/năm. Tài sản đảm bảo: Bảo lãnh bởi Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC cho toàn bộ nghĩa vụ phát sinh của Công ty TNHH Thép SMC. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2021 là 49.505.607.834 VND.

Thỏa thuận sửa đổi thư tín dụng số STVN1460-18 ngày 03/01/2021; thời hạn vay tối đa 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2021 là 108.269.710.000 VND.

**(5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng:**

Hợp đồng tín dụng hạn mức số LAV210059545/1401 ngày 27/07/2021. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi do Eximbank phát hành và hàng hóa hình thành từ vốn vay do ngân hàng tài trợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2021 là 209.900.046.451 VND.

Hợp đồng tín dụng số LAV210022196/1401 ngày 25/3/2021. Tài sản đảm bảo: Tín chấp. Lãi suất: 4,8%/năm. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2021 là 45.150.210.362 VND.

Hợp đồng tín dụng số LAV210066716/1401 ngày 23/9/2021; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất vay: theo từng kế ước nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản tiền gửi tiết kiệm có thời hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng bảo đảm số 223/EIB-SG/HTTD/HĐTC/2021. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2021 là 54.725.616.940 VND.

**(6) Khoản vay Ngân hàng SINOPAC - CN TP. HCM** theo hợp đồng tín dụng số 181002-SDBS1 ngày 21/5/2019 và bản sửa đổi hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 181002-SDBS3 ngày 09/9/2021. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi do Sinopac phát hành. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2021 là 84.700.000.000 VND.

**(7) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát Triển Tp. HCM - Chi nhánh Hiệp Phú** theo hợp đồng cấp tín dụng số 44369/20MN/HĐTD ngày 15/01/2021; thời hạn vay tối đa 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2021 là 70.432.216.770 VND.

**(8) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất** theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2020/94681/HĐTD ngày 30/12/2020. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hóa hình thành từ vốn vay do ngân hàng tài trợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2021 là 178.151.612.909 VND.

**(9) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank) - Chi nhánh TP. HCM** theo hợp đồng tín dụng số 62/2021/HDHM/CIB ngày 22/02/2021. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền đòi nợ và Hàng tồn kho luân chuyển. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2021: 43.366.064.568 VND.

**(10) Khoản vay Cá nhân** theo các hợp đồng vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động theo hình thức tín chấp; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất vay là 6%/năm. Tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 25 của tháng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2021 là 18.620.000.000 VND.

**b. Vay dài hạn**

**(11) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM** theo các hợp đồng tín dụng số 17.2380012/2017-HĐTDDA/NHCT900-THEPSMC ngày 13/02/2017 và sửa đổi bổ sung SDDBS/NHCT900-THEPSMC. Thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để tài trợ cho dự án đầu tư xây dựng phân xưởng chế biến Tây-Ép-Mạ tại KCN Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Tài sản đảm bảo bao gồm: nhà máy phân xưởng chế biến Tây-Ép- Mạ thép, máy móc thiết bị của nhà máy phân xưởng chế biến Tây-Ép-Mạ thép, công trình phụ trợ phân xưởng chế biến Tây- Ép-Mạ thép, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê nhà xưởng giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC ngày 01/10/2016, quyền sử dụng đất thuê tại KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2021 là 8,6%/năm. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2021 là 7.631.285.760 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 6.100.000.000 VND.

**(12) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hội Sở** theo hợp đồng cho vay hạn mức số 5791907.21 ngày 23/11/2021; Mục đích: thanh toán tiền đặt cọc mua tài sản; thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2021 là 8,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2021 là 1 tỷ VND.

**(13) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM** theo hợp đồng cấp tín dụng số 2506/2021/HĐTD/HĐCV-SMCPHUMY ngày 25/6/2021; thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2021 là 8,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng thuê lại đất tại KCN Phú Mỹ II và toàn bộ công trình trên đất thuê. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2021 là 99.416.740.000 VND, trong đó nợ vay dài hạn đến hạn trả là 6.483.700.435 VND.

**c. Nợ thuê tài chính dài hạn**

**(14) Nợ thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease bao gồm:**

Hợp đồng thuê tài chính số B180903401 ngày 06/9/2018. Tài sản thuê là 1 ô tô tải hiệu HINO 2 ô tô tải (có cần cẩu). Lãi suất thuê 6,32%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2021 là 1.375.482.636 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 970.928.928 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số C200339102 ngày 17/7/2020. Tài sản thuê là dây chuyền xả băng thép cuộn. Lãi suất thuê là 7,29%/năm. Thời hạn thuê: 60 tháng. Số dư nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2021 là 5.884.182.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 1.446.930.000 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số C210139202 ngày 29/01/2021. Tài sản thuê là Máy quang phổ phân tích thành phần kim loại. Lãi suất thuê là 7,94%/năm. Thời hạn thuê: 60 tháng. Số dư nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2021 là 853.060.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 204.734.400 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số B210445801 ngày 28/4/2021. Tài sản thuê là Xe ô tô tải hiệu Hino. Lãi suất thuê là 7,94%/năm. Thời hạn thuê: 60 tháng. Số dư nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2021 là 1.487.700.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 307.800.000 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số C190201102 và phụ lục 01 ngày 19/02/2019, tài sản thuê là Dây chuyền sản xuất ống thép hàn. Lãi suất thuê là 8,05%/năm. Thời hạn thuê: 43 tháng. Giá trị mua lại tài sản thuê sau khi đáo hạn là 143.414.040 VND/toàn bộ sản phẩm. Số dư nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2021 là 1.467.492.512 VND, cũng là nợ dài hạn đến hạn trả.

Hợp đồng thuê tài chính số C200210302 ngày 14/02/2020 và phụ lục 01 ngày 14/02/2020, tài sản thuê là Dây chuyền sản xuất ống thép hàn. Lãi suất thuê là 8,61%/năm. Thời hạn thuê: 36 tháng. Giá trị mua lại tài sản thuê sau khi đáo hạn là 321.662.880 VND/toàn bộ sản phẩm. Số dư nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2021 là 5.003.644.800 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 4.610.501.280 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số C211026802 ngày 03/11/2021 và phụ lục 01 ngày 03/11/2021, tài sản thuê là Dây chuyền sản xuất ống thép hàn. Lãi suất thuê là 7,94%/năm. Thời hạn thuê: 60 tháng. Giá trị mua lại tài sản thuê sau khi đáo hạn là 285.700.800 VND/toàn bộ sản phẩm. Số dư nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2021 là 12.427.984.800 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 2.571.307.200 VND.

**(15) Nợ thuê tài chính với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam bao gồm:**

Hợp đồng thuê tài chính số 82.18.03/CTTC ngày 24/4/2018. Tài sản thuê là dây chuyền xả băng SL-1300-032. Lãi suất thuê là 2,51%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2021 là: 197,021.00 USD, tương đương 4.536.408.525 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 107,472.00 USD tương đương 2.474.542.800 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số 73.17.06/CTTC ngày 10/5/2017 và phụ lục hợp đồng 73.17.06/UTNK ký ngày 17/4/2018. Tài sản thuê là dây chuyền máy cán nguội với thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất tại thời điểm thuê 3,45%/năm và thay đổi theo thông báo của Công ty Cho thuê Tài chính, giá mua lại 22.000.000 VND. Lãi suất tại 31/12/2021: 2,36%/năm; Tài sản đảm bảo: Được bảo lãnh bởi Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC. Số dư tại ngày 31/12/2021 là 409,896.00 USD tương đương 9.394.816.320 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 375,384.00 USD tương đương 8.672.561.280 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số 82.18.01/CTTC ngày 05/02/2018. Tài sản thuê là dây chuyền mạ kẽm với thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất tại thời điểm thuê 4%/năm và thay đổi theo thông báo của Công ty Cho thuê Tài chính, giá mua lại 15.000.000 VND. Lãi suất tại 31/12/2021: 2,35%/năm; Tài sản đảm bảo: Được bảo lãnh của Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC. Số dư tại ngày 31/12/2021 là 394,556.00 USD tương đương 9.043.223.520 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 249,216.00 USD tương đương 5.712.030.720 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số 73.17.09/CTTC ngày 24/7/2017 và phụ lục 01 ngày 25/8/2017, tài sản thuê là hệ thống 02 máy sản xuất ống thép cao tần. Lãi suất thuê là 5,37%/năm. Thời hạn thuê: 60 tháng. Giá trị mua lại tài sản thuê sau khi đáo hạn là 15.000.000 VND/toàn bộ sản phẩm. Số dư nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2021 là 234.671,88 USD tương đương 5.364.599.177 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 216,620.42 USD tương đương 4.951.942.344 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số 82.20.13/CTTC ngày 09/12/2020, tài sản thuê là dây chuyền tẩy gỉ 850mm với thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất tại thời điểm thuê 4%/năm và thay đổi theo thông báo của Công ty Cho thuê Tài Chính, giá mua lại 15.557.400 VND. Tài sản đảm bảo: Được bảo lãnh bởi Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC. Số dư tại ngày 31/12/2021 là 9.317.597.588 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 2.070.577.236 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số 82.21.03/CTTC ngày 10/3/2021, tài sản thuê là hệ thống xử lý axit với thời hạn thuê 48 tháng, lãi suất tại thời điểm thuê 4%/năm và thay đổi theo thông báo của Công ty Cho thuê Tài Chính, giá mua lại 11.500.000 VND. Tài sản đảm bảo: Được bảo lãnh bởi Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC. Số dư tại ngày 31/12/2021 là 6.750.838.956 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 1.928.811.132 VND.

**(16) Hợp đồng thuê tài chính số 2021-00035-000 ngày 17/5/2021 từ Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam.** Tài sản thuê là Dây chuyền cắt. Lãi suất thuê: 6,01%/năm. Thời hạn thuê: 60 tháng. Khoản nợ thuê tài chính này được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC. Số dư nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2021 là 26.928.244.797 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 5.476.931.148 VND.

**d. Trái phiếu (theo mệnh giá)**

**(17)** Vào ngày 08/10/2021, Công ty đã phát hành 113.450 trái phiếu thường theo mệnh giá (1.000.000 VND/trái phiếu) với tổng giá trị là 113.450.000.000 VND cho Bên liên quan (xem thuyết minh X.3) theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 578/2021/HĐMTP/SMCH2126002. Thời hạn: 05 năm. Lãi suất trái phiếu tại ngày 31/12/2021: 5,04%/năm. Mục đích: bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Kỳ tính lãi là 01 năm liên tục kể từ ngày phát hành. Tài sản đảm bảo: toàn bộ phần vốn góp (35% vốn điều lệ) của Công ty tại Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội.

**(18)** Vào ngày 02/8/2021, Công ty đã phát hành 200 trái phiếu thường theo mệnh giá (1 tỷ VND/trái phiếu) với tổng giá trị là 200.000.000.000 VND cho Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam và Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam theo các hợp đồng đặt mua trái phiếu số 541/SMC\_SSV và 542/SMC\_SHBVN ngày 26/7/2021. Thời hạn: 03 năm. Lãi suất trái phiếu cố định: 8,2%/năm. Mục đích: bổ sung vốn lưu động. Kỳ tính lãi là 06 tháng/lần kể từ ngày phát hành. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này gồm 9,1 triệu cổ phiếu của Công ty CP Thép Nam Kim và cổ phiếu của Công ty thuộc sở hữu của bên thứ ba (cổ đông Công ty) với số lượng đủ đáp ứng giá trị trái phiếu trên giá trị đảm bảo tối thiểu 60%.

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

21. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2021	01/01/2021
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>237.562.705.225</b>	<b>10.213.769.856</b>
Doanh thu nhận trước từ việc bán hàng hóa		
- Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận	133.244.577.080	-
- Công ty TNHH SMC - SUMMIT (Bên liên quan)	19.361.500.000	-
- Các khách hàng khác	84.956.628.145	10.213.769.856
<b>b. Dài hạn</b>	<b>525.801.504</b>	<b>630.961.806</b>
Doanh thu nhận trước từ việc bán hàng hóa	525.801.504	630.961.806
<b>Cộng</b>	<b>238.088.506.729</b>	<b>10.844.731.662</b>

## 22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: (Xem trang 143).

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2021	01/01/2021
Hanwa Co., Ltd.	19,70%	120.137.300.000	120.137.300.000
Nguyễn Thị Ngọc Loan	14,33%	87.418.290.000	87.418.290.000
Nguyễn Cẩm Vân	13,91%	84.848.510.000	84.848.510.000
Nguyễn Hữu Kinh Luân	5,22%	31.837.670.000	33.070.670.000
Các cổ đông khác	46,84%	285.705.140.000	284.472.140.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>609.946.910.000</b>	<b>609.946.910.000</b>

c. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	31/12/2021	01/01/2021
Các thành viên góp vốn thuộc Công ty TNHH Liên doanh Ống Thép SENDO	90.286.585.895	63.236.170.573
<b>Cộng</b>	<b>90.286.585.895</b>	<b>63.236.170.573</b>

d. Cổ phiếu	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.994.691	60.994.691
Cổ phiếu phổ thông	60.994.691	60.994.691
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(71.750)	(71.750)
Cổ phiếu phổ thông	(71.750)	(71.750)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.922.941	60.922.941
Cổ phiếu phổ thông	60.922.941	60.922.941
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

## 23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại	31/12/2021		01/01/2021	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Ngoại tệ - USD	3.389.057,02	76.745.828.433	3.172.574,14	73.075.356.385
<b>Cộng</b>	<b>3.389.057,02</b>	<b>76.745.828.433</b>	<b>3.172.574,14</b>	<b>73.075.356.385</b>
			31/12/2021	01/01/2021
b. Các khoản nợ khó đòi đã xử lý			98.067.743.797	95.444.172.738
<b>Cộng</b>			<b>98.067.743.797</b>	<b>95.444.172.738</b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng hoá và thành phẩm	20.809.442.806.952	15.618.878.206.549
Doanh thu cung cấp dịch vụ	491.410.670.265	66.538.559.059
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	1.463.229.364	603.834.932
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	-	46.766.545.455
Doanh thu khác	16.219.113.555	10.730.645.340
<b>Cộng doanh thu</b>	<b>21.318.535.820.136</b>	<b>15.743.517.791.335</b>

Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2021	Năm 2020
Hàng bán bị trả lại	(3.506.306.459)	(1.717.478.929)
Chiết khấu thương mại	-	(1.230.644.252)
Giảm giá hàng bán	(14.036.416)	(5.612.106.741)
<b>Cộng doanh thu thuần (*)</b>	<b>21.315.015.477.261</b>	<b>15.734.957.561.413</b>
(*) Trong đó, bao gồm:		
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan (Xem thuyết minh X.3)	418.158.761.046	509.861.941.927

2. Giá vốn hàng bán	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã bán	19.716.701.141.958	14.884.745.053.370
Giá vốn cho thuê bất động sản	363.233.706	363.233.706
Giá vốn bán bất động sản	-	47.429.946.818
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	117.597.390.899	(16.555.633.415)
<b>Cộng</b>	<b>19.834.661.766.563</b>	<b>14.915.982.600.479</b>

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi, lãi ký quỹ, trái phiếu và lãi cho vay	43.748.431.691	34.223.355.180
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	4.586.994.583
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	56.827.711.972	23.620.333.147
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	1.060.126.961
Chiết khấu thanh toán được hưởng	5.180.434.311	3.500.259.491
Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán	2.874.279.920	621.695.854
Doanh thu tài chính khác	1.245.129.282	56.545.254
<b>Cộng</b>	<b>108.970.540.602</b>	<b>67.669.310.470</b>

4. Chi phí tài chính	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính, lãi trái phiếu	163.950.546.897	135.205.717.586
Chi phí dự phòng (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(17.188.055.247)	(42.370.400.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	4.387.037.069	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.550.906.125	11.645.261.469
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	188.350.000	-
Chi phí phát hành trái phiếu	666.414.139	-
Chi phí tài chính khác	28.251.366.083	12.425.698.861
<b>Cộng</b>	<b>182.806.565.066</b>	<b>116.906.277.916</b>



# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2021	Năm 2020
<b>5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	46.915.718.241	26.827.844.362
Chi phí đồ dùng văn phòng	478.491.737	669.874.483
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.918.988.948	5.560.000.549
Chi phí dịch vụ mua ngoài	158.230.786.991	157.990.301.614
- Chi phí vận chuyển	126.698.184.483	128.782.426.059
- Chi phí khác	31.532.602.508	29.207.875.555
Chi phí bằng tiền khác	8.522.090.077	6.388.198.511
<b>Cộng</b>	<b>219.066.075.994</b>	<b>197.436.219.519</b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	59.038.649.754	93.925.794.268
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	2.492.918.870	2.209.888.606
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.896.627.197	9.758.972.426
Thuế, phí, lệ phí	22.660.000	22.060.000
Dự phòng (hoàn nhập) phải thu khó đòi	(14.104.401.563)	43.365.220.305
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.801.553.478	38.214.108.659
Chi phí bằng tiền khác	27.051.555.886	23.761.357.857
<b>Cộng</b>	<b>127.199.563.622</b>	<b>211.257.402.121</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
Thu nhập từ nhượng bán tài sản cố định	-	813.044.715
Thu nhập do hoàn thuế	890.383.072	-
Thu nhập từ nhận bồi thường, thu chậm thanh toán, thu lãi quá hạn	4.933.445.383	10.148.126.548
Thu nhập từ việc cho thuê tài sản thuê tài chính	3.237.758.333	5.408.344.971
Thu nhập khác	2.602.496.636	4.509.622.507
<b>Cộng</b>	<b>11.664.083.424</b>	<b>20.879.138.741</b>
<b>7. Chi phí khác</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
Chi phí phạt liên quan đến thuế	2.556.336.199	5.695.105.177
Chi phí khấu hao tài sản thuê tài chính cho thuê	1.884.933.331	3.833.957.834
Chi phí dự phòng thuế TNDN phải nộp bổ sung của năm 2019 và năm 2020 do thanh tra, quyết toán	-	11.200.000.000
Lỗi thanh lý TSCĐ	4.949.496	-
Chi phí phạt chậm thanh toán	930.910.160	-
Chi phí khác	3.356.319.472	2.059.719.384
<b>Cộng</b>	<b>8.733.448.658</b>	<b>22.788.782.395</b>

	Năm 2021	Năm 2020
<b>8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.792.717.459.581	2.601.531.858.973
Chi phí nhân công	241.370.685.661	211.510.723.468
Chi phí khấu hao tài sản cố định	98.101.348.239	96.327.679.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	432.934.875.440	429.244.757.041
Chi phí khác bằng tiền	10.571.034.665	55.530.501.611
<b>Cộng</b>	<b>3.575.695.403.586</b>	<b>3.394.145.520.320</b>

	Năm 2021	Năm 2020
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành hiện hành phát sinh tại các công ty:		
Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC	43.393.037.192	4.129.091.080
Công ty TNHH Thép SMC	56.942.979.558	10.274.039.441
Công ty TNHH MTV Thương mại SMC	-	455.677.807
Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	34.032.376.517	21.125.239.107
Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng	10.520.016.783	1.690.831.542
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	44.452.976.906	13.637.557.699
Công ty TNHH Liên doanh Ống thép Sendo	11.956.545.925	3.643.273.321
<b>Cộng</b>	<b>201.297.932.881</b>	<b>54.955.709.997</b>

	Năm 2021	Năm 2020
<b>10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>901.050.511.024</b>	<b>316.100.689.994</b>
<b>Trong đó:</b>		
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	27.050.415.322	10.026.345.870
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	874.000.095.702	306.074.344.124
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	-	(4.591.115.162)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(4.591.115.162)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông công ty mẹ (*)</b>	<b>874.000.095.702</b>	<b>301.483.228.962</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	60.922.941	60.972.898
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>14.346</b>	<b>4.945</b>

(\*): Khoản lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chưa được tính trừ phần trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định hiện hành. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu của năm 2021 sẽ được điều chỉnh và trình bày lại sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua phương án phân phối lợi nhuận.

	Năm 2021	Năm 2020
<b>11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	874.000.095.702	301.483.228.962
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm</b>	<b>874.000.095.702</b>	<b>301.483.228.962</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	60.922.941	60.972.898
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm</b>	<b>60.922.941</b>	<b>60.972.898</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>14.34</b>	<b>4.945</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

#### 1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản Tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng, các khoản vay và nợ phải trả khác.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tập đoàn nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền, các khoản cho vay và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Tập đoàn đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VND)
<b>Năm 2021</b>		
VND	+100	(23.045.940.352)
VND	-100	23.045.940.352
USD	+100	528.728.856
USD	-100	(528.728.856)
<b>Năm 2020</b>		
VND	+200	(13.470.972.377)
VND	-200	13.470.972.377
USD	+200	(4.210.320.080)
USD	-200	4.210.320.080

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

#### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tập đoàn lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền mặt và các khoản tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của ngoại tệ được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Tập đoàn là không đáng kể.

	Thay đổi tỷ giá USD	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VND)
<b>Năm 2021</b>	+ 1%	(3.890.632.047)
	- 1%	3.890.632.047
<b>Năm 2020</b>	+2%	(7.059.805.105)
	-2%	7.059.805.105

#### Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên sàn Upcom của Công ty là 125.492.455.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 127.708.400.000 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 12.549.245.500 VND. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng 10% lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 12.549.245.500 VND.

### 2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

#### Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

Quá hạn bị suy giảm

Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
>181 ngày	80.980.241.306
<b>Tổng cộng giá trị ghi sổ</b>	<b>80.980.241.306</b>
Dự phòng giảm giá trị	(62.968.170.507)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>18.012.070.799</b>
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
>181 ngày	125.451.176.316
<b>Tổng cộng giá trị ghi sổ</b>	<b>125.451.176.316</b>
Dự phòng giảm giá trị	(77.332.830.298)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>48.118.346.018</b>

### 3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Các khoản vay và nợ	3.143.664.595.341	461.430.742.297	-	3.605.095.337.638
Phải trả người bán	2.122.819.701.669	-	-	2.122.819.701.669
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	462.781.286.991	-	-	462.781.286.991
<b>Cộng</b>	<b>5.729.265.584.001</b>	<b>461.430.742.297</b>	<b>-</b>	<b>6.190.696.326.298</b>
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Các khoản vay và nợ	2.609.053.119.861	48.727.724.818	-	2.657.780.844.679
Phải trả người bán	2.025.976.832.234	-	-	2.025.976.832.234
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	216.773.707.877	-	-	216.773.707.877
<b>Cộng</b>	<b>4.851.803.659.972</b>	<b>48.727.724.818</b>	<b>-</b>	<b>4.900.531.384.790</b>

Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

#### Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã sử dụng tài sản cố định, quyền sử dụng đất, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, phải thu khách hàng, hàng tồn kho và quyền góp vốn làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số 20 - Vay và nợ thuê tài chính).

Công ty đã sử dụng tài sản của bên thứ ba làm tài sản thế chấp vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH: (Xem trang 55).

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường UpCom được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoài các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

### IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2021	Năm 2020
<b>1. Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	13.642.439.473.838	9.725.858.779.866
<b>2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	12.714.132.399.305	9.215.322.040.562

### X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Theo đánh giá của Tập đoàn, đến thời điểm lập báo cáo này, không có bất kỳ khoản nợ tiềm tàng và cam kết nào có ảnh hưởng trọng yếu mà cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### 2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tập đoàn không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3. Giao dịch với các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

Công ty TNHH Hanwa Việt Nam  
 Công ty TNHH SMC - Summit  
 Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội  
 Công ty TNHH SMC - Toami  
 Hanwa Co., Ltd.  
 Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan  
 Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi  
 Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân  
 Ông Vũ Anh Nguyên  
 Ông Kishimoto Hideki  
 Ông Đặng Huy Hiệp  
 Ông Trương Văn Minh  
 Bà Nguyễn Thị Kim Hồng Châu  
 Ông Nguyễn Văn Tiến  
 Ông Nguyễn Bình Trọng  
 Ông Nguyễn Văn Lâm

#### Mối quan hệ

#### a. Các bên liên quan

Công ty con của nhà đầu tư  
 Công ty liên kết  
 Công ty liên kết  
 Công ty liên kết  
 Nhà đầu tư  
 Chủ tịch HĐQT  
 Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc  
 Thành viên HĐQT  
 Thành viên HĐQT  
 Thành viên HĐQT  
 Tổng Giám đốc  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Kế toán trưởng

#### b. Trong năm, Tập đoàn có phát sinh các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
<b>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty TNHH SMC - Summit	384.683.023.380	399.112.928.166
Công ty TNHH SMC - Toami	352.108.000	1.739.666.230
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	3.647.644.000	10.158.231.486
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	-	46.766.545.455
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	29.475.985.666	50.647.143.966
Hanwa Co., Ltd.	-	1.437.426.624
<b>Cộng</b>	<b>418.158.761.046</b>	<b>509.861.941.927</b>
<b>Thu nhập khác</b>		
Công ty TNHH SMC - Summit	307.893.940	248.333.000
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	3.246.800.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.554.693.940</b>	<b>248.333.000</b>
<b>Doanh thu tài chính</b>		
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	1.010.633.027	1.333.226.903
<b>Mua hàng hóa và nhận cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty TNHH SMC - Summit	(312.278.306.540)	(51.966.647.120)
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	(4.033.410.000)	-
Công ty TNHH SMC - Toami	(1.261.351.614)	(3.202.978.214)
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	(693.216.821.949)	(871.745.225.140)
Hanwa Co., Ltd.	-	(170.155.564)
<b>Cộng</b>	<b>(1.010.789.890.103)</b>	<b>(927.085.006.038)</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

c. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có số dư với các bên liên quan như sau:

Phải thu khách hàng ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH SMC - Summit	1.089.405.515	10.570.123.466
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	290.051.666	307.291.112
Công ty TNHH SMC - Toami	-	40.770.400
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam (*)	1.227.581.621	555.475.836
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	51.428.079.058	51.428.079.058
<b>Cộng</b>	<b>54.035.117.860</b>	<b>62.901.739.872</b>

(\*) Giá trị khoản phải thu từ Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 15 tháng 5 năm 2020. Theo thỏa thuận giữa các bên, Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan cam kết sẽ thanh toán công nợ này ngay sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên tại thời điểm được các bên xác định là phù hợp theo nguyên tắc cao nhất và tốt nhất về lợi ích kinh tế (lợi nhuận thuần) thu được từ giao dịch này cho Công ty.

Phải thu khác ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	239.495.213	501.800.260

Phải thu khách hàng dài hạn	31/12/2021	01/01/2021
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	3.609.704.278	3.609.704.278

Phải trả người bán	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH SMC - Summit	(16.762.000.000)	(57.163.311.835)
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	(1.999.231.500)	-
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	(277.997.417.240)	(339.432.924.282)
<b>Cộng</b>	<b>(296.758.648.740)</b>	<b>(396.596.236.117)</b>

Người mua trả tiền trước	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH SMC - Toami	92.000.000	-

Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH SMC - Summit	19.361.500.000	-

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	31/12/2021	01/01/2021
Hanwa Co., Ltd.	113.450.000.000	-

+ Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban điều hành	Năm 2021	Năm 2020
Hội đồng quản trị	3.790.000.000	1.040.000.000
Ban Tổng Giám đốc	5.785.988.522	4.667.100.000
<b>Cộng</b>	<b>9.575.988.522</b>	<b>5.707.100.000</b>

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: (Xem trang 145-146).

### 5. Thông tin so sánh

Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày lại liên quan đến việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi sau kỳ lập báo cáo tài chính cho phù hợp với hướng dẫn của Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho năm hiện hành.

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2020	Chênh lệch
<b>Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>		<b>Số đã trình bày</b>	<b>Số trình bày lại</b>	
Khoản mục "Lãi cơ bản trên cổ phiếu"	Mã số 71	5.020	4.945	(75)
Khoản mục "Lãi suy giảm trên cổ phiếu"	Mã số 71	5.020	4.945	(75)

6. Thông tin về hoạt động liên tục: Tập đoàn vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thanh Hào

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Lâm

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Huy Hiệp

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### V.2. Các khoản đầu tư tài chính

#### 2.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>703.805.703.430</b>	<b>703.805.703.430</b>	<b>557.363.131.616</b>	<b>557.363.131.616</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng (*)	703.805.703.430	703.805.703.430	557.363.131.616	557.363.131.616
<b>b. Dài hạn</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>33.000.000.000</b>
- Trái phiếu nắm giữ có kỳ hạn từ 05 - 10 năm (lãi suất: 6,3% - 7,5%)	25.000.000.000	25.000.000.000	33.000.000.000	33.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>728.805.703.430</b>	<b>728.805.703.430</b>	<b>590.363.131.616</b>	<b>590.363.131.616</b>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 6 tháng, với lãi suất từ 3% đến 5,6%/năm, dùng để cầm cố/thế chấp nhằm đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng; thuyết minh V.20.

#### 2.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Phần sở hữu (lãi (lỗ)) trong công ty liên kết	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Phần sở hữu (lãi (lỗ)) trong công ty liên kết	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết	103.015.255.066	36.435.164.673	139.450.419.739	103.015.255.066	13.081.875.082	116.097.130.148
Công ty TNHH SMC - Summit (**)	41.640.000.000	17.459.367.165	59.099.367.165	41.640.000.000	22.035.931.422	63.675.931.422
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel	45.440.755.066	34.910.297.508	80.351.052.574	45.440.755.066	6.617.914.673	52.058.669.739
Service Hà Nội						
Công ty TNHH SMC - Toami (**)	15.934.500.000	(15.934.500.000)	-	15.934.500.000	(15.571.971.013)	362.528.987

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác	165.473.070.097	(1.618.115.097)	163.854.955.000	146.514.570.344	(18.806.170.344)	127.708.400.000
<i>Chứng khoán đã niêm yết</i>						
Công ty CP Thép Pomina (POM)	23.578.570.097	(1.618.115.097)	21.960.455.000	32.882.570.344	(6.092.170.344)	26.790.400.000
Công ty CP Thép Nam Kim (NKG)	89.532.000.000	-	89.532.000.000	89.532.000.000	-	89.532.000.000
<i>Chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM</i>						
Tổng Công ty Thép Việt Nam (TVN)	-	-	-	10.100.000.000	(1.934.000.000)	8.166.000.000
Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất (TNS)	14.000.000.000	-	14.000.000.000	14.000.000.000	(10.780.000.000)	3.220.000.000
<i>Các công ty khác</i>						
Công ty TNHH VSSC Steel Center (***)	38.362.500.000	-	38.362.500.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>268.488.325.163</b>	<b>34.817.049.576</b>	<b>303.305.374.739</b>	<b>249.529.825.410</b>	<b>(5.724.295.262)</b>	<b>243.805.530.148</b>

(\*\*) Quyền góp vốn vào các công ty này đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn: Xem thuyết minh V.20.

(\*\*\*) Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502447502 ngày 22/02/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ của Công ty TNHH VSSC Steel Center là 255.750.000.000 VND. Tính đến ngày 31/12/2021, Công ty đã góp 38.362.500.000 VND, chiếm 15% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của các khoản đầu tư dài hạn vào các đơn vị có lợi ích công chúng đang giao dịch trên thị trường chứng khoán được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày khóa sổ theo giá trị trường có giá trị tham chiếu đáng tin cậy. Đối với giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty chưa đại chúng, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác định trình bày giá trị hợp lý bằng giá trị ghi sổ dựa theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V.6. Nợ xấu**

31/12/2021

01/01/2021

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Tổng giá trị các khoản phải thu, trả trước người bán quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	80.980.241.306	18.012.070.799		125.451.176.316	48.118.346.018	
Công ty TNHH MTV VLXD CII E&C	4.567.073.055	-	Khoản phải thu dự phòng (100%)	4.567.073.055	-	Khoản phải thu dự phòng (100%)
Công ty CP BETON 6	11.603.913.165	-	Khoản phải thu dự phòng (100%)	11.603.913.165	-	Khoản phải thu dự phòng (100%)
Công ty TNHH Thép Bảo Tiến	584.556.569	-	Khoản phải thu dự phòng (100%)	704.556.569	-	Khoản phải thu dự phòng (100%)
Các đối tượng khác	892.437.772	-	Các khoản phải thu dự phòng (100%)	1.939.595.318	-	Các khoản phải thu dự phòng (100%)
Công ty CP Hữu Liên Á Châu	16.731.432.764	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm khó có khả năng thu hồi	16.731.432.764	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm khó có khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	7.569.427.263	-		6.450.364.956	-	
Công ty TNHH Xây dựng Trung Quốc	22.458.123.987	6.737.437.195	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 2 đến 3 năm	23.058.123.986	11.529.061.993	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 đến 2 năm
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Trung Nam	15.396.626.470	10.777.638.526	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	32.338.291.885	22.636.804.315	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V.6. Nợ xấu (tt)**

31/12/2021

01/01/2021

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
Công ty Cổ phần Quốc tế Vạn Thắng	-	-	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 đến 2 năm	27.194.524.719	13.597.262.359	Khoản phải thu khó đòi quá hạn từ 1 đến 2 năm
Các đối tượng khác	1.176.650.261	496.995.078	Khoản phải thu quá hạn từ 1-3 năm	863.299.899	355.217.351	Khoản phải thu quá hạn từ 1-3 năm

Giá trị có thể thu hồi đang được trình bày là phần giá trị thuần các khoản nợ phải thu chưa lập dự phòng do chưa vượt khoảng thời gian quá hạn như quy định.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### V.8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	367.335.670.867	514.842.674.190	116.360.832.041	21.713.387.481	1.020.252.564.579
Mua trong năm	216.239.762	9.528.772.530	5.082.612.545	433.913.409	15.261.538.246
Đầu tư XDCB hoàn thành	160.199.360.853	24.964.989.633	19.900.000.000	-	205.064.350.486
Tăng do chuyển từ TSCĐ					
thuê tài chính	-	(12.791.520.000)	-	-	(12.791.520.000)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.163.263.636)	(80.000.000)	-	(1.243.263.636)
Số dư cuối năm	527.751.271.482	535.381.652.717	141.263.444.586	22.147.300.890	1.226.543.669.675
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	124.776.057.276	286.677.426.903	76.765.340.008	19.388.251.419	507.607.075.606
Khấu hao trong năm	17.912.985.606	42.921.138.084	8.836.028.908	948.325.040	70.618.477.638
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.078.220)	(47.777.777)	-	(55.855.997)
Số dư cuối năm	142.689.042.882	329.590.486.767	85.553.591.139	20.336.576.459	578.169.697.247
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	242.559.613.591	228.165.247.287	39.595.492.033	2.325.136.062	512.645.488.973
Số dư cuối năm	385.062.228.600	205.791.165.950	55.709.853.447	1.810.724.431	648.373.972.428

\*Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 167.465.029.848 VND.

\*Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 153.778.170.499 VND.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### V.22. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển	LN sau thu chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020								
Số dư tại ngày 01/01/2020	609.946.910.000	253.132.567.160	682.710.000	(473.500.000)	310.481.035.706	105.927.807.451	53.209.824.703	1.332.907.355.020
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	306.074.344.124	-	306.074.344.124
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	(244.000.000)	-	244.000.000	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019	-	-	-	-	-	(1.377.366.827)	-	(1.377.366.827)
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	-	-	(30.461.470.500)	-	(30.461.470.500)
Chia cổ tức năm 2020	-	-	-	-	-	(30.461.470.500)	-	(30.461.470.500)
Chí thù lao HĐQT & Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(560.000.000)	-	(560.000.000)
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	10.026.345.870	10.026.345.870
Giảm khác	-	-	-	-	-	(1.856.994.583)	-	(1.856.994.583)
Số dư tại ngày 31/12/2020	609.946.910.000	253.132.567.160	682.710.000	(717.500.000)	310.481.035.706	347.528.849.166	63.236.170.573	1.584.290.742.605
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021								
Số dư tại ngày 01/01/2021	609.946.910.000	253.132.567.160	682.710.000	(717.500.000)	384.510.005.831	273.499.879.041	63.236.170.573	1.584.290.742.605
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020	-	-	-	-	-	(4.591.115.162)	-	(4.591.115.162)
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(950.000.000)	-	(950.000.000)
Chia cổ tức năm 2020	-	-	-	-	-	(30.461.470.500)	-	(30.461.470.500)
Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	-	-	(30.461.470.500)	-	(30.461.470.500)
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	27.050.415.322	27.050.415.322
Số dư tại ngày 31/12/2021	609.946.910.000	253.132.567.160	682.710.000	(717.500.000)	384.510.005.831	207.035.822.879	90.286.585.895	1.544.877.101.765



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### VIII. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Tập đoàn

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2021		31/12/2021		01/01/2021	01/01/2021
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	728.805.703.430	-	590.363.131.616	-	728.805.703.430	590.363.131.616
Phải thu khách hàng	2.493.909.956.704	(62.958.170.507)	1.369.986.661.877	(77.332.830.298)	2.430.951.786.197	1.292.653.831.579
Phải thu khác	47.165.241.590	-	40.338.249.693	-	47.165.241.590	40.338.249.693
Tiền và các khoản tương đương tiền	624.568.484.588	-	1.183.353.090.185	-	624.568.484.588	1.183.353.090.185
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.894.449.386.312</b>	<b>(62.958.170.507)</b>	<b>3.184.041.133.371</b>	<b>(77.332.830.298)</b>	<b>3.831.491.215.805</b>	<b>3.106.708.303.073</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Vay và nợ	3.605.095.337.638	-	2.657.780.844.679	-	3.605.095.337.638	2.657.780.844.679
Phải trả người bán	2.122.819.701.669	-	2.025.976.832.234	-	2.122.819.701.669	2.025.976.832.234
Chi phí phải trả	134.967.986.429	-	86.333.296.503	-	134.967.986.429	86.333.296.503
Phải trả khác	327.813.300.562	-	130.440.411.374	-	327.813.300.562	130.440.411.374
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.190.696.326.298</b>	<b>-</b>	<b>4.900.531.384.790</b>	<b>-</b>	<b>6.190.696.326.298</b>	<b>4.900.531.384.790</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

### X.4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

#### Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn báo cáo hoạt động theo các khu vực địa lý: TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu và Đà Nẵng. Tập đoàn phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo khu vực địa lý như sau:

Chỉ tiêu	TP. HCM	Bình Dương	Bà Rịa Vũng Tàu	Đà Nẵng	Tổng cộng	Loại trừ	Tổng cộng toàn DN
<b>1. Doanh thu thuần</b>	<b>15.526.396.299.553</b>	<b>70.500.000</b>	<b>16.579.596.667.138</b>	<b>806.389.502.998</b>	<b>32.912.452.969.689</b>	<b>(11.597.437.492.428)</b>	<b>21.315.015.477.261</b>
Doanh thu thuần từ bán hàng bán ra bên ngoài	10.014.107.907.188	-	10.602.478.577.472	698.428.992.601	21.315.015.477.261	-	21.315.015.477.261
Doanh thu thuần từ bán hàng bán cho bộ phận khác	5.512.288.392.365	70.500.000	5.977.118.089.666	107.960.510.397	11.597.437.492.428	(11.597.437.492.428)	-
<b>2. Tổng chi phí</b>	<b>15.028.651.697.303</b>	<b>5.282.049.447</b>	<b>15.960.661.618.871</b>	<b>751.395.379.979</b>	<b>31.745.990.745.600</b>	<b>(11.565.063.339.421)</b>	<b>20.180.927.406.179</b>
Giá vốn	14.854.967.107.089	-	15.803.003.398.033	738.897.630.538	31.396.868.135.660	(11.562.206.369.097)	19.834.661.766.563
Giá vốn từ bán hàng	9.354.020.407.259	-	9.851.115.358.559	629.526.000.745	19.834.661.766.563	-	19.834.661.766.563
Giá vốn từ bán hàng bán cho bộ phận khác	5.500.946.699.830	-	5.951.888.039.474	109.371.629.793	11.562.206.369.097	(11.562.206.369.097)	-
Chi phí chung	173.684.590.214	5.282.049.447	157.658.220.838	12.497.749.441	349.122.609.940	(2.856.970.324)	346.265.639.616
<b>3. Lợi nhuận tài chính</b>	<b>61.760.807.586</b>	<b>300.760.987</b>	<b>(34.044.498.727)</b>	<b>(2.541.051.312)</b>	<b>25.476.018.534</b>	<b>(99.312.042.998)</b>	<b>(73.836.024.464)</b>
<b>4. Lợi nhuận từ hoạt động khác</b>	<b>2.439.447.798</b>	<b>395.682.918</b>	<b>(1.130.636.238)</b>	<b>141.795.608</b>	<b>1.846.290.086</b>	<b>37.690.577.271</b>	<b>39.536.867.357</b>
<b>5. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>561.944.857.634</b>	<b>(4.515.105.542)</b>	<b>583.759.913.302</b>	<b>52.594.867.315</b>	<b>1.193.784.532.709</b>	<b>(93.995.618.734)</b>	<b>1.099.788.913.975</b>
<b>6. Tài sản bộ phận</b>	<b>6.029.604.477.449</b>	<b>86.157.129.523</b>	<b>4.734.345.938.824</b>	<b>236.702.501.394</b>	<b>11.086.810.047.190</b>	<b>(2.081.031.135.845)</b>	<b>9.005.778.911.345</b>
Trong đó, tài sản không phân bổ	4.777.080.017	2.621.963.489	4.315.327.828	-	11.714.371.334	11.023.431.153	22.737.802.487
<b>7. Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>4.107.470.387.188</b>	<b>46.012.415.993</b>	<b>3.154.330.799.042</b>	<b>137.891.515.863</b>	<b>7.445.705.118.086</b>	<b>(858.803.404.208)</b>	<b>6.586.901.713.878</b>
Trong đó, nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	4.452.370.083	4.452.370.083

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## X.4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn báo cáo hoạt động theo các khu vực địa lý: TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu và Đà Nẵng. Tập đoàn phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo khu vực địa lý như sau::

Chỉ tiêu	TP. HCM	Bình Dương	Bà Rịa Vũng Tàu	Đà Nẵng	Tổng cộng	Loại trừ	Tổng cộng toàn DN
<b>1. Doanh thu thuần</b>	<b>10.808.924.236.079</b>	<b>387.562.905.792</b>	<b>11.680.104.766.485</b>	<b>335.394.848.710</b>	<b>23.211.986.757.066</b>	<b>(7.477.029.195.653)</b>	<b>15.734.957.561.413</b>
Doanh thu thuần từ bán hàng bán ra bên ngoài	7.756.211.027.633	266.740.535.582	7.377.876.157.188	334.129.841.010	15.734.957.561.413	-	15.734.957.561.413
Doanh thu thuần từ bán hàng bán cho bộ phận khác	3.052.713.208.446	120.822.370.210	4.302.228.609.297	1.265.007.700	7.477.029.195.653	(7.477.029.195.653)	-
<b>2. Tổng chi phí</b>	<b>10.692.132.307.841</b>	<b>396.764.982.611</b>	<b>11.397.556.914.869</b>	<b>311.441.426.573</b>	<b>22.797.895.631.894</b>	<b>(7.473.219.409.775)</b>	<b>15.324.676.222.119</b>
Giá vốn	10.479.105.444.179	380.624.118.176	11.214.186.179.284	311.441.426.573	22.385.357.168.212	(7.469.374.567.733)	14.915.982.600.479
Giá vốn từ bán hàng	9.566.333.762.576	132.376.454.514	5.272.749.161.886	(55.476.778.497)	14.915.982.600.479	-	14.915.982.600.479
Giá vốn từ bán hàng bán cho bộ phận khác	912.771.681.603	248.247.663.662	5.941.437.017.398	366.918.205.070	7.469.374.567.733	(7.469.374.567.733)	-
Chi phí chung	213.026.863.662	16.140.864.435	183.370.735.585	-	412.538.463.682	(3.844.842.042)	408.693.621.640
<b>3. Lợi nhuận tài chính</b>	<b>105.039.417.384</b>	<b>956.939.273</b>	<b>(39.152.862.589)</b>	<b>-</b>	<b>66.843.494.068</b>	<b>(116.080.461.514)</b>	<b>(49.236.967.446)</b>
<b>4. Lợi nhuận từ hoạt động khác</b>	<b>(2.562.284.792)</b>	<b>738.670.936</b>	<b>(9.245.827.761)</b>	<b>-</b>	<b>(11.069.441.617)</b>	<b>16.968.776.578</b>	<b>5.899.334.961</b>
<b>5. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>219.269.060.830</b>	<b>(7.506.466.610)</b>	<b>234.149.161.266</b>	<b>23.953.422.137</b>	<b>469.865.177.622</b>	<b>(102.921.470.813)</b>	<b>366.943.706.809</b>
<b>6. Tài sản bộ phận</b>	<b>4.655.328.081.739</b>	<b>103.873.681.334</b>	<b>3.534.655.845.401</b>	<b>277.129.530.548</b>	<b>8.570.987.139.022</b>	<b>(1.849.740.633.439)</b>	<b>6.721.246.505.583</b>
Trong đó, tài sản không phân bổ	10.640.177.240	2.018.545.349	3.274.366.950	-	15.933.089.539	4.095.926.952	20.029.016.491
<b>7. Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>3.322.359.051.363</b>	<b>59.817.280.402</b>	<b>2.817.704.323.286</b>	<b>-</b>	<b>6.199.880.655.051</b>	<b>(1.062.924.892.073)</b>	<b>5.136.955.762.978</b>
Trong đó, nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	4.303.114.017	4.303.114.017